TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301429113
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-07-24 16:56:43
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 498/TCT-P.TC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**
- Mã chứng khoán: CC1
- Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam
- Điện thoại: 028.38.222.059 Fax: 028.38.290.500
- Email: info@cc1.vn
2. Nội dung thông tin công bố: Cập nhật tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.
3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24./07/2026 tại đường dẫn: https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: P.TC, P.HC.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lã Thái Hiệp

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP
www.cc1.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2026

THƯ MỜI HỌP TRỰC TUYẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1") (Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh; GCNĐKDN số: 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 29/07/2010) trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 như sau:

1. **Thời gian: 08 giờ 30 Thứ Năm, ngày 30 tháng 07 năm 2026**
2. **Hình thức tổ chức họp ĐHĐCĐ: Trực tuyến**
3. **Địa điểm điều hành ĐHĐCĐ:** Tòa nhà Sailing Tower – 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

   Lưu ý: CC1 không tổ chức đón tiếp Cổ đông trực tiếp tại địa điểm điều hành ĐHĐCĐ nêu trên. Quý Cổ đông vui lòng tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung bằng hình thức trực tuyến. Chi tiết cách thức đăng ký tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung bằng hình thức trực tuyến, Quý Cổ đông vui lòng tham khảo tại website: https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html và website: https://ezgsm.fpts.com.vn
4. **Đối tượng tham dự:** Tất cả Cổ đông có tên trong Danh sách sở hữu cổ phần của CC1 chốt ngày **30/06/2026** do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh phát hành.
5. **Chương trình và tài liệu:** Quý Cổ đông vui lòng tham khảo chi tiết tại website: https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html và website: https://ezgsm.fpts.com.vn từ ngày **09/07/2026.**
6. **Cách thức tham dự, biểu quyết và bầu cử trực tuyến:**

   Quý cổ đông thực hiện quyền tham dự, biểu quyết và bầu cử trực tuyến kể từ **17 giờ 00 ngày 28/07/2026** bằng cách đăng nhập Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến tại:

   - **Website**: https://ezgsm.fpts.com.vn/Login
   - **Tên đăng nhập**: [được ghi trong thư mời họp của từng cổ đông]
   - **Mật khẩu đăng nhập**: [được ghi trong thư mời họp của từng cổ đông]
7. **Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ**: Trường hợp Quý Cổ đông ủy quyền cho người đại diện tham dự, Quý Cổ đông vui lòng lập Giấy ủy quyền theo mẫu của CC1 (đính kèm) hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và gửi bản chính về địa chỉ dưới đây trước **17 giờ 00 ngày 28/07/2026**.
8. **Thông tin liên hệ hỗ trợ:**
   - **Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP**
   - Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Sailing Tower – Số 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
   - Điện thoại: (028) 38 224 237
   - Người liên hệ: Bà Nguyễn Thị Trung Hoa – Email: hoa.ntt@cc1.vn

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP
M.S.D.N: 0301429113

PHAN HỮU DUY QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 ("Đại hội")

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP ("CC1")

- Thời gian: 8 giờ 30, thứ Năm, ngày 30/7/2026.
- Địa điểm điều hành: Trụ sở Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP
  Địa chỉ: Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hình thức: Hội nghị trực tuyến (online).
- Chương trình:

THỜI GIAN	STT	NỘI DUNG
08h30 – 09h00	1	Cổ đông đăng nhập đường link làm thủ tục đăng ký tham dự.
09h00 – 09h15	2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
	3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
	4	Giới thiệu nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu. Chủ tọa chỉ định Ban Thư ký. Thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu
	5	Phát biểu khai mạc.
09h15 – 09h30	6	Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031.
	7	Biểu quyết các nội dung tại mục 4 và 6
09h30 – 09h45	8	**Thông qua các Báo cáo, Tờ trình:**
	8.1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2026 (đã bao gồm Báo cáo

THỜI GIAN	STT	NỘI DUNG
		hoạt động của thành viên HĐQT độc lập năm 2025, Báo cáo của Ủy ban kiểm toán (UBKT) năm 2025 và kế hoạch năm 2026).
	8.2	Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ (NK) 2021-2026 và định hướng kế hoạch hoạt động NK 2026-2031 (đã bao gồm Báo cáo hoạt động của UBKT NK 2022-2026 và định hướng kế hoạch NK 2026-2031).
	8.3	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.
	8.4	Tờ trình về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.
	8.5	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.
	8.6	Tờ trình về kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2026.
	8.7	Tờ trình về kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, UBKT năm 2026.
	8.8	Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính trụ sở chính, riêng và hợp nhất năm 2026**.**
	8.9	Tờ trình về tăng vốn điều lệ năm 2026.
	8.10	Tờ trình về việc chấp thuận cơ chế giao cho Hội đồng quản trị quyết định hoạt động đầu tư, bán tài sản.
	8.11	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ của CC1
	8.12	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1.
	8.13	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CC1.
	8.14	Tờ trình về bầu Thành viên HĐQT NK 2026-2031
09h45 – 10h45	9	Thảo luận, giải đáp các ý kiến của cổ đông.
	10	Biểu quyết các nội dung tại mục 8.

THỜI GIAN	STT	NỘI DUNG
	11	Bầu cử thành viên HĐQT NK 2026-2031.
	12	Nghỉ giải lao.
10h45 – 11h15	13	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
	14	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT NK 2026-2031.
	15	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
11h15 – 11h30	16	**Bế mạc Đại hội**

TM. BAN TỔ CHỨC
CT.HĐQT – TRƯỞNG BAN

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**CC1**");*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1.*

Hội đồng Quản trị ("***HĐQT***") CC1 kính trình Đại hội đồng Cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") xem xét thông qua **Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026** của CC1.

Đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.*

Điều 1. Mục đích

1.1. Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

1.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng Cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

2.1. ***Đối tượng áp dụng***: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP và khách mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

2.2. ***Phạm vi áp dụng***: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

3.1. Tổng Công ty/CC1 : Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

3.2.	HĐQT	:	Hội đồng Quản trị CC1
3.3.	BTC	:	Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông CC1
3.4.	ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng Cổ đông CC1
3.5.	Đại biểu	:	Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (*người được ủy quyền*)
3.6.	Hệ thống livestream cuộc họp ĐHĐCĐ	:	Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên website https://ezgsm.fpts.com.vn và www.youtube.com
3.7.	Bỏ phiếu điện tử	:	Là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử do CC1 quy định và thông báo cho đại biểu.

Điều 4. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

4.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết[1].

4.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

4.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Lưu ý: Tỷ lệ cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến được xác định khi đại biểu đã thực hiện "**Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến**" tại hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Đại biểu tham gia cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

5.1. Tất cả cổ đông của Tổng Công ty theo danh sách chốt ngày 30/06/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc uỷ quyền cho đại

[1] Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty

diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

5.2. Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:

5.2.1. **Yêu cầu kỹ thuật:** Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).

5.2.2. **Cách thức thực hiện:** Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.

5.2.3. **Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến:** Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến khi Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp trong thông báo mời họp và đã thực hiện "**Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến"** tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội (nếu có)

6.1. Là các chức danh quản lý của Tổng Công ty, khách mời, thành viên trong BTC không phải là cổ đông của Tổng Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

6.2. Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội *(trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).*

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

7.1. Đoàn chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên. Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCĐ hoặc chủ tịch HĐQT ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa Đại hội.

7.2. Chủ tịch Đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Thành viên độc lập HĐQT thuộc Ủy ban Kiểm toán hoặc một trong các Thành viên HĐQT điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

7.3. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

7.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

7.5. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

7.5.1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.

7.5.2. Phân công nhân sự trình bày các báo cáo tại Đại hội.

7.5.3. Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.

7.5.4. Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có).

7.5.5. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

7.5.6. Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.5.7. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

7.5.8. Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

7.5.9. Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

8.1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

8.2. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Phân công
1	Ông Nhâm Thất Tùng	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên
3	Bà Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên

8.3. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

8.3.1. Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.

8.3.2. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách đại biểu trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.

8.3.3. Phối hợp với ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội

9.1. Ban Thư ký của Đại hội do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

9.2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký Đại hội:

9.2.1. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định.

9.2.2. Ghi chép biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

9.2.3. Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

10.1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 Thành viên. Đại hội đồng Cổ đông bầu/thông qua Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

10.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

10.2.1. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

10.2.2. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.

10.2.3. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

10.2.4. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

11.1. Nguyên tắc:

11.1.1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

11.1.2. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.

11.1.3. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:

a. Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link https://ezgsm.fpts.com.vn hoặc gửi

email về địa chỉ: thuy.tt@cc1.vn (trước giờ thảo luận). (*Các câu hỏi được xem là hợp lệ khi được gửi từ email đã đăng ký trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc email do Cổ đông đã đăng ký thông tin trong Giấy đăng ký dự họp hoặc ủy quyền đã được gửi bản cứng về Tổng Công ty*).

b. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

11.2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

11.2.1. Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;

11.2.2. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Tổng Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

12.1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết, bầu cử công khai. Đại biểu có thể lựa chọn bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử tại đường link: https://ezgsm.fpts.com.vn.

12.2. Bỏ phiếu điện tử:

12.2.1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

12.2.2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử.

12.2.3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

a. Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
b. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

c. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

12.2.4. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:

a. Nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17 giờ 00 phút ngày 28/07/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 01.
b. Nội dung biểu quyết lần thứ 02 (gồm báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17 giờ 00 phút ngày 28/07/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 02.
c. Nội dung Bầu cử: Đại biểu thực hiện bầu cử từ 17 giờ 00 phút ngày 28/07/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung bầu cử.
d. Nội dung biểu quyết lần thứ 03 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17 giờ 00 phút ngày 28/07/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 03.
e. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

12.3. Thể lệ biểu quyết:

12.3.1. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

12.3.2. Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 30/06/2026) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 397.906.100 cổ phần tương đương với 397.906.100 quyền biểu quyết.

12.3.3. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết

của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Điều lệ Tổng Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Lưu ý: Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các *(i)* hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và *(ii)* hợp đồng, giao dịch vay, cho vay (đối tượng cho vay phải tuân thủ quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán), bán tài sản có giá trị lớn hơn mười 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

12.4. Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng Cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031

Việc bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031 phải được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 – 2031 và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc này được đọc công khai trước cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ của Tổng Công ty biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu: P.PC, P.HC, Thư ký HĐQT.

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**CC1**");*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1.*

Hội đồng Quản trị ("***HĐQT***") CC1 kính trình Đại hội đồng Cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") xem xét thông qua **Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT** của CC1 nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP NHIỆM KỲ 2026 – 2031

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản được sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản được sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản được sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.*

Điều 1. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

1.1.	Tổng Công ty/CC1	:	Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
1.2.	HĐQT	:	Hội đồng Quản trị Tổng Công ty
1.3.	BTC	:	Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông CC1
1.4.	ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng Cổ đông
1.5.	Đại biểu	:	Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông *(người được ủy quyền)*
1.6.	Bỏ phiếu điện tử	:	Là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử do CC1 quy định và thông báo cho đại biểu.

Điều 2. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể như sau:

2.1. Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;

2.2. Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;

2.3. Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử *(nếu có).*

Điều 3. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

3.1. Thông tin chung:

3.1.1. Số lượng thành viên HĐQT bầu cử: 05 người.

3.1.2. Nhiệm kỳ: 2026 – 2031

3.1.3. Số lượng ứng cử viên thành viên HĐQT tối đa: Không hạn chế, nhưng ứng cử viên phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều lệ của CC1.

3.2. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: *(theo Điều 10 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty)*

3.2.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3.2.2. Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại Điều 3.3 và Điều 3.4 dưới đây.

3.2.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

3.3. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT: *Ứng cử viên tham gia Hội đồng Quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều 275.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 1.78 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, Điều 32.4 Điều lệ của Tổng Công ty)*

3.3.1. Đối với thành viên HĐQT

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;

c. Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT hoặc Hội Đồng Thành Viên của tối đa 05 công ty khác.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử

4.1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

4.2. Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

4.3. Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

4.4. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng Quản trị.

Điều 5. Phương thức bầu cử

5.1. Thực hiện theo Phương thức bầu dồn phiếu *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020).*

5.1.1. Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.

5.1.2. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5.2. Đại biểu tham dự trực tuyến truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội).

5.3. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội).

Điều 6. Phiếu bầu cử

6.1. Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là **Phiếu bầu cử trực tuyến.**

6.2. Trong trường hợp cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 7. Thực hiện bầu cử và xác định kết quả

7.1. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

7.1.1. **Cách ghi Phiếu bầu cử:**

a. Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.

b. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" của các ứng viên tương ứng.

c. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "**Số phiếu bầu**" của các ứng viên tương ứng.

7.1.2. **Lưu ý:**

a. Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử

bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.

b. Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.

c. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

d. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Tổng Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

7.2. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử:

7.2.1. Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

7.2.2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

7.2.3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 8. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT

8.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

8.1.1. Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT *(theo mẫu).*

8.1.2. Sơ yếu lý lịch *(theo mẫu).*

8.1.3. Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Thẻ Căn cước/ Hộ chiếu.

8.1.4. Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

8.1.5. Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong Điều lệ CC1.

8.2. Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

8.3. Hồ sơ xin gửi về Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP trước 17 giờ 00 phút ngày 28/07/2026 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3822 2059 **Fax: 028.3829 0500**

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP biểu quyết thông qua.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ CC1, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu: P.PC, P.HC, Thư ký HĐQT.

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG

V/v: Đề cử ứng cử viên bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP nhiệm kỳ 2026-2031

- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP ("CC1");
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031 của CC1 ("Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử");

Hôm nay, ngày ..... tại ....., chúng tôi là những Cổ đông của CC1, cùng nhau nắm giữ ..... cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CC1, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Số CP sở hữu /đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ký và ghi rõ họ tên
Tổng cộng					

Sau khi tham khảo quy định về đề cử, ứng cử của CC1, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị CC1 nhiệm kỳ 2026-2031 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

Ông/Bà: ……..……..……..

Ngày sinh: ……. Nơi sinh: …….....……..…….....

Địa chỉ thường trú: ..……..….....….

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ……...…… Ngày cấp: .....…… Nơi cấp: ……....

Trình độ học vấn: …….....…..…… Chuyên môn: ....…….....

Chúng tôi cam đoan ông/bà …….....…… có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử của CC1.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử của CC1.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông/Bà: ……..……..……..

Địa chỉ thường trú: ..…….....……..…….

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: …… Ngày cấp: .....……. Nơi cấp: ….....…….

Trình độ học vấn: …….....……. Chuyên môn: ....…….....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định của các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử của CC1.

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ ....., ngày ...../...../2026 tại .....

Chúng tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Trân trọng!

Hồ sơ kèm theo:

1. Bản gốc Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai;
2. Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu, nếu là tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm 2026

ĐƠN ĐỀ CỬ / ỨNG CỬ

Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Kính gửi: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (CC1)

Tên cổ đông / Người đại diện nhóm cổ đông: .....

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Hiện đang sở hữu / Đại diện nhóm cổ đông sở hữu (Đính kèm biên bản họp nhóm cổ đông): ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CC1.

Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031 của CC1 ("Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử"), Điều lệ CC1 và quy định pháp luật hiện hành, tôi / chúng tôi trân trọng ứng cử / đề cử ứng viên sau đây vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) CC1 nhiệm kỳ 2026-2031:

Ông/Bà: ……

Ngày sinh: ……. Nơi sinh: ……

Địa chỉ thường trú: ……

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: …… Ngày cấp: ..... Nơi cấp: ……

Chuyên môn: .....

Tôi / Chúng tôi cam đoan ông/bà …… có đủ điều kiện được ứng cử / đề cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử của CC1.

Tôi / Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử của CC1 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng!

Hồ sơ kèm theo:

1. Bản gốc Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai;
2. Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên;
3. Biên bản họp nhóm cổ đông (nếu có).

CỔ ĐÔNG
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu, nếu là tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: .....
2. Giới tính: .....
3. Ngày tháng năm sinh: .....
4. Nơi sinh: .....
5. Quốc tịch: .....
6. CMND/CCCD/HC: ..... - Ngày cấp: .....
7. Hộ khẩu thường trú: .....
8. Trình độ chuyên môn: .....
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		
Từ … – đến …		

10. Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1"): …, chiếm …% vốn điều lệ
11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
    - .....
    - .....
12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có):
13. Cam kết:

    Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

- Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

....., ngày .... tháng .... năm 2026

NGƯỜI KHAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán

1/ Họ và tên:

2/ Giới tính:

3/ Ngày tháng năm sinh:

4/ Nơi sinh:

5/ Số CCCD: - Ngày cấp:

6/ Quốc tịch:

7/ Dân tộc:

8/ Địa chỉ thường trú:

9/ Số điện thoại:

10/ Địa chỉ email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

14/ Số CP nắm giữ: 0, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

---

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)/ NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1																
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/BC-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày ….. tháng ….. năm 2026

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1") trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. Về thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025

Trích xuất từ Báo cáo tài chính hợp nhất đến ngày 31/12/2025 đã kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ và hợp nhất của CC1 với các chỉ tiêu cơ bản sau:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	KH năm 2025		TH năm 2025		Tỷ lệ % TH 2025 so với KH 2025	
		BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
1	Doanh thu thuần	12.367	12.889	11.617	11.816	94%	92%
2	Lợi nhuận gộp	523	651	488	532	93%	82%
3	Lợi nhuận trước thuế	309	371	322	270	104%	73%
4	Lợi nhuận sau thuế	247	297	246	190	100%	64%
5	Chia cổ tức	9% (bằng cổ phiếu)	9% (bằng cổ phiếu)	5% (bằng cổ phiếu)	5% (bằng cổ phiếu)		

II. Hoạt động của HĐQT năm 2025

1. Các cuộc họp và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ ("Điều lệ") của CC1, luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của CC1, thực hiện tốt các chủ trương, chiến lược đã đề ra; giải quyết kịp thời những phát sinh của Ban Tổng giám đốc ("Ban TGĐ") trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban TGĐ thông qua việc thực hiện Điều lệ của CC1, Quy chế nội bộ về quản trị và các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT ban hành.
- Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công; tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT.
- Năm 2025, HĐQT đã tổ chức các phiên họp trực tiếp/ trực tuyến và lấy ý kiến bằng Phiếu/mail để quyết định các vấn đề về quản trị, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chủ trương, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của CC1 và tình hình thực tế. HĐQT CC1 đã ban hành 69 Nghị quyết, Quyết định thông qua các chủ trương về đầu tư, hợp tác kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh theo giai đoạn, phê duyệt phương án tài chính các dự án đầu tư; ban hành các quy chế nội bộ; phương án tăng vốn, thoái vốn tại các công ty thành viên; M&A; thành lập công ty, chi nhánh theo định hướng phát triển ngành nghề kinh doanh, các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền,... Danh mục Nghị quyết và Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2025 được báo cáo trong Báo cáo tình hình quản trị CC1 năm 2025 và Báo cáo Thường niên đã công bố thông tin.

2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT: Theo Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đính kèm.

3. Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT CC1: Theo Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT đính kèm.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với người nội bộ và người có liên quan:

4.1. Giao dịch giữa CC1 với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch**:** Không có.

4.2. Giao dịch giữa CC1, công ty con, công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với người nội bộ và người có liên quan**:** tham chiếu mục số 37- Thuyết minh

về các bên liên quan tại Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán (từ trang 59 đến 64)

5. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên. Trong năm 2025 đã thực hiện như sau:

- Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng nội dung đã đề ra.
- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của CC1 tuân thủ đúng pháp luật, đúng quy định, quy trình trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời linh hoạt theo tình hình biến động của thị trường
- Việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định; Cũng như việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với người lao động,…
- Tham gia và giám sát các cuộc họp giao ban của Ban Tổng giám đốc với các bộ phận chức năng và người đại diện phần vốn tại các công ty thành viên.
- Việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.
- Việc thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên theo luật định.

6. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán:

- Thực hiện năm 2025: Theo Phụ lục 01 (Báo cáo Thù lao của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán thực hiện năm 2025) đính kèm.
- Kế hoạch năm 2026: được thể hiện tại Tờ trình về kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2026.

7. Báo cáo các nội dung công việc đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025 và Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026:

7.1. Tăng vốn điều lệ năm 2025 thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024.

- **Tình trạng:** Đã hoàn thành
- **Kết quả thực hiện:**
  - Tỷ lệ cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ: 11% (bằng cổ phiếu).
  - Số cổ phiếu trước phát hành: 358.507.825 cổ phiếu.

- Số cổ phiếu sau phát hành: 397.906.100 cổ phiếu.
- Vốn điều lệ sau phát hành: 3.979.061.000.000 đồng.

➢ **Cơ sở pháp lý xác nhận:** (i) Công văn số 2576/UBCK-QLCB ngày 17/6/2025 của UBCKNN chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức; (ii) Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 ngày 17/7/2025 do Sở Tài chính TP. HCM cấp.

7.2. Bán cổ phiếu quỹ

➢ **Tình trạng:** Đã hoàn thành.

➢ **Kết quả thực hiện:** Đã bán toàn bộ 337.800 cổ phiếu quỹ đăng ký bán.

➢ **Cơ sở pháp lý xác nhận:** Công văn số 5422/UBCK-QLCB ngày 19/9/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận đã nhận đủ tài liệu báo cáo bán cổ phiếu quỹ.

7.3. Niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

➢ **Tình trạng:** Chưa hoàn thành

➢ **Nguyên nhân:** căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường chứng khoán và đánh giá các điều kiện niêm yết, công ty nhận thấy thời điểm hiện tại chưa phải là lúc thích hợp nhất để chuyển sàn. Tổng Công ty đánh giá sẽ chuyển sàn khi điều kiện thị trường thuận lợi hơn. Quyết định này nhằm đảm bảo quá trình chuyển sàn diễn ra suôn sẻ và đem lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

7.4. Tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

➢ **Tình trạng:** Đã hoàn thành

➢ **Kết quả thực hiện:**

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 100.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 76.750.000 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 76,75% số cổ phiếu dự kiến chào bán).
- Vốn điều lệ sau phát hành: 4.746.561.000.000 đồng.

➢ **Cơ sở pháp lý xác nhận:** (i) Công văn số 5766/UBCK-QLCB ngày 23/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ; và (ii) Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18.

7.5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn:

Hội đồng quản trị kính báo cáo và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua toàn văn Báo cáo tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu

riêng lẻ cho nhà đầu tư đến ngày 02/7/2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NAV.

(Chi tiết theo tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư đã kiểm toán được đính kèm).

B. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Các chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2026.

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch kinh doanh và Chi trả cổ tức năm 2026	Thực hiện (TH) năm 2025		Kế hoạch (KH) năm 2026		Tỷ lệ % KH 2026 so với TH 2025	
		BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	11.617	11.816	18.000	18.607	155%	157%
2	Lợi nhuận trước thuế	322	270	450	492	140%	182%
3	Cổ tức	5% (bằng cổ phiếu)	5% (bằng cổ phiếu)	7% (bằng tiền/cổ phiếu)	7% (bằng tiền/cổ phiếu)	-	-
4	Quỹ đầu tư phát triển	15	15	22	22	147%	147%
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	15	22	22	147%	147%

2. Định hướng trọng tâm kế hoạch năm 2026

Năm 2026 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ 2026–2031, có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nền tảng triển khai các mục tiêu chiến lược của CC1. Trên cơ sở định hướng phát triển của nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị xác định các trọng tâm công tác trong năm 2026 như sau:

(1) Kiện toàn mô hình quản trị nhiệm kỳ mới

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị; rà soát, sửa đổi các quy chế nội bộ, phân cấp, phân quyền và tăng cường hiệu quả giám sát hoạt động điều hành nhằm bảo đảm hệ thống quản trị vận hành thống nhất, minh bạch và hiệu quả.

(2) Triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2031

Tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình hành động, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính trung hạn; xác định danh mục các dự án trọng điểm và các lĩnh vực ưu tiên phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty.

(3) Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Chỉ đạo Ban điều hành tập trung thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền, giá trị trúng thầu và hiệu quả sử dụng vốn theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đồng thời tăng cường kiểm soát tiến độ, chất lượng và an toàn tại các dự án.

(4) Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính và kiểm soát rủi ro

Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn, công nợ và các khoản đầu tư; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường quản trị rủi ro tài chính và bảo đảm an toàn tài chính của Tổng Công ty.

(5) Đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác quản trị

Triển khai các chương trình chuyển đổi số theo lộ trình; đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống ERP, chuẩn hóa dữ liệu quản trị và từng bước áp dụng các nền tảng số trong quản lý dự án, quản trị điều hành và hỗ trợ ra quyết định.

(6) Chuẩn bị các dự án đầu tư cho giai đoạn tăng trưởng mới

Tập trung nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn các cơ hội đầu tư trong các lĩnh vực hạ tầng, logistics, năng lượng, khu công nghiệp và các lĩnh vực phù hợp với năng lực của Tổng Công ty; bảo đảm việc chuẩn bị đầu tư được thực hiện thận trọng, hiệu quả và kiểm soát tốt rủi ro.

(7) Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia và kỹ sư có trình độ chuyên môn cao; hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc, đào tạo đội ngũ kế cận và phát triển văn hóa doanh nghiệp hướng tới đổi mới, chuyên nghiệp và trách nhiệm.

(8) Nâng cao chất lượng quản trị công ty đại chúng và quan hệ cổ đông

Tiếp tục tăng cường minh bạch thông tin, nâng cao chất lượng công bố thông tin, đẩy mạnh hoạt động quan hệ nhà đầu tư và từng bước triển khai các nội dung quản trị theo thông lệ tốt và định hướng ESG, góp phần nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu CC1 trên thị trường.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu TK.HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP NĂM 2025

Kính gửi: - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hiện hành, tôi xin báo cáo về hoạt động của mình và đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("Tổng Công ty") trong năm 2025 như sau:

I. VAI TRÒ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, với vai trò là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, tôi đã thực hiện nhiệm vụ trên nguyên tắc độc lập, trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích hợp pháp và lâu dài của Tổng Công ty và tất cả Cổ đông.

Phạm vi tham gia của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Tham gia xem xét, cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- Giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;
- Theo dõi, xem xét các vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ và công bố thông tin;
- Tham gia phản biện, góp ý độc lập nhằm tăng cường tính minh bạch, tính thận trọng và chất lượng ra quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Thực hiện vai trò của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán trong phạm vi điều kiện thực tế của Tổng Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cơ bản đã thực hiện đúng vai trò là cơ quan quản lý, định hướng và giám sát hoạt động của Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ.

1. **Về cơ cấu và tổ chức hoạt động**

   Hội đồng Quản trị đã duy trì hoạt động theo cơ cấu tổ chức hiện có, bảo đảm thực hiện chức năng quyết định, chỉ đạo và giám sát các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức theo chương trình công tác, đồng thời có xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh khi cần thiết.

2. **Về công tác họp, thảo luận và ban hành quyết nghị**

   Các nội dung trình Hội đồng Quản trị nhìn chung đã bám sát các vấn đề trọng yếu của Tổng Công ty. Tài liệu phục vụ họp, lấy ý kiến và nội dung thảo luận từng bước được chuẩn hóa hơn, tạo cơ sở để các thành viên Hội đồng Quản trị xem xét, cho ý kiến và biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền.

3. **Về vai trò định hướng và giám sát**

   Hội đồng Quản trị đã quan tâm tới các vấn đề cốt lõi của Tổng Công ty như định hướng chiến lược, hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, đầu tư, quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật, công bố thông tin và các vấn đề ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu, quyền lợi Cổ đông.

4. **Về tinh thần trách nhiệm và phối hợp nội bộ**

   Các thành viên Hội đồng Quản trị cơ bản đã tham gia với tinh thần trách nhiệm, thận trọng, có phối hợp trong thảo luận và xem xét các vấn đề quan trọng. Trong điều kiện thực tế của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị đã nỗ lực duy trì vai trò quản trị, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ban Điều hành cơ bản đã tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, đồng thời báo cáo, xin ý kiến đối với các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền hoặc vượt thẩm quyền.
2. Công tác điều hành đã bám sát các mục tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư và vận hành của Tổng Công ty; đồng thời từng bước chú trọng hơn đến yêu cầu

kiểm soát rủi ro, tuân thủ, kiểm soát dòng tiền, công nợ, hiệu quả dự án và tính minh bạch của thông tin quản trị.

3. Hội đồng Quản trị đã có sự trao đổi, giám sát và yêu cầu Ban Điều hành tiếp tục nâng chất lượng hệ thống báo cáo quản trị, tăng tính kịp thời, đồng nhất và khả năng hỗ trợ ra quyết định, đặc biệt đối với các nội dung liên quan đến tài chính, dự án, đầu tư, pháp lý, công ty con/liên kết và các rủi ro trọng yếu.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VỚI TƯ CÁCH CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm 2025, trên cương vị Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, tôi đã cùng các thành viên liên quan xem xét, trao đổi và cho ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm soát, tuân thủ và quản trị rủi ro theo điều kiện thực tế của Tổng Công ty.

Trọng tâm giám sát tập trung vào:

- Tình hình tài chính, báo cáo tài chính và một số vấn đề kế toán, kiểm toán trọng yếu;
- Một số rủi ro trọng yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, dự án, công nợ, dòng tiền, nghĩa vụ pháp lý và kiểm soát nội bộ;
- Việc phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ủy ban Kiểm toán, Khối Tài chính và các đơn vị liên quan.
- Trong điều kiện hệ thống quản trị của Tổng Công ty đang tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán thời gian qua chủ yếu mang tính từng bước củng cố vai trò giám sát, nhận diện các khoảng trống cần cải thiện và kiến nghị tăng cường cơ chế kiểm soát, minh bạch hóa thông tin và chuẩn hóa quy trình báo cáo phục vụ Hội đồng Quản trị.

V. NHẬN ĐỊNH CHUNG

1. Hội đồng Quản trị đã cơ bản thực hiện đúng chức năng, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
2. Hội đồng Quản trị đã có sự quan tâm ngày càng rõ hơn đến chất lượng quản trị, tính minh bạch, công tác giám sát Ban Điều hành, kiểm soát rủi ro và hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.

3. Trong bối cảnh Tổng Công ty hoạt động trong ngành xây dựng với đặc thù dự án lớn, chu kỳ dài, yêu cầu vốn cao và nhiều rủi ro về tiến độ, pháp lý, hợp đồng, công nợ, dòng tiền và hiệu quả đầu tư, việc nâng cấp hệ thống quản trị, hệ thống báo cáo và cơ chế giám sát chuyên sâu là cần thiết và phù hợp.
4. Mặc dù vậy, Tổng Công ty vẫn cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa mô hình quản trị hiện đại, trong đó chú trọng:
    - Chuẩn hóa cơ chế hoạt động và chế độ báo cáo của các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị;
    - Nâng chất lượng báo cáo quản trị phục vụ Hội đồng Quản trị theo hướng tích hợp giữa chiến lược, tài chính, dự án, rủi ro, pháp lý và tuân thủ;
    - Tăng cường vai trò của Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ;
    - Nâng cao tính chủ động, tính dự báo và khả năng cảnh báo sớm đối với các vấn đề trọng yếu.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị theo hướng rõ vai trò, rõ trách nhiệm, rõ đầu ra báo cáo và tăng tính giám sát chuyên sâu.
2. Chuẩn hóa hệ thống báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất gửi Hội đồng Quản trị, bảo đảm thông tin trọng yếu được tổng hợp đầy đủ, kịp thời, nhất quán và có khả năng hỗ trợ quyết định.
3. Tăng cường giám sát các lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến chất lượng lợi nhuận và an toàn tài chính của Tổng Công ty, đặc biệt là quản trị dự án, dòng tiền, công nợ, nghĩa vụ nợ, giao dịch trọng yếu, đầu tư và công ty con/liên kết.
4. Tiếp tục củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, công bố thông tin và năng lực phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các Phòng ban chức năng.

VII. KẾT LUẬN

Tổng thể, trong năm 2025, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã nỗ lực thực hiện chức năng quản trị, định hướng và giám sát theo quy định; đồng thời từng bước quan tâm hơn đến việc nâng cao chất lượng quản trị, minh bạch thông tin và hiệu quả giám sát.

Với vai trò là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, tôi đánh giá Hội đồng Quản trị đã cơ bản hoàn thành chức năng, nhiệm vụ trong năm 2025, đồng thời cần tiếp tục thúc đẩy mạnh hơn quá trình hoàn thiện mô hình quản trị, hệ thống kiểm soát, quản trị rủi ro và cơ chế báo cáo để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty trong giai đoạn tới.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Nguyễn Thành Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. CƠ CẤU VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán hoạt động theo cơ cấu đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, với Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và một (01) thành viên thành viên Ủy ban Kiểm toán là Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.

Ủy ban Kiểm toán thực hiện chức năng tham mưu, hỗ trợ và giám sát đối với Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực trọng yếu gồm: rà soát báo cáo tài chính; công bố thông tin; giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ; xem xét các giao dịch có liên quan; và tăng cường phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các Phòng ban chức năng có liên quan.

Trong năm 2025, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng Công ty, theo hướng từng bước củng cố vai trò giám sát, nhận diện các khoảng trống quản trị và kiến nghị hoàn thiện cơ chế báo cáo, kiểm soát và minh bạch thông tin.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC

Trong năm 2025, thù lao, chi phí hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị và các quy định nội bộ hiện hành của Tổng Công ty.

Ủy ban Kiểm toán không ghi nhận các lợi ích khác ngoài các khoản được phê duyệt và thực hiện theo đúng thẩm quyền, quy chế, quy định áp dụng tại Tổng Công ty.

III. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức các cuộc họp định kỳ nhằm xem xét các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán và phục vụ công tác giám sát của Hội đồng Quản trị.

Nội dung các cuộc họp và trao đổi của Ủy ban Kiểm toán tập trung vào các nhóm vấn đề chủ yếu sau:

- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ, tình hình tài chính và một số vấn đề kế toán, kiểm toán trọng yếu của Tổng Công ty.
- Theo dõi tình hình kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật và công bố thông tin.
- Xem xét một số giao dịch, nội dung hoặc vấn đề có liên quan cần được lưu ý từ góc độ minh bạch, kiểm soát và quản trị.
- Trao đổi với Ban điều hành và các Phòng ban chuyên môn về những vấn đề cần tăng cường kiểm soát, chuẩn hóa quy trình và nâng cao chất lượng báo cáo quản trị.

Các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán đã góp phần hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng Công ty, tăng cường giám sát đối với các lĩnh vực trọng yếu và từng bước hoàn thiện đầu mối rà soát độc lập trong nội bộ cơ chế quản trị.

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp UBKT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Thành Vinh	02/02	100%	100%
2	Nguyễn Văn Ngọc (Bổ nhiệm ngày 16/05/2025)	01/02	50%	100%
3	Phan Văn Chính (Miễn nhiệm ngày 16/05/2025)	01/02	50%	100%

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

1. **Đối với báo cáo tài chính và tình hình tài chính**

   Ủy ban Kiểm toán đã xem xét các báo cáo tài chính định kỳ và một số vấn đề tài chính trọng yếu của Tổng Công ty. Qua đó, Ủy ban Kiểm toán nhận thấy công tác lập và cung cấp báo cáo đã từng bước được cải thiện, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục nâng cao chất lượng, tính kịp thời và tính liên kết giữa thông tin tài chính, dự án, công nợ, dòng tiền và đầu tư.

2. **Đối với hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro**

   Ủy ban Kiểm toán ghi nhận Tổng Công ty đã có bước chuyển trong việc củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro. Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán tập trung thúc đẩy cách tiếp cận quản trị rủi ro theo hướng chủ động hơn, không chỉ dừng ở kiểm tra và khắc phục sau khi phát sinh mà hướng tới nhận diện sớm rủi ro, thiết lập tín hiệu cảnh báo và kịp thời yêu cầu các biện pháp ứng phó phù hợp. Tổng Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ chế cảnh báo rủi ro, phân định rõ trách nhiệm theo dõi và xử lý rủi ro tại các cấp quản lý, đồng thời tăng cường việc cập nhật, báo cáo và giám sát kết quả xử lý nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, giảm thiểu tác động bất lợi và hỗ trợ Hội đồng Quản trị, Ban điều hành ra quyết định thận trọng, kịp thời hơn.

3. **Đối với việc giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác**

   Ủy ban Kiểm toán nhận thấy Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã duy trì cơ chế phối hợp trong việc trao đổi, xử lý các vấn đề quan trọng của Tổng Công ty. Ban điều hành cơ bản đã cung cấp thông tin phục vụ công tác giám sát; tuy nhiên cần tiếp tục nâng cao tính chủ động, tính đầy đủ và chất lượng giải trình đối với các nội dung trọng yếu.

4. **Đối với sự phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các Phòng ban liên quan**

   Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã duy trì sự phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các Phòng ban liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Việc phối hợp cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, song vẫn cần tiếp tục được

chuẩn hóa hơn về đầu mối, chế độ báo cáo và trách nhiệm phản hồi để nâng cao hiệu quả giám sát.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện chức năng của mình theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng Công ty trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đã góp phần:

- Hỗ trợ Hội đồng Quản trị tăng cường giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình tài chính và các vấn đề trọng yếu của Tổng Công ty;
- Từng bước củng cố cơ chế rà soát độc lập đối với công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ và minh bạch thông tin;
- Góp phần nhận diện các khoảng trống cần tiếp tục hoàn thiện trong hệ thống báo cáo quản trị, kiểm soát và phối hợp nội bộ.

Mặc dù vậy, Ủy ban Kiểm toán cũng nhận thấy Tổng Công ty vẫn cần tiếp tục nâng cấp mạnh hơn nền tảng quản trị hiện đại, đặc biệt ở các nội dung: chuẩn hóa mô hình giám sát theo rủi ro, tăng chất lượng báo cáo quản trị, nâng chiều sâu kiểm soát các lĩnh vực tài chính – dự án – công nợ – đầu tư, và tăng tính kết nối giữa Hội đồng Quản trị với các Phòng ban hỗ trợ kiểm soát.

VI. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Năm 2026, Ủy ban Kiểm toán tập trung vào các mục tiêu sau:
2. Tăng tính thực chất của hoạt động giám sát, không chỉ dừng ở rà soát hình thức báo cáo.
3. Chuẩn hóa chế độ báo cáo gửi Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.
4. Nâng trọng tâm giám sát vào các lĩnh vực có tác động lớn đến chất lượng lợi nhuận và an toàn tài chính của Tổng Công ty.
5. Từng bước gắn hoạt động của Ủy ban Kiểm toán với kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, công bố thông tin và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
6. Tạo nền tảng để Ủy ban Kiểm toán hoạt động bài bản hơn từ năm 2027 trở đi.

VII. KIẾN NGHỊ

1. Hội đồng Quản trị tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán theo hướng rõ vai trò, rõ đầu việc, rõ đầu ra báo cáo và rõ trách nhiệm phối hợp.

2. Ban điều hành chỉ đạo chuẩn hóa hệ thống báo cáo gửi Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán, bảo đảm đầy đủ, kịp thời, nhất quán và có thể sử dụng để giám sát.
3. Các Phòng ban chức năng và đơn vị liên quan tăng cường phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ, giải trình và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán.
4. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho việc củng cố kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, công bố thông tin và chất lượng quản trị doanh nghiệp.

VIII. KẾT LUẬN

Năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã hoạt động theo hướng từng bước củng cố vai trò giám sát và hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực tài chính, kiểm soát, tuân thủ và quản trị rủi ro.

Bước sang năm 2026, Ủy ban Kiểm toán định hướng tiếp tục nâng tính thực chất trong hoạt động, ưu tiên các lĩnh vực có rủi ro và tác động lớn đến Tổng Công ty, đồng thời từng bước hoàn thiện nền tảng để Ủy ban Kiểm toán hoạt động bài bản, hiệu quả và phù hợp hơn với yêu cầu quản trị hiện đại của CC1.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Vinh

DỰ THẢO

PHỤ LỤC 01

(Báo cáo Thù lao của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán thực hiện năm 2025)

- Tổng thù lao của HĐQT, Ủy ban kiểm toán (gọi tắt là tổng thù lao) thực hiện năm 2025, sẽ được hạch toán vào chi phí kinh doanh của CC1, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
Tổng thù lao năm 2025	Tối đa 7.000.000.000 đồng	5.640.000.000 đồng

- Chi tiết mức chi tổng thù lao thực hiện năm 2025 như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Ông Phan Hữu Duy Quốc	Chủ tịch HĐQT	1.800.000.000	Bổ nhiệm CT.HĐQT 03/02/2025
2	Ông Lê Bảo Anh	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	1.200.000.000	
3	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Phó chủ tịch HĐQT không điều hành kiêm thành viên UBKT	980.000.000	
4	Ông Nguyễn Thành Vinh	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT	260.000.000	
5	Ông Nguyễn Văn Huấn	Thành viên HĐQT không điều hành	1.080.000.000	
6	Ông Phan Văn Chính	Phó chủ tịch HĐQT không điều hành	320.000.000	Miễn nhiệm 21/4/2025
Tổng cộng			**5.640.000.000**	

- Tổng thù lao năm 2025 là **5.640.000.000 đồng** ***(Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng)***, tương ứng với 80,57% kế hoạch, sẽ được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng của CC1.

AUDIT AND ASSURANCE

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng đã được kiểm toán

www.nva.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA

Trụ sở chính:

Add : Số 196 Vũ Tông Phan, Phường Bình Trưng, TP. HCM
Tel : (028) 3910 3908 - (028) 3910 6162 - (028) 3910 4880
Email : nva@nva.com.vn Web: www.nva.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẾN NGÀY 02/07/2026 CỦA SỐ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2026 TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.979.061.000.000 ĐỒNG LÊN 4.746.561.000.000 ĐỒNG	06 – 08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẾN NGÀY 02/07/2026 CỦA SỐ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2026 TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.979.061.000.000 ĐỒNG LÊN 4.746.561.000.000 ĐỒNG	09 – 10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (sau đây gọi tắt là " Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng.

Khái quát

Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là sở tài chính) cấp ngày 29/07/2010. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 07/07/2026.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và căn hộ;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Quản lý vận hành nhà chung cư;
- Mua bán vật tư;
- Kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hữu Duy Quốc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/02/2025
Ông Lê Bảo Anh	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Phó chủ tịch không điều hành	Bổ nhiệm ngày 08/05/2025
Ông Nguyễn Thành Vinh	Thành viên độc lập	
Ông Trần Hữu Phong	Thành viên không điều hành	Bổ nhiệm ngày 09/01/2026

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Bảo Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Lê Hào	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/09/2025
Ông Lê Việt Hoài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2025
Ông Lã Thái Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/05/2026

Ủy Ban kiểm toán

Ông Nguyễn Thành Vinh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/05/2026

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phan Hữu Duy Quốc	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Bảo Anh	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình sử dụng vốn. Trong quá trình thực hiện, Tổng Công ty phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các văn kiện pháp lý khác có liên quan. Trong quá trình lập Báo cáo về tình hình sử dụng vốn này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và nghị định 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP
M.S.D.N: 0301429113

Lê Bảo Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2026

AUDIT AND ASSURANCE

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA
NVA AUDITING COMPANY LIMITED
Số 196 Vũ Tông Phan, Phường Bình Trưng, TP. HCM

Tel : (028) 3910 3908 - (028) 3910 6162
Email: nva@nva.com.vn
Web : www.nva.com.vn

Số: 22.06.2.1/26/BCV/NVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng (gọi tắt là báo cáo tình hình sử dụng vốn) của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (gọi tắt là Tổng Công ty), được lập ngày 09/07/2026, từ trang 06 đến trang 10, bao gồm: Báo cáo tình hình sử dụng vốn và bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tình hình sử dụng vốn của Tổng Công ty phù hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tình hình sử dụng vốn của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo này do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo này.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Cơ sở lập báo cáo

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số 3 trang 9, Bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo này được lập để Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP sử dụng cho mục đích cung cấp thông tin về tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 cho cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và đáp ứng yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA **Phó Tổng Giám đốc**	**Kiểm toán viên**
Cao Thị Hồng Nga Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0613-2023-152-1	**Lê Thị Như Ngọc** Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4799-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẾN NGÀY 02/07/2026 CỦA SỐ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2026 TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.979.061.000.000 ĐỒNG LÊN 4.746.561.000.000 ĐỒNG

I. Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2026

1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026 đã thông qua phương án phát hành 100.000.000 cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với giá bán 11.100 đồng/cp cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định lựa chọn nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu cho từng nhà đầu tư và triển khai thực hiện.

Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 09/01/2026 về việc phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/NQ-HĐQT ngày 21/01/2026 về việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư, danh sách nhà đầu tư được chào bán, phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Văn bản số 2287/UBCK-QLCB ngày 24/03/2026 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-HĐQT ngày 10/06/2026 về việc triển khai phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Thông báo 380/TCT-P.TC ngày 12/06/2026 gửi nhà đầu tư về thời gian nộp tiền mua cổ phiếu. Nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản phong tỏa số 1603799999999 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt.

Tờ trình 36/2026/TTr-PTC ngày 17/06/2026 của Tổng Giám đốc về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 55/NQ-HĐQT ngày 18/06/2026 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ, hủy bỏ số cổ phiếu còn lại không phân phối hết.

Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 389/TCT-P.TC ngày 18/06/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Văn bản 5766/UBCK-QLCB ngày 23/06/2026 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CC1.

2. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ

1. Tên cổ phiếu: **Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP**
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.
4. Phương thức phát hành: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
5. Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 100.000.000 cổ phiếu.
7. Giá phát hành: 11.100 đồng/CP

8. Số cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư không phân phối hết sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không tìm được nhà đầu tư phù hợp sẽ được điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số cổ phiếu thực tế đã phân phối.

9. Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến từ quý 1/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước thông báo về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

10. Phương án sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 1.110.000.000.000 đồng sẽ được phân bổ sử dụng cho mục đích đầu tư vào các dự án hạ tầng theo phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP-Public Private Partnership) do liên doanh thực hiện, trong đó CC1 tham gia với tư cách thành viên liên danh, cụ thể như sau:

- Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư cầu Cát Lái để thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Cát Lái;

- Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Cầu Long Hưng để thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Cầu Long Hưng (*cầu Đồng Nai 2).*

Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền quyết định mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi nhưng vẫn đảm bảo phù hợp tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.

11. Ngày kết thúc đợt chào bán: 17/06/2026

3. Kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ

1.	Thời gian bắt đầu nộp tiền	15/06/2026				
2	Thời gian kết thúc nộp tiền	17/06/2026				
3.	Bán cho cổ đông riêng lẻ	76.750.000	(cp)	x 11.100	đ =	851.925.000.000
	Tổng số tiền thu được	**76.750.000**	(cp)			**851.925.000.000**

II. Tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng.

Để tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn trong giai đoạn chờ giải ngân theo phương án sử dụng vốn tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026. Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á tại tờ trình số 40A/2026/TTr-P.TC ngày 24/06/2026.

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền (VND)
1	Gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á – CN/PGD Hàm Nghi	851.925.000.000

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Thị Ngọc Thanh	Nguyễn Đình Hiếu	Lê Bảo Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẾN NGÀY 02/07/2026 CỦA SỐ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2026 TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.979.061.000.000 ĐỒNG LÊN 4.746.561.000.000 ĐỒNG

1. Thông tin Công ty

Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở tài chính) cấp ngày 29/07/2010. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 07/07/2026.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và căn hộ;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Quản lý vận hành nhà chung cư;
- Mua bán vật tư;
- Kinh doanh bất động sản.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội "HNX" với mã cổ phiếu là CC1.

Trụ sở chính: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của chủ sở hữu theo mệnh giá là 4.746.561.000.000 đồng tương đương 474.656.100 cổ phần.

2. Cơ sở kế toán

Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Tổng Công ty được trình bày theo đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo được lập từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 đến ngày 02/07/2026.

3. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP sử dụng cho mục đích cung cấp thông tin về tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 cho cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và đáp ứng yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.

4. Chi tiết sử dụng vốn

Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á tại tờ trình số 40A/2026/TTr-P.TC ngày 24/06/2026.

Stt	Ngày	Chứng từ	Diễn giải	Giá trị (VND)
1	24/06/2026	UNC	Điều tiền	851.925.000.000

Chi tiết các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền (VND)	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn
31-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	100.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
32-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	100.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
33-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	100.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
34-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	100.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
35-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	100.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
36-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	50.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
37-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	50.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
38-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	50.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
39-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	50.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
40-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	50.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
41-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	30.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
42-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	31.925.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
43-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	20.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
44-HDTG/2026/DVKD.928	24/06/2026	20.000.000.000	4,75%	1 tháng	24/07/2026
Tổng cộng		**851.925.000.000**			

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 02/07/2026 của số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Thị Ngọc Thanh	Nguyễn Đình Hiếu	Lê Bảo Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2026

Văn phòng 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Add : Số 26 Nguyễn Huy Tự, Phường Tân Định,
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel : (028) 3910 4881
Email : nva@nva.com.vn Web: www.nva.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Add : Số 10 phố Giang Văn Minh, Phường Giảng Võ,
Thành Phố Hà Nội
Tel : (024) 6281 1281
Email : nva@nva.com.vn Web: www.nva.com.vn

Chi nhánh phía Bắc

Add : Nhà LK 46, Khu A3-N04-01, Dự án Jade Square, đường Nguyễn Đình Tứ,
Phường Đông Ngạc, Thành Phố Hà Nội
Tel : 0889 208 558
Email : nva@nva.com.vn Web: www.nva.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/BC-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày ….. tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2026-2031.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (CC1) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026

I. Cơ sở xây dựng và phạm vi đánh giá

1.1. Bối cảnh hoạt động và cơ sở xây dựng báo cáo

Nhiệm kỳ 2021–2026 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CC1) diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, tác động sâu rộng đến ngành xây dựng, đầu tư hạ tầng và thị trường bất động sản. Giai đoạn đầu nhiệm kỳ chịu ảnh hưởng đáng kể của đại dịch COVID-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng, thi công và hoạt động sản xuất kinh doanh; các năm tiếp theo tiếp tục chịu tác động của biến động giá nguyên vật liệu, lãi suất, tín dụng, thị trường trái phiếu doanh nghiệp, cùng với những thay đổi về chính sách pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, đất đai và xây dựng.

Bên cạnh những khó khăn nêu trên, nhu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia, đầu tư công, năng lượng và đô thị tiếp tục được Chính phủ quan tâm thúc đẩy, mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp xây dựng có năng lực, kinh nghiệm và uy tín. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị xác định mục tiêu xuyên suốt của nhiệm kỳ là giữ vững hoạt động ổn định của Tổng Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, củng cố tiềm lực tài chính, từng bước hoàn thiện nền tảng quản trị theo thông lệ doanh nghiệp đại chúng và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và các quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quyết định, định hướng chiến lược và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; đồng thời kịp thời xem xét, quyết định các

vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm bảo đảm hoạt động của Tổng Công ty được triển khai liên tục, an toàn và phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường.

Báo cáo này được xây dựng trên cơ sở tổng hợp, rà soát và đối chiếu toàn bộ kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị các năm, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và các tài liệu quản trị liên quan nhằm bảo đảm tính đầy đủ, khách quan và nhất quán trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026.

Việc đánh giá được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Đánh giá đầy đủ việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Đối chiếu giữa mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao với kết quả thực hiện trong từng năm và trong toàn nhiệm kỳ.
- kết quả đạt được, các nội dung chuyển tiếp, bài học quản trị và kinh nghiệm thực tiễn nhằm làm cơ sở xác định các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ 2026–2031.

Trên cơ sở đó, báo cáo tập trung đánh giá toàn diện kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu, mức độ hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoạt động của Hội đồng Quản trị trong công tác quản trị, quyết định và giám sát; đồng thời xác định những kết quả nổi bật, các nội dung còn tồn tại và định hướng tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Bảng 1-1. Hệ thống tài liệu và căn cứ phục vụ đánh giá hoạt động Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ

STT	Nhóm tài liệu	Số hiệu/ngày ban hành	Nội dung
1	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	Số 100/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26/6/2021	Bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026; sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS; thông qua kế hoạch, báo cáo và các nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

STT	Nhóm tài liệu	Số hiệu/ngày ban hành	Nội dung
2	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	Theo hồ sơ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	Đánh giá việc thông qua kế hoạch SXKD, báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, thù lao, lựa chọn kiểm toán và các nội dung thường niên.
3	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Theo hồ sơ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Đánh giá kết quả triển khai các nội dung thường niên và các nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao cho HĐQT.
4	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	Số 75/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2024	Đánh giá các nội dung liên quan đến kế hoạch SXKD, cổ tức, tăng vốn, niêm yết HOSE và các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền HĐQT.
5	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	Số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025	Đánh giá kết quả tăng vốn điều lệ thông qua chi trả cổ tức, bán cổ phiếu quỹ, niêm yết HOSE và các nội dung được giao trong năm 2025.
6	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2026	Số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026	Đánh giá phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư và kết quả triển khai đến thời điểm báo cáo.
7	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc/Phòng Tài chính	Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và ĐHĐCĐ bất thường ngày 09/01/2026	Đối chiếu kết quả thực hiện các nội dung về tăng vốn, bán cổ phiếu quỹ, niêm yết HOSE và chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
8	Báo cáo hoạt động HĐQT và báo cáo tài chính hợp nhất các năm 2021-2025	Tài liệu tổng hợp nhiệm kỳ	Đánh giá kết quả SXKD, số lượng họp HĐQT, nghị quyết/quyết định HĐQT và hoạt động giám sát trong nhiệm kỳ.

Cách đánh giá trong báo cáo này được thực hiện theo nguyên tắc: nội dung nào đã có căn cứ hoàn thành thì ghi nhận là hoàn thành; nội dung nào đang triển khai thì ghi nhận theo trạng thái thực tế; nội dung nào chưa thực hiện hoặc chưa hoàn thành thì nêu rõ để tiếp tục theo dõi trong nhiệm kỳ tới.

1.2. Phạm vi và phương pháp đánh giá

Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026 trên cơ sở xem xét toàn diện các nhóm nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, bao gồm: thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; hoạch định chiến lược; quyết định các vấn đề trọng yếu; giám sát Ban Tổng Giám đốc; quản trị vốn, đầu tư và tài sản; kiện toàn tổ chức, nhân sự; hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp; công bố thông tin và quản trị rủi ro.

Phương pháp đánh giá được thực hiện theo hướng đối chiếu giữa mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với kết quả thực hiện thực tế trong nhiệm kỳ. Đối với các nội dung có số liệu định lượng, báo cáo sử dụng các chỉ tiêu tài chính, vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu phát hành, số lượng cổ phiếu quỹ đã bán, số phiên họp Hội đồng Quản trị, số nghị quyết, quyết định đã ban hành và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu để làm cơ sở đánh giá.

Đối với các nội dung mang tính quản trị, báo cáo xem xét mức độ hoàn thành trên cơ sở hồ sơ nghị quyết, quyết định, báo cáo thực hiện, báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo thường niên và các tài liệu quản trị liên quan. Các nội dung được phân loại theo bốn trạng thái: hoàn thành, đang triển khai, chưa hoàn thành và tiếp tục thực hiện trong nhiệm kỳ sau.

Việc đánh giá được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, trung lập và minh bạch; phản ánh đồng thời kết quả đạt được, các nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, nhằm cung cấp cho cổ đông cái nhìn đầy đủ về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ 2021–2026 và làm cơ sở xây dựng định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026–2031.

Bảng 1-2. Khung đánh giá hoạt động Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026

STT	Nhóm nội dung đánh giá	Nội dung đánh giá chủ yếu	Cơ sở đối chiếu
1	Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Mức độ triển khai các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và báo cáo thực hiện

STT	Nhóm nội dung đánh giá	Nội dung đánh giá chủ yếu	Cơ sở đối chiếu
2	Hoạt động của Hội đồng Quản trị	Phiên họp, nghị quyết, quyết định và các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT	Điều lệ, Quy chế HĐQT, biên bản họp, nghị quyết, quyết định HĐQT
3	Kết quả sản xuất kinh doanh	Doanh thu, lợi nhuận, mức độ hoàn thành kế hoạch	Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán và báo cáo thường niên
4	Quản trị vốn và cổ phiếu	Tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, chào bán riêng lẻ	Nghị quyết ĐHĐCĐ, hồ sơ phát hành, báo cáo kết quả thực hiện
5	Quản trị doanh nghiệp	Điều lệ, quy chế, cơ cấu HĐQT, nhân sự quản trị, kiểm soát nội bộ	Hồ sơ quản trị, nghị quyết, quyết định và báo cáo hoạt động HĐQT
6	Công tác giám sát	Giám sát Ban Tổng Giám đốc, quản trị rủi ro, thực hiện nghị quyết	Báo cáo điều hành, báo cáo chuyên đề và kết quả thực hiện nhiệm vụ

1.3. Tổng quan kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026

Trên cơ sở các tài liệu, hồ sơ và phương pháp đánh giá nêu trên, Hội đồng Quản trị tiến hành rà soát, đối chiếu toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2021–2026. Việc đánh giá được thực hiện không chỉ đối với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà còn xem xét đầy đủ việc thực hiện chức năng quản trị, quyết định và giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Theo phạm vi và phương pháp đánh giá nêu trên, Báo cáo khái quát kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo các nhóm nội dung trọng yếu tại Bảng 1-3; các nội dung chi tiết được trình bày tại các mục tiếp theo.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ được khái quát tại Bảng 1-3 dưới đây và sẽ được phân tích, đánh giá chi tiết tại các mục tiếp theo của Báo cáo.

Bảng 1-3. Tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của Hội đồng Quản trị

Nhóm nội dung	Kết quả chủ yếu	Phần trình bày chi tiết

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Tổ chức triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; theo dõi, đôn đốc và giám sát quá trình thực hiện	Mục III
Hoạt động của Hội đồng Quản trị	Tổ chức các phiên họp Hội đồng Quản trị; ban hành nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền; chỉ đạo xử lý các vấn đề quan trọng của Tổng Công ty	Mục IV
Kết quả sản xuất kinh doanh	Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu chủ yếu theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao	Mục II
Quản trị doanh nghiệp	Hoàn thiện Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và các quy chế quản trị liên quan	Mục III
Quản trị vốn và đầu tư	Triển khai các phương án tăng vốn điều lệ, bán cổ phiếu quỹ, chào bán cổ phiếu riêng lẻ và các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị	Mục III
Công tác giám sát	Giám sát hoạt động điều hành, quản trị rủi ro và việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị	Mục IV
Đánh giá chung	Đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm	Mục V

Trên cơ sở phạm vi, phương pháp đánh giá và kết quả tổng hợp nêu trên, các nội dung tiếp theo của Báo cáo tập trung phân tích, đánh giá chi tiết kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo từng lĩnh vực công tác trong nhiệm kỳ 2021–2026.

II. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; thường xuyên rà soát kết quả thực hiện để điều chỉnh giải pháp điều hành phù hợp với diễn biến thị trường. Kết quả cho thấy quy mô doanh thu của Tổng Công ty tăng rõ trong giai đoạn cuối nhiệm kỳ, tuy nhiên mức độ thực hiện các chỉ tiêu có sự khác biệt giữa các năm do đặc thù ghi nhận doanh thu, lợi nhuận của ngành xây dựng, diễn biến thị trường và điều kiện triển khai dự án.

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính trọng yếu

Bảng 2-1. Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính trọng yếu giai đoạn 2021–2025

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng/Bình quân
Doanh thu thuần hợp nhất (tỷ đồng)	5.664	6.436	5.611	10.160	11.816	39.687
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (tỷ đồng)	507	286	302	291	270	1.656
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	467	223	220	229	190	1.329
Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch doanh thu hợp nhất	75,4%	57%	52%	88%	92%	-
Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNST hợp nhất	210,4%	70%	119%	49%	64%	-

Tổng doanh thu thuần hợp nhất giai đoạn 2021–2025 đạt 39.687 tỷ đồng, bình quân 7.937 tỷ đồng/năm. Doanh thu thuần hợp nhất tăng từ 5.664 tỷ đồng năm 2021 lên 11.816 tỷ đồng năm 2025, tăng 6.152 tỷ đồng, tương đương 108,6% so với năm đầu nhiệm kỳ.

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất giai đoạn 2021–2025 đạt 1.656 tỷ đồng; tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.329 tỷ đồng. Tổng Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong toàn bộ giai đoạn 2021–2025.

Kết quả trên cho thấy quy mô hoạt động của Tổng Công ty tiếp tục được mở rộng, năng lực tạo doanh thu được cải thiện và hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định trong suốt nhiệm kỳ. Trong bối cảnh thị trường xây dựng, thị trường vốn và chi phí đầu vào có nhiều biến động, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động điều hành, kiểm soát rủi ro và điều chỉnh các giải pháp quản trị phù hợp nhằm bảo đảm an toàn tài chính và duy trì hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở kết quả đạt được, Hội đồng Quản trị xác định tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch và kiểm soát hiệu quả, dự báo

thị trường, quản trị chi phí, dòng tiền và tiến độ dự án là một trong những trọng tâm quản trị của nhiệm kỳ 2026–2031.

2.2. Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Bảng 2-2. Đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao

Năm	Hoàn thành kế hoạch doanh thu	Hoàn thành kế hoạch LNST	Nhận xét thực hiện
2021	75,4%	210,4%	Doanh thu chịu tác động của điều kiện thị trường; lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
2022	57,0%	70,0%	Kết quả thực hiện chịu ảnh hưởng của bối cảnh thị trường và điều kiện sản xuất kinh doanh; các chỉ tiêu chưa đồng đều so với kế hoạch.
2023	52,0%	119,0%	Doanh thu chịu tác động của điều kiện thị trường; lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
2024	88,0%	49,0%	Các chỉ tiêu thực hiện chịu ảnh hưởng của diễn biến thị trường và tiến độ triển khai một số hoạt động trong năm.
2025	92,0%	64,0%	Kết quả thực hiện cơ bản bám sát kế hoạch doanh thu; chỉ tiêu lợi nhuận chịu tác động của biến động chi phí đầu vào, điều kiện thị trường và tiến độ ghi nhận kết quả của một số dự án

Các chỉ tiêu được đánh giá trong bối cảnh đặc thù của từng năm và không phản ánh đầy đủ quy mô hoạt động, hiệu quả tổng thể của toàn nhiệm kỳ.

Qua kết quả thực hiện cho thấy, quy mô doanh thu của Tổng Công ty duy trì xu hướng tăng trong toàn nhiệm kỳ. Mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch giữa các năm có sự khác biệt do chịu tác động của diễn biến thị trường và đặc thù ghi nhận doanh thu, lợi nhuận của ngành xây dựng. Tuy nhiên, xét trên toàn nhiệm kỳ, Tổng Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, từng bước củng cố năng lực tài chính và tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Trên cơ sở kết quả đạt được, Hội đồng Quản trị xác định việc tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, dự báo thị trường, quản trị chi phí, quản trị hợp đồng, công nợ và dòng tiền là một trong những trọng tâm giám sát của nhiệm kỳ 2026–2031 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, khả năng thích ứng với biến động của thị trường và năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh các giải pháp điều hành phù hợp với tình hình thực tế, ưu tiên kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn tài chính và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Các kết quả nêu trên là cơ sở để Hội đồng Quản trị đánh giá toàn diện việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong nhiệm kỳ 2021–2026 và xác định các định hướng quản trị trọng tâm cho nhiệm kỳ 2026–2031, được trình bày tại Mục III của Báo cáo.

III. Đánh giá kết quả tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị đã tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo từng nhóm nội dung: quản trị doanh nghiệp, nhân sự quản trị, vốn điều lệ, cổ phiếu, niêm yết và huy động nguồn lực. Việc đánh giá kết quả thực hiện được thực hiện trên cơ sở đối chiếu từng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với kết quả thực tế triển khai đến thời điểm lập báo cáo.

3.1. Tổng hợp kết quả thực hiện các Nghị quyết trọng yếu của Đại hội đồng cổ đông

Bảng 3-1. Tổng hợp tình hình thực hiện các Nghị quyết trọng yếu của Đại hội đồng cổ đông

STT	Nội dung được ĐHĐCĐ thông qua	Căn cứ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Đánh giá
1	Bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021–2026	Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26/6/2021	Đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 2021–2026 gồm 05 thành viên; trong nhiệm kỳ tiếp tục kiện toàn nhân sự theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ các năm 2022, 2023, 2024, 2025 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2026.	Hoàn thành

STT	Nội dung được ĐHĐCĐ thông qua	Căn cứ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Đánh giá
2	Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy chế quản trị liên quan	Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26/6/2021	Đã sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản trị để phù hợp Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và quy định về quản trị công ty đại chúng.	Hoàn thành
3	Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2024	Nghị quyết số 75/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2024	Chưa triển khai trong năm 2024 theo lộ trình ban đầu; HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 90/NQ-HĐQT ngày 22/7/2024 để điều chỉnh thời điểm thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và trình ĐHĐCĐ năm 2025 xem xét.	Điều chỉnh tiến độ theo thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường
4	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025	Đã phát hành 39.398.275 cổ phiếu trả cổ tức; tăng vốn điều lệ thêm 393.982.750.000 đồng, từ 3.585.078.250.000 đồng lên 3.979.061.000.000 đồng.	Hoàn thành
5	Bán cổ phiếu quỹ	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025	Đã hoàn thành việc bán toàn bộ 337.800 cổ phiếu quỹ theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua.	Hoàn thành

STT	Nội dung được ĐHĐCĐ thông qua	Căn cứ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Đánh giá
6	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư	Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026	Đã hoàn thành việc phân phối 76.750.000 cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt chào bán, qua đó tăng vốn điều lệ từ 3.979.061.000.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng và tiếp tục thực hiện các thủ tục sau phát hành theo quy định của pháp luật.	Đang hoàn tất thủ tục pháp lý sau phát hành
7	Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)	Nghị quyết số 75/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2024; Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025	Tiếp tục hoàn thiện điều kiện niêm yết theo lộ trình phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thị trường tại từng thời điểm; tiếp tục theo dõi điều kiện thị trường và điều kiện pháp lý để triển khai trong giai đoạn tiếp theo.	Tiếp tục thực hiện

Bảng 3-2. Phân loại tình trạng triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Điều chỉnh/chuyển tiếp theo lộ trình	Số nội dung	Tỷ trọng
Hoàn thành	4	57,1%
Đang hoàn tất thủ tục pháp lý sau phát hành	1	14,3%
Tiếp tục thực hiện	1	14,3%
Điều chỉnh/chuyển tiếp theo lộ trình	1	14,3%

3.2. Đánh giá kết quả quản trị vốn và huy động nguồn lực

Trong nhiệm kỳ, các nội dung về vốn điều lệ và cổ phiếu là nhóm nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Bảng 3-3. Kết quả thực hiện các nội dung về vốn điều lệ, cổ phiếu và huy động nguồn lực

Nội dung	Số liệu theo phương án	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ/kết quả đạt được
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 3.585.078.250.000 đồng lên 3.979.065.270.000 đồng	Phát hành 39.398.275 cổ phiếu; vốn điều lệ thực tế tăng lên 3.979.061.000.000 đồng	Hoàn thành; chênh lệch do làm tròn cổ phiếu lẻ
Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100.000.000 cổ phiếu dự kiến chào bán	Phân phối 76.750.000 cổ phiếu	Đạt 76,75% số cổ phiếu dự kiến chào bán. Kết quả phân phối thực hiện theo nhu cầu đăng ký thực tế và phương án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận
Tăng vốn từ chào bán riêng lẻ	Tăng vốn theo số cổ phiếu phân phối thực tế	Tăng vốn thêm 767.500.000.000 đồng	Vốn điều lệ sau phát hành đạt 4.746.561.000.000 đồng
Bán cổ phiếu quỹ	Bán toàn bộ cổ phiếu quỹ theo phương án được thông qua	Đã bán 337.800 cổ phiếu quỹ	Hoàn thành
Kế hoạch phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2026	Dự kiến phát hành 28.479.366 cổ phiếu, tỷ lệ 6% trên 474.656.100 cổ phiếu đang lưu hành	Trình ĐHĐCĐ năm 2026 xem xét thông qua	Dự kiến tăng vốn thêm 284.793.660.000 đồng nếu thực hiện đủ theo phương án

Tính đến sau đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng từ 3.585.078.250.000 đồng lên 4.746.561.000.000 đồng, tương ứng tăng 1.161.482.750.000 đồng trong nhiệm kỳ.

3.3. Đánh giá hiệu quả công tác huy động và quản trị vốn

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, công tác huy động và quản trị vốn là một trong những nội dung trọng yếu được Hội đồng Quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung chính bao gồm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bán cổ phiếu quỹ, chào bán cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ và chuẩn bị các điều kiện cho việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 3-4. Kết quả thực hiện các nội dung về quản trị doanh nghiệp trong nhiệm kỳ 2021–2026

Tiêu chí	Đánh giá
Năng lực huy động vốn	Đã tăng vốn điều lệ 32,40%
Cơ cấu nguồn vốn	Được cải thiện
Tiến độ thực hiện phương án	Cơ bản đáp ứng, phân phối 76,75% theo kết quả thực tế, đang hoàn tất thủ tục sau phát hành
Công tác quản trị vốn	Đúng nghị quyết ĐHĐCĐ
Chuẩn bị HOSE	Tiếp tục thực hiện

Nhìn chung, công tác huy động và quản trị vốn trong nhiệm kỳ đã tạo được kết quả cụ thể về tăng vốn điều lệ, xử lý cổ phiếu quỹ và triển khai phương án phát hành riêng lẻ. Các nội dung chuyển tiếp, gồm thủ tục sau phát hành riêng lẻ và lộ trình niêm yết HOSE, cần tiếp tục được theo dõi và hoàn thiện trong nhiệm kỳ 2026–2031.

3.4. Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao

Bảng 3-5. Tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nhóm nhiệm vụ	Kết quả định lượng	Đánh giá
Hoàn thiện văn bản quản trị	Đã sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và các quy chế liên quan.	Hoàn thành
Kiện toàn nhân sự quản trị	Hội đồng Quản trị được bầu đầu nhiệm kỳ gồm 05 thành viên; trong nhiệm kỳ thực hiện kiện toàn nhân sự và chức danh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.	Hoàn thành theo từng thời điểm

Nhóm nhiệm vụ	Kết quả định lượng	Đánh giá
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	Phát hành 39.398.275 cổ phiếu; tăng vốn điều lệ thêm 393.982.750.000 đồng.	Hoàn thành
Bán cổ phiếu quỹ	Đã bán 337.800 cổ phiếu quỹ.	Hoàn thành
Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Đã hoàn thành việc phân phối 76.750.000 cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt chào bán, qua đó tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty theo phương án được phê duyệt; đồng thời tiếp tục hoàn tất các thủ tục sau phát hành theo quy định của pháp luật	Đã hoàn thành công tác phân phối theo kết quả thực tế; tiếp tục hoàn tất các thủ tục sau phát hành theo quy định.
Niêm yết cổ phiếu trên HOSE	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các điều kiện cần thiết theo lộ trình.	Tiếp tục triển khai khi các điều kiện thị trường và yêu cầu theo quy định phù hợp.
Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2026	Dự kiến phát hành 28.479.366 cổ phiếu, tỷ lệ 6%, giá trị theo mệnh giá 284.793.660.000 đồng.	Trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026 xem xét, thông qua.

3.5. Giám sát quản trị vốn tại doanh nghiệp thành viên

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị thực hiện công tác quản trị vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp thông qua việc theo dõi danh mục đầu tư, phân công người đại diện phần vốn và giám sát việc thực hiện quyền của Tổng Công ty tại từng doanh nghiệp.

Công tác quản trị vốn được thực hiện trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn đầu tư, bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền của Tổng Công ty với tư cách là cổ đông, thành viên góp vốn; đồng thời tăng cường trách nhiệm của người đại diện phần vốn trong việc tham gia quản trị, biểu quyết, báo cáo và đề xuất các vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp có vốn góp.

Tại thời điểm tổng hợp báo cáo, danh mục doanh nghiệp có vốn góp của CC1 gồm 04 công ty con, 06 công ty liên kết, liên doanh và 10 khoản đầu tư tài chính. Tỷ lệ sở hữu của CC1 tại các doanh nghiệp này dao động từ 1,00% đến 94,71%, tùy theo tính chất đầu tư, mức độ chi phối và định hướng quản trị của Tổng Công ty.

Bảng 3-6. Tổng hợp danh mục doanh nghiệp có vốn góp của CC1

STT	Nhóm doanh nghiệp	Số lượng	Đặc điểm quản trị

1	Công ty con	04	CC1 nắm tỷ lệ sở hữu chi phối trên 50%, thực hiện quyền kiểm soát thông qua người đại diện phần vốn và cơ cấu quản trị tại doanh nghiệp.
2	Công ty liên kết, liên doanh	06	CC1 nắm giữ tỷ lệ sở hữu từ 20% đến dưới 50%, thực hiện quyền tham gia quản trị, giám sát và biểu quyết theo tỷ lệ vốn góp.
3	Đầu tư tài chính	10	CC1 nắm giữ tỷ lệ sở hữu dưới 20%, thực hiện giám sát khoản đầu tư, theo dõi hiệu quả vốn góp và quyền lợi của Tổng Công ty.
	Tổng cộng	**20**	

Bảng 3-7. Danh mục công ty con do CC1 thực hiện quyền chi phối

STT	Doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu của CC1	Người đại diện phần vốn CC1	Chức vụ	Người đại diện theo pháp luật
1	Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Quang	94,71%	Nguyễn Văn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	Trần Hữu Phong
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	63,59%	Lê Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	Lê Quang Vinh
3	Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA-PSMC	70,00%	Nguyễn Văn Ngọc; Trần Văn Vương	Chủ tịch HĐTV; Thành viên HĐTV	Trần Văn Vương
4	Công ty CP Xây dựng và Thiết bị CC1	65,00%	Phan Tấn Vĩnh	Tổng Giám đốc	Phan Tấn Vĩnh

Bảng 3-8. Danh mục công ty liên kết, liên doanh

STT	Doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu của CC1	Người đại diện phần vốn CC1	Chức vụ	Người đại diện theo pháp luật
1	Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Hưng	40,80%	Trần Minh Doanh	Chủ tịch HĐQT	Trần Minh Doanh
2	Công ty CP XD và KT VLXD Miền Trung	22,38%	Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT	Đoàn Ngọc Huy
3	Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Tổng	20,40%	Bùi Anh Phúc	Đang cập nhật theo hồ sơ quản trị doanh nghiệp có vốn góp	Nguyễn Trọng Khiêm
4	Công ty CP Thương mại Dịch vụ CC1	28,00%	Hoàng Tấn Đức	Thành viên HĐQT	Nguyễn Văn Bình
5	Công ty TNHH Hoa Hướng Dương Sài Gòn	49,00%	Nguyễn Cao Hoàng Bân	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Nguyễn Cao Hoàng Bân
6	Công ty TNHH Đầu tư Cầu Cát Lái	30,00%	Nguyễn Cao Hoàng Bân	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Nguyễn Cao Hoàng Bân

Bảng 3-9. Danh mục các khoản đầu tư tài chính

STT	Doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu của CC1	Người đại diện phần vốn CC1	Chức vụ	Người đại diện theo pháp luật
1	Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	1,09%	Lê Bảo Anh	Đang cập nhật theo hồ sơ quản trị doanh nghiệp có vốn góp	Nguyễn Hữu Ngọc
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây	1,00%	Trần Vĩnh Phúc	Đang cập nhật theo hồ sơ quản trị	Nguyễn Quang Vinh

STT	Doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu của CC1	Người đại diện phần vốn CC1	Chức vụ	Người đại diện theo pháp luật
	dựng CC1 - Quảng Bình			doanh nghiệp có vốn góp	
3	Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	5,70%	Trần Vĩnh Phúc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc kiêm Đại diện pháp luật	Trần Vĩnh Phúc
4	Công ty TNHH Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	15,00%	Hà Văn Hân	Chủ tịch HĐTV	Hà Văn Hân
5	Công ty TNHH Quản lý Tài sản và Dịch vụ CC1	10,26%	Đỗ Trọng Khôi	Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc kiêm Đại diện pháp luật	Đỗ Trọng Khôi
6	Công ty CP Hạ tầng và Năng lượng Miền Nam	3,92%	Nguyễn Nữ Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc kiêm Đại diện pháp luật	Nguyễn Nữ Thanh Hương
7	Công ty CP Đầu tư CC1	6,13%	Võ Quốc Khánh	Chủ tịch HĐQT	Trần Vĩnh Phúc
8	Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS Tân Tiến	9,29%	Nguyễn Cao Hoàng Bân	Đang cập nhật theo hồ sơ quản trị doanh nghiệp có vốn góp	Vũ Tuấn Hải
9	Công ty CP Xây lắp CC1	15,67%	Phan Quang Hưng	Đang cập nhật theo hồ sơ quản trị doanh nghiệp có vốn góp	Hoàng Trung Thanh

STT	Doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu của CC1	Người đại diện phần vốn CC1	Chức vụ	Người đại diện theo pháp luật
10	Công ty TNHH Đầu tư Cầu Long Hưng	15,20%	Đỗ Trọng Khôi	Chủ tịch HĐTV	Đỗ Trọng Khôi

Qua rà soát danh mục trên cho thấy, hệ thống doanh nghiệp có vốn góp của CC1 tương đối đa dạng, bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng, vật liệu xây dựng, hạ tầng, đầu tư dự án, bất động sản và dịch vụ. Việc phân công người đại diện phần vốn tại từng doanh nghiệp là cơ sở quan trọng để Tổng Công ty thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn và tăng cường giám sát đối với hoạt động của doanh nghiệp thành viên.

Đối với nhóm công ty con, do CC1 nắm tỷ lệ sở hữu chi phối, Hội đồng Quản trị cần tiếp tục tăng cường giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, công tác nhân sự quản lý chủ chốt và việc tuân thủ quy chế quản trị nội bộ. Đây là nhóm doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hợp nhất và uy tín của Tổng Công ty.

Đối với nhóm công ty liên kết, liên doanh, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát thông qua người đại diện phần vốn, yêu cầu người đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp, thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ đạo hoặc theo nguyên tắc bảo vệ lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty, đồng thời định kỳ báo cáo các vấn đề phát sinh, đặc biệt là các nội dung liên quan đến tăng giảm vốn, phân phối lợi nhuận, đầu tư dự án, vay vốn, bảo lãnh, chuyển nhượng tài sản và thay đổi nhân sự quản lý.

Đối với nhóm đầu tư tài chính, do tỷ lệ sở hữu của CC1 không chi phối, Hội đồng Quản trị tập trung theo dõi hiệu quả đầu tư, khả năng thu hồi vốn, tình trạng pháp lý, tuân thủ và các vấn đề cần theo dõi của doanh nghiệp nhận vốn góp và sự phù hợp của từng khoản đầu tư với định hướng phát triển dài hạn của Tổng Công ty.

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ 2021–2026, công tác quản trị vốn tại doanh nghiệp thành viên đã được Hội đồng Quản trị quan tâm thực hiện thông qua việc theo dõi danh mục đầu tư, phân công người đại diện phần vốn và duy trì cơ chế giám sát theo quy định. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu quản trị ngày càng cao trong nhiệm kỳ tới, Hội đồng Quản trị cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế báo cáo của người đại diện vốn, chuẩn hóa hệ thống dữ liệu về doanh nghiệp có vốn góp, định kỳ đánh giá hiệu quả từng khoản đầu tư và có giải pháp cơ cấu danh mục phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, bảo đảm minh bạch thông tin và gia tăng giá trị cho cổ đông.

3.6. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

3.6.1. Những kết quả đạt được

Qua đối chiếu các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với kết quả thực hiện trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị nhận thấy phần lớn các nhiệm vụ trọng yếu đã được tổ chức triển khai theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.

Trong công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và các quy chế quản trị có liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và đáp ứng yêu cầu của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành.

Đối với công tác huy động và quản trị vốn, Hội đồng Quản trị đã tổ chức thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bán cổ phiếu quỹ và chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Kết quả, vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng từ **3.585.078.250.000 đồng** lên **4.746.561.000.000 đồng**, tăng **1.161.482.750.000 đồng**, tương đương khoảng **32,40%** so với đầu nhiệm kỳ, góp phần tăng cường năng lực tài chính và bổ sung nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Công tác quản trị vốn tại doanh nghiệp thành viên tiếp tục được duy trì thông qua việc phân công người đại diện phần vốn, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và giám sát việc thực hiện quyền của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp, góp phần bảo đảm việc quản lý danh mục đầu tư theo đúng quy định.

3.6.2. Các nội dung tiếp tục triển khai và hoàn thiện

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Hội đồng Quản trị nhận thấy một số nội dung cần tiếp tục triển khai theo lộ trình nhằm đáp ứng đầy đủ các điều kiện về thị trường, pháp lý và yêu cầu quản trị, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động và giá trị bền vững của Tổng Công ty.

Đối với công tác tăng vốn điều lệ, kế hoạch triển khai trong năm 2024 đã được điều chỉnh về thời điểm thực hiện để phù hợp với diễn biến của thị trường và điều kiện thực tế. Đối với phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, kết quả phân phối thực tế đạt 76.750.000 cổ phiếu, tương đương 76,75% số lượng dự kiến chào bán; Tổng Công ty đang tiếp tục hoàn tất các thủ tục sau phát hành theo quy định của pháp luật.

Đối với mục tiêu niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Hội đồng Quản trị tiếp tục rà soát và hoàn thiện các điều kiện cần thiết để triển khai khi điều kiện thị trường và các yêu cầu theo quy định phù hợp, nhằm bảo đảm hiệu quả, an toàn và lợi ích lâu dài của Tổng Công ty và cổ đông.

3.6.3. Nguyên nhân

Các nội dung cần tiếp tục triển khai trong nhiệm kỳ xuất phát từ cả các yếu tố khách quan của thị trường và một số yêu cầu nội bộ về chuẩn hóa quy trình, hồ sơ và phối hợp triển khai.

Về khách quan, trong một số thời điểm của nhiệm kỳ, thị trường chứng khoán và thị trường vốn có nhiều biến động, ảnh hưởng đến điều kiện triển khai các phương án phát hành cổ phiếu và lộ trình niêm yết. Bên cạnh đó, việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về pháp lý, tài chính và các yêu cầu của cơ quan quản lý đối với từng phương án cũng cần thời gian để hoàn thiện theo quy định.

Về yếu tố nội tại, một số nhiệm vụ có phạm vi triển khai lớn, liên quan đến nhiều cơ quan quản lý, tổ chức tư vấn và nhà đầu tư nên tiến độ thực hiện được điều chỉnh lộ trình triển khai phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản trị. Trên cơ sở kinh nghiệm tích lũy trong nhiệm kỳ, Hội đồng Quản trị xác định công tác chuẩn bị hồ sơ, tổ chức thực hiện và phối hợp giữa các bên liên quan sẽ tiếp tục được chuẩn hóa và nâng cao nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu về tiến độ, chất lượng và hiệu quả triển khai trong giai đoạn tiếp theo.

3.6.4. Đánh giá công tác ứng phó với các rủi ro trong nhiệm kỳ

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, hoạt động của Tổng Công ty chịu tác động từ nhiều yếu tố khách quan phát sinh trên phạm vi toàn cầu và trong nước, là bối cảnh chung của ngành xây dựng, đầu tư hạ tầng và thị trường vốn. Hội đồng Quản trị đã thường xuyên theo dõi, đánh giá các rủi ro trọng yếu và chủ động chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp quản trị, ứng phó phù hợp nhằm giảm thiểu tác động bất lợi, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm an toàn tài chính và thực hiện các mục tiêu phát triển của Tổng Công ty.

Bảng 3-10: Đánh giá tổng hợp các rủi ro trọng yếu và giải pháp ứng phó trong nhiệm kỳ 2021–20262

Rủi ro trọng yếu	Ảnh hưởng đối với Tổng Công ty	Giải pháp của Hội đồng Quản trị
Đại dịch COVID-19	Ảnh hưởng đến tiến độ thi công, huy động nhân lực, chuỗi cung ứng vật tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn đầu nhiệm kỳ	Chỉ đạo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện phòng, chống dịch; rà soát kế hoạch thi công, tiến độ dự án và bảo đảm an toàn cho người lao động
Biến động giá nguyên vật liệu xây dựng	Làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng hiệu quả thực	Tăng cường kiểm soát chi phí, rà soát giá vật tư, phương án mua

Rủi ro trọng yếu	Ảnh hưởng đối với Tổng Công ty	Giải pháp của Hội đồng Quản trị
	hiện một số hợp đồng xây lắp và kế hoạch lợi nhuận	sắm, biện pháp thi công và quản trị hợp đồng
Lãi suất, tín dụng và chi phí vốn biến động	Ảnh hưởng đến chi phí tài chính, khả năng cân đối dòng tiền và kế hoạch huy động vốn	Chỉ đạo quản trị dòng tiền, kiểm soát công nợ, rà soát nhu cầu vốn và triển khai các phương án tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
Thị trường bất động sản và đầu tư xây dựng khó khăn	Ảnh hưởng đến tiến độ triển khai một số dự án, khả năng thanh toán của chủ đầu tư và cơ hội đầu tư mới	Rà soát danh mục dự án, thận trọng trong quyết định đầu tư mới, tăng cường đánh giá hiệu quả đầu tư và khả năng thu hồi vốn
Thay đổi chính sách pháp luật về đầu tư, đất đai, đấu thầu và xây dựng	Tác động đến công tác chuẩn bị đầu tư, phê duyệt pháp lý và tiến độ triển khai dự án	Chỉ đạo cập nhật quy định pháp luật, rà soát hồ sơ pháp lý, tăng cường kiểm soát tuân thủ và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện

Qua thực tiễn nhiệm kỳ 2021–2026 cho thấy, các rủi ro nêu trên chủ yếu xuất phát từ những biến động khách quan của môi trường kinh doanh và là thách thức chung đối với ngành xây dựng và đầu tư hạ tầng. Với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị và sự chủ động của Ban Tổng Giám đốc, Tổng Công ty đã duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm an toàn tài chính và từng bước thích ứng với những biến động của thị trường. Những kinh nghiệm tích lũy trong quá trình ứng phó với các rủi ro này sẽ tiếp tục được kế thừa và phát huy nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng cường khả năng chống chịu và phát triển bền vững trong nhiệm kỳ 2026–2031.

3.6.5. Bài học kinh nghiệm

Qua kết quả hoạt động trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dự báo, phân tích thị trường và nhận diện sớm các rủi ro để chủ động xây dựng phương án điều hành phù hợp.
- Tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư, tài chính và sản xuất kinh doanh; gắn công tác quản trị rủi ro với quá trình ra quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu quản trị và xây dựng hệ thống thông tin điều hành thống nhất, phục vụ công tác giám sát và ra quyết định.

- Nâng cao hiệu quả công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị; tăng cường phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị thành viên trong quá trình tổ chức thực hiện.
- Tiếp tục củng cố năng lực tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường quản trị danh mục đầu tư và phát huy vai trò của người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp thành viên.
- Chủ động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và các phương thức quản trị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng quản trị và năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty.

3.7. Kết luận về việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Từ kết quả đánh giá nêu trên, việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong nhiệm kỳ 2021–2026 là cơ sở để Hội đồng Quản trị kế thừa các kết quả đã đạt được, đồng thời tập trung tiếp tục hoàn thiện các nội dung chuyển tiếp trong nhiệm kỳ 2026–2031, đặc biệt là hoàn thiện điều kiện niêm yết, nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng vốn, tăng cường quản trị rủi ro và chuẩn hóa công tác giám sát trong toàn hệ thống.

IV. Hoạt động quản trị và giám sát của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị đã thực hiện chức năng quản trị, quyết định và giám sát theo pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; duy trì cơ chế làm việc linh hoạt để xử lý kịp thời các vấn đề trọng yếu, bảo đảm hoạt động của Tổng Công ty được triển khai liên tục, thận trọng và phù hợp với diễn biến thị trường.

4.1. Công tác kiện toàn tổ chức và nhân sự Hội đồng Quản trị

Trong suốt nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị luôn được kiện toàn kịp thời theo đúng thẩm quyền, trình tự và quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thay đổi về thành viên và chức danh trong Hội đồng Quản trị được thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị ở từng giai đoạn, đồng thời bảo đảm duy trì đầy đủ cơ cấu tổ chức, tính kế thừa, sự ổn định và liên tục trong hoạt động quản trị của Tổng Công ty. Việc bầu, thôi giữ chức vụ, bổ sung thành viên và kiện toàn các chức danh đều không làm gián đoạn việc thực hiện chức năng hoạch định, quyết định và giám sát của Hội đồng Quản trị trong suốt nhiệm kỳ.

Bảng 4-1. Thành viên Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu trong nhiệm kỳ 2021–2026

Năm	Nội dung	Căn cứ
2021	Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026 gồm 05 thành viên: ông Nguyễn Văn Huấn, ông Nguyễn Thành Vinh, ông Nguyễn Văn Bình, ông Nguyễn Quốc Cường và ông Nguyễn Đức Dũng.	Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26/6/2021.
2022	Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung ông Lê Hữu Việt Đức và ông Phan Văn Chính làm Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026.	Điều 16 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
2023	Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung ông Lê Bảo Anh và ông Nguyễn Thiện Tâm làm Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026.	Điều 4.4.18 và Mục 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
2024	Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung ông Phan Hữu Duy Quốc làm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026.	Mục V Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
2025	Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Ngọc làm Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026.	Điều 15 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
2026	Đại hội đồng cổ đông bất thường bầu bổ sung ông Trần Hữu Phong làm Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nhiệm kỳ 2021–2026.	Điều 8 Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026.

Bảng 4-2. Diễn biến kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026

STT	Thời điểm	Nội dung kiện toàn	Kết quả quản trị	Tác động đối với hoạt động quản trị	Căn cứ
1	26/6/2021	Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng Quản trị	Hình thành Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ	Thiết lập đầy đủ bộ máy quản trị ngay từ đầu nhiệm	Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ2

STT	Thời điểm	Nội dung kiện toàn	Kết quả quản trị	Tác động đối với hoạt động quản trị	Căn cứ
		nhiệm kỳ 2021–2026 gồm 05 thành viên.	2021–2026, tạo nền tảng cho hoạt động quản trị trong toàn nhiệm kỳ.	kỳ, bảo đảm Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng hoạch định, quyết định và giám sát theo quy định.	021 ngày 26/6/2021.
2	12/5/2022	Triển khai công tác kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, trình tự và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị; trong đó ghi nhận việc ông Nguyễn Đức Dũng và ông Nguyễn Văn Bình thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị hồ sơ trình ĐHĐCĐ và quy định có liên quan, đồng thời bầu bổ sung ông Lê Hữu Việt Đức và ông Phan Văn Chính tham gia Hội đồng quản trị theo quy định.	Bảo đảm Hội đồng Quản trị duy trì đủ số lượng thành viên, không ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và điều hành.	Việc kiện toàn được thực hiện kịp thời, bảo đảm tính liên tục của bộ máy quản trị, không làm gián đoạn hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Công ty.	Điều 16.1, Điều 16.2 và Điều 16.3 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
3	08/9/2022	Kiện toàn cơ cấu Hội đồng Quản trị, chuyển ông Nguyễn Thành Vinh sang giữ chức Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.	Hoàn thiện cơ cấu thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ	Nâng cao tính độc lập, khách quan trong hoạt động quản trị và tăng cường hiệu quả giám	Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 08/9/2022.

STT	Thời điểm	Nội dung kiện toàn	Kết quả quản trị	Tác động đối với hoạt động quản trị	Căn cứ
			Tổng Công ty.	sát của Hội đồng Quản trị.	
4	16/9/2022	Bầu ông Phan Văn Chính giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị không điều hành.	Kiện toàn bộ máy lãnh đạo Hội đồng Quản trị, tăng cường hiệu quả điều hành và phối hợp hoạt động của Hội đồng Quản trị.	Tăng cường năng lực điều phối, hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết.	Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16/9/2022.
5	12/5/2023	Triển khai công tác kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, trình tự và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, thống nhất ông Lê Hữu Việt Đức và ông Nguyễn Hữu Nam thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị theo hồ sơ trình ĐHĐCĐ và quy định có liên quan; đồng thời bầu bổ sung ông Lê Bảo Anh và ông Nguyễn Thiện Tâm tham gia hội đồng quản trị theo quy định	Tiếp tục kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị, bảo đảm tính kế thừa và ổn định trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.	Việc chuyển giao nhân sự được thực hiện theo đúng quy định, bảo đảm tính kế thừa và duy trì hoạt động quản trị liên tục của Hội đồng Quản trị.	Điều 4.4.17, Điều 4.4.18 và Mục 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
6	15/5/2023	Bầu ông Lê Bảo Anh giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	Hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo Hội	Hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo, góp phần	Nghị quyết Hội đồng

STT	Thời điểm	Nội dung kiện toàn	Kết quả quản trị	Tác động đối với hoạt động quản trị	Căn cứ
			đồng Quản trị sau khi kiện toàn nhân sự.	nâng cao hiệu quả chỉ đạo và phối hợp trong hoạt động của Hội đồng Quản trị.	Quản trị ngày 15/5/2023.
7	24/5/2024	Triển khai công tác kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, trình tự và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, thống nhất ông Nguyễn Thiện Tâm thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị theo hồ sơ trình ĐHĐCĐ và quy định có liên quan; đồng thời bầu bổ sung ông Phan Hữu Duy Quốc làm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ.	Hoàn thiện cơ cấu Hội đồng Quản trị theo hướng tăng cường tính độc lập, khách quan và nâng cao hiệu quả giám sát theo quy định về quản trị công ty.	Tiếp tục đáp ứng các yêu cầu về quản trị công ty, củng cố vai trò giám sát độc lập và bảo đảm hoạt động quản trị không bị gián đoạn.	Điều 12 và Mục V Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
8	03/02/2025	Triển khai công tác kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, trình tự và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, thống nhất ông Nguyễn Văn Huấn thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị; đồng thời bầu ông Phan Hữu	Bảo đảm tính liên tục trong công tác lãnh đạo, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị.	Quá trình chuyển giao chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị được thực hiện liên tục, bảo đảm ổn định hoạt động lãnh đạo và quản trị của Tổng Công ty.	Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 03/02/2025.

STT	Thời điểm	Nội dung kiện toàn	Kết quả quản trị	Tác động đối với hoạt động quản trị	Căn cứ
		Duy Quốc giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.			
9	21/4/2025	Triển khai công tác kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, trình tự và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, thống nhất ông Phan Văn Chính thôi giữ chức Thành viên Hội đồng Quản trị; đồng thời bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Ngọc làm Thành viên Hội đồng Quản trị.	Duy trì cơ cấu 05 thành viên Hội đồng Quản trị, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Tổng Công ty.	Bảo đảm Hội đồng Quản trị duy trì đầy đủ cơ cấu theo quy định, đáp ứng yêu cầu quản trị và hoạt động liên tục của Tổng Công ty.	Điều 11 và Điều 15 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
10	08/5/2025	Bầu ông Nguyễn Văn Ngọc giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị không điều hành.	Tiếp tục kiện toàn cơ cấu lãnh đạo Hội đồng Quản trị sau khi bổ sung thành viên mới.	Hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo, tăng cường hiệu quả phối hợp và điều hành trong hoạt động của Hội đồng Quản trị.	Quyết định số 50/QĐ-HĐQT ngày 08/5/2025.
11	09/01/2026	Thay đổi/kiện toàn nhân sự theo thẩm quyền, trình tự và nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Đại hội đồng cổ đông bất thường thống nhất ông Nguyễn Văn Huấn thôi giữ chức Thành viên Hội đồng Quản trị theo hồ sơ trình ĐHĐCĐ và quy định có liên quan ; đồng thời bầu	Hoàn thiện cơ cấu Hội đồng Quản trị trước khi kết thúc nhiệm kỳ 2021–2026 và chuẩn bị công tác nhân sự cho nhiệm kỳ tiếp theo.	Hoàn thiện cơ cấu Hội đồng Quản trị trước khi kết thúc nhiệm kỳ, bảo đảm tính liên tục trong công tác quản trị và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao sang	Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ. BT ngày 09/01/2026.

STT	Thời điểm	Nội dung kiện toàn	Kết quả quản trị	Tác động đối với hoạt động quản trị	Căn cứ
		bổ sung ông Trần Hữu Phong làm Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ.		nhiệm kỳ 2026–2031.	

Trong suốt nhiệm kỳ 2021–2026, các thay đổi về nhân sự và chức danh trong Hội đồng Quản trị đều được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quá trình kiện toàn được triển khai kịp thời, bảo đảm tính kế thừa, ổn định và liên tục của bộ máy quản trị; không làm gián đoạn hoạt động của Hội đồng Quản trị cũng như việc thực hiện các chức năng hoạch định, quyết định và giám sát đối với hoạt động của Tổng Công ty.

Bảng 4-3. Thành phần Hội đồng Quản trị tại thời điểm lập báo cáo

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Phan Hữu Duy Quốc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
2	Ông Lê Bảo Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
3	Ông Nguyễn Thành Vinh	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
4	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị không điều hành
5	Ông Trần Hữu Phong	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Bảng 4-4. Rà soát tình trạng pháp lý của thành viên Hội đồng Quản trị khi kết thúc nhiệm kỳ 2021–2026

STT	Thành viên Hội đồng Quản trị tại thời điểm lập báo cáo	Tình trạng pháp lý	Xử lý khi kết thúc nhiệm kỳ
1	Ông Phan Hữu Duy Quốc	Đương nhiệm	Kết thúc nhiệm kỳ 2021–2026; Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 theo Đề án nhân sự trình Đại hội.
2	Ông Lê Bảo Anh	Đương nhiệm	Kết thúc nhiệm kỳ 2021–2026; Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 theo Đề án nhân sự trình Đại hội.
3	Ông Nguyễn Thành Vinh	Đương nhiệm	Kết thúc nhiệm kỳ 2021–2026; trường hợp tiếp tục giữ tư cách thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Đương nhiệm	Kết thúc nhiệm kỳ 2021–2026; Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 theo Đề án nhân sự trình Đại hội.
5	Ông Trần Hữu Phong	Đương nhiệm	Kết thúc nhiệm kỳ 2021–2026; Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 theo Đề án nhân sự trình Đại hội.

Ghi chú: Các thành viên Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thôi giữ chức vụ trong nhiệm kỳ gồm: ông Nguyễn Đức Dũng, ông Nguyễn Văn Bình, ông Lê Hữu Việt Đức, ông Nguyễn Hữu Nam, ông Nguyễn Thiện Tâm, ông Phan Văn Chính và ông Nguyễn Văn Huấn không thuộc đối tượng rà soát tại Bảng 4.4 do đã kết thúc tư cách thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ theo nghị quyết có liên quan.

Công tác kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị cơ bản hoàn thành, không làm gián đoạn hoạt động quản trị. Việc bổ sung thành viên độc lập và kiện toàn Ủy ban Kiểm toán góp phần tăng tính minh bạch và năng lực giám sát.

4.2. Thực hiện chức năng hoạch định và định hướng chiến lược

Bảng 4-5. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ

Chỉ tiêu	Kết quả
Thời gian thực hiện nhiệm kỳ	2021-2026
Số kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên đã tổ chức	05
Số kỳ Đại hội đồng cổ đông bất thường	01
Số Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông triển khai thực hiện	06 Nghị quyết
Số phiên họp Hội đồng Quản trị	165 phiên
Số Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành	352 văn bản
Hình thức họp	Trực tiếp, trực tuyến và lấy ý kiến bằng văn bản
Tỷ lệ thành viên tham dự	Theo quy định và biên bản từng phiên họp

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng Quản trị tổ chức 165 phiên họp và ban hành 352 nghị quyết, quyết định. Nội dung tập trung vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, huy động vốn, tổ chức nhân sự, quản trị doanh nghiệp và kiểm soát rủi ro; hình thức họp trực tiếp, trực tuyến và lấy ý kiến bằng văn bản được vận dụng linh hoạt để xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Bảng 4-6. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng Quản trị

Nhóm nhiệm vụ	Nội dung thực hiện	Kết quả đến hết nhiệm kỳ
Quản trị doanh nghiệp	Sửa đổi Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát	Hoàn thành
Quản trị chiến lược	Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư, định hướng phát triển hằng năm	Thực hiện thường xuyên
Quản trị tài chính	Phương án tăng vốn điều lệ; phát hành cổ phiếu; bán cổ phiếu quỹ; quản lý dòng tiền; cơ cấu nguồn vốn	Thực hiện theo từng Nghị quyết ĐHĐCĐ
Quản lý đầu tư	Xem xét chủ trương đầu tư, góp vốn, thoái vốn, quản lý danh mục đầu tư	Thực hiện thường xuyên
Tổ chức nhân sự	Kiện toàn bộ máy quản lý, người đại diện phần vốn, nhân sự thuộc thẩm quyền	Thực hiện theo quy định
Công tác giám sát	Giám sát Ban Tổng Giám đốc, việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT	Thực hiện thường xuyên

Bảng 4-7. Kết quả triển khai các nội dung quan trọng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nội dung	Kết quả thực hiện
Sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty	Hoàn thành
Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Hoàn thành
Sửa đổi Quy chế hoạt động HĐQT	Hoàn thành
Sửa đổi Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát	Hoàn thành

Nội dung	Kết quả thực hiện
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024	Hoàn thành; vốn điều lệ tăng từ 3.585,078 tỷ đồng lên 3.979,061 tỷ đồng
Bán cổ phiếu quỹ	Hoàn thành; bán 337.800 cổ phiếu quỹ
Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Đã hoàn thành việc phân phối 76.750.000 cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt chào bán, qua đó tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đồng thời tiếp tục hoàn tất các thủ tục sau phát hành theo quy định của pháp luật.
Niêm yết cổ phiếu trên HOSE	Tiếp tục triển khai theo lộ trình khi điều kiện thị trường và yêu cầu pháp lý phù hợp

Bảng 4-8. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

Nội dung đánh giá	Kết quả
Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị đã được tổ chức triển khai; phần lớn nhiệm vụ đã hoàn thành hoặc đang thực hiện theo lộ trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Công tác quản trị doanh nghiệp	Hoàn thiện hệ thống Điều lệ, Quy chế quản trị và các quy chế nội bộ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
Quản trị tài chính và vốn	Hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024; hoàn thành bán cổ phiếu quỹ; triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.
Công tác chỉ đạo điều hành	Duy trì hoạt động giám sát Ban Tổng Giám đốc; kịp thời ban hành các nghị quyết để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

Nội dung đánh giá	Kết quả
Nội dung cần tiếp tục thực hiện	Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ sau chào bán cổ phiếu riêng lẻ và các nhiệm vụ chuyển tiếp sang nhiệm kỳ 2026-2031.

Qua kết quả nêu trên cho thấy, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, quyết định và giám sát theo quy định; tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm về quản trị doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính. Các nội dung đã hoàn thành cơ bản bảo đảm tiến độ và đúng thẩm quyền. Đối với một số nhiệm vụ chưa hoàn thành như kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo rà soát, đánh giá điều kiện thị trường và tiếp tục triển khai trong nhiệm kỳ tiếp theo nhằm bảo đảm hiệu quả, phù hợp với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

Giá trị quản trị trong nhiệm kỳ thể hiện ở ba kết quả chính: hệ thống quản trị được hoàn thiện theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019; năng lực tài chính được củng cố thông qua tăng vốn, bán cổ phiếu quỹ và chào bán riêng lẻ; cơ chế quản trị linh hoạt giúp Tổng Công ty duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường biến động.

Các quyết định trọng yếu của Hội đồng Quản trị được xem xét trên cơ sở hiệu quả đầu tư, khả năng cân đối nguồn lực, mức độ rủi ro và lợi ích dài hạn của Tổng Công ty, cổ đông.

4.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

Bảng 4-9. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026

Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Số phiên họp Hội đồng Quản trị	165	Bảo đảm chế độ họp theo quy định
Số nghị quyết, quyết định đã ban hành	352	Bao quát toàn bộ các vấn đề thuộc thẩm quyền
Các nhóm nội dung được xem xét, quyết định	Tài chính, đầu tư, nhân sự, sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, vốn, pháp lý...	Đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ
Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên	Theo quy định và biên bản từng phiên họp	Bảo đảm theo quy định

Công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc	Thực hiện thường xuyên thông qua báo cáo định kỳ, chuyên đề và các nghị quyết	Đáp ứng yêu cầu quản trị
Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghị quyết	Thực hiện định kỳ	Góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các quyết định của HĐQT

Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên thông qua báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, các phiên họp và theo dõi tiến độ thực hiện nghị quyết. Trọng tâm giám sát gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư, quản lý vốn, tăng vốn, niêm yết, chào bán riêng lẻ và quản trị rủi ro.

4.4. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

Qua kết quả hoạt động trong nhiệm kỳ có thể nhận thấy Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng hoạch định, quyết định và giám sát theo quy định; từng bước nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong công tác điều hành.

Các quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị đều bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng Công ty và diễn biến của thị trường; đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng, an toàn tài chính và phát triển bền vững.

Những kết quả đạt được trong công tác quản trị là cơ sở để Hội đồng Quản trị đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của nhiệm kỳ, đồng thời xác định các nội dung cần tiếp tục nâng cao và bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị trong nhiệm kỳ 2026–2031.

V. Đánh giá tổng thể và bài học quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

Nhiệm kỳ 2021–2026 diễn ra trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động, thị trường xây dựng và đầu tư hạ tầng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Trong điều kiện đó, Hội đồng Quản trị luôn kiên định nguyên tắc quản trị thận trọng, minh bạch, tuân thủ pháp luật, đồng thời chủ động đổi mới phương thức quản trị, tăng cường giám sát và đồng hành cùng Ban Điều hành nhằm bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững của Tổng Công ty. Những đánh giá dưới đây phản ánh khách quan kết quả đạt được, các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện và những bài học kinh nghiệm làm cơ sở cho việc xác định định hướng phát triển trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Sau toàn bộ nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị đánh giá đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; duy trì hoạt động quản trị ổn định trong bối cảnh

thị trường nhiều biến động; đồng thời từng bước củng cố nền tảng tài chính, hệ thống quản trị và năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty.

Trên cơ sở kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và hoạt động quản trị trong toàn nhiệm kỳ, Hội đồng Quản trị đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn nhiệm kỳ 2021–2026 đạt được những kết quả chủ yếu sau đây.

5.1. Các kết quả nổi bật

Trên cơ sở thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo, quyết định và giám sát các lĩnh vực trọng yếu của Tổng Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ 2021–2026, hoạt động quản trị được duy trì ổn định, bảo đảm tính tuân thủ, kịp thời thích ứng với những biến động của thị trường và từng bước nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Bảng 5-1. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026

Lĩnh vực	Kết quả thực hiện	Đánh giá
Quản trị doanh nghiệp	Hoàn thành sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.	Hoàn thành
Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Tổ chức triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường; ban hành các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền để tổ chức thực hiện.	Hoàn thành
Quản trị tài chính và vốn	Hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024, nâng vốn điều lệ từ 3.585,078 tỷ đồng lên 3.979,061 tỷ đồng; hoàn thành bán 337.800 cổ phiếu quỹ; triển khai phương án chào bán riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.	Cơ bản hoàn thành
Chỉ đạo sản xuất kinh doanh	Chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm; duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong điều kiện thị trường có nhiều biến động.	Hoàn thành

Lĩnh vực	Kết quả thực hiện	Đánh giá
Quản lý đầu tư	Thực hiện xem xét, quyết định các chủ trương đầu tư, góp vốn, điều chỉnh danh mục đầu tư theo thẩm quyền; tăng cường giám sát hiệu quả đầu tư.	Thực hiện thường xuyên
Công tác giám sát	Duy trì chế độ giám sát Ban Tổng Giám đốc, người đại diện phần vốn và việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.	Thực hiện thường xuyên

Kết quả trên cho thấy Hội đồng Quản trị đã thực hiện vai trò định hướng chiến lược, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và giám sát hoạt động điều hành, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và giám sát hoạt động điều hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Các quyết định quản trị được ban hành kịp thời, góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, củng cố nền tảng tài chính và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Thứ nhất, từng bước hoàn thiện nền tảng quản trị doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị đã từng bước hoàn thiện hệ thống Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế quản trị liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc hoàn thiện khung quản trị đã góp phần nâng cao tính minh bạch, chuẩn hóa quy trình quản trị, phân định rõ trách nhiệm giữa Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời tạo nền tảng cho việc nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

Thứ hai, duy trì hiệu quả hoạt động quản trị, bảo đảm hoạt động của Tổng Công ty được triển khai liên tục.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách kịp thời, đồng thời thường xuyên rà soát, giám sát tiến độ thực hiện nhằm bảo đảm các nội dung được triển khai đúng mục tiêu và phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng Công ty.

Thứ ba, tăng cường năng lực tài chính và tạo nguồn lực cho phát triển.

Công tác quản trị vốn và huy động nguồn lực được triển khai chủ động, trong đó đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bán toàn bộ cổ phiếu quỹ và thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, qua đó góp phần nâng cao năng lực tài chính và tạo nguồn lực cho chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả công tác giám sát.

Hội đồng Quản trị duy trì thường xuyên công tác giám sát hoạt động điều hành, quản trị rủi ro và kiểm soát việc thực hiện các nghị quyết đã ban hành; kịp thời xem xét, quyết định

các vấn đề thuộc thẩm quyền, góp phần bảo đảm hoạt động của Tổng Công ty diễn ra ổn định, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

Thứ năm, từng bước chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển mới.

Hội đồng Quản trị luôn chú trọng cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng với yêu cầu bảo đảm an toàn tài chính, quản trị minh bạch và phát triển bền vững; đồng thời từng bước nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp đại chúng trong giai đoạn mới.

Từ góc độ cổ đông, những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ không chỉ được phản ánh thông qua các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, quy mô vốn điều lệ hay kết quả triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, mà còn thể hiện ở việc Hội đồng Quản trị từng bước hoàn thiện nền tảng quản trị doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch, củng cố năng lực tài chính và xây dựng tiền đề cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Đây là những giá trị có ý nghĩa lâu dài, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty trên thị trường.

Qua kết quả đánh giá có thể khẳng định, Hội đồng Quản trị đã cơ bản hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông giao trong nhiệm kỳ 2021–2026; duy trì hoạt động quản trị ổn định, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Những kết quả đạt được đã góp phần củng cố nền tảng tài chính, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tăng cường hiệu quả giám sát, tạo tiền đề cho Tổng Công ty bước vào nhiệm kỳ 2026–2031 với năng lực quản trị ngày càng chuyên nghiệp, minh bạch và phát triển bền vững.

Những kết quả đạt được không chỉ thể hiện ở việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, từng bước củng cố năng lực tài chính và triển khai các phương án tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, mà còn ở việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch, nâng cao hiệu quả giám sát và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty trong giai đoạn tiếp theo. Đây là những giá trị lâu dài góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đồng thời nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty trên thị trường.

5.2. Các lĩnh vực cần tiếp tục hoàn thiện

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Hội đồng Quản trị nhận thấy vẫn còn một số lĩnh vực cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng quản trị doanh nghiệp, năng lực thích ứng với biến động của thị trường và hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Việc nhận diện các nội dung này không chỉ xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong nhiệm kỳ 2021–2026 mà còn là cơ sở quan trọng để Hội đồng Quản trị xây dựng các giải pháp quản trị phù hợp cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều biến động, một số mục tiêu triển khai cần được điều chỉnh về tiến độ hoặc tiếp tục thực hiện theo lộ trình nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư, an toàn tài chính và lợi ích lâu dài của cổ đông.

Bảng 5-2. Một số lĩnh vực tiếp tục hoàn thiện trong nhiệm kỳ 2026–2031

STT	Lĩnh vực	Kết quả đến hết nhiệm kỳ	Định hướng tiếp tục
1	Công tác lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh	Mức độ hoàn thành các chỉ tiêu giữa các năm còn chịu ảnh hưởng bởi diễn biến thị trường và điều kiện triển khai dự án	Tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo, lập kế hoạch và khả năng thích ứng với biến động thị trường
2	Quản trị tài chính và hiệu quả sử dụng vốn	Hiệu quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính giữa các năm có sự khác biệt giữa các năm do điều kiện thị trường và đặc thù triển khai dự án	Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị dòng tiền, công nợ, chi phí và hiệu quả sử dụng vốn
3	Lộ trình niêm yết cổ phiếu trên HOSE	Tiếp tục hoàn thiện các điều kiện theo quy định và diễn biến thị trường	Triển khai khi các điều kiện thị trường và pháp lý phù hợp
4	Triển khai một số phương án huy động vốn	Tiến độ thực hiện được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường và yêu cầu quản trị tài chính	Tiếp tục triển khai theo lộ trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Qua rà soát, Hội đồng Quản trị nhận thấy các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện chủ yếu tập trung vào việc nâng cao chất lượng công tác dự báo và lập kế hoạch, tăng cường hiệu quả quản trị tài chính, quản trị dòng tiền, công nợ và tiến độ thực hiện dự án; đồng thời tiếp tục hoàn thiện các điều kiện để triển khai các phương án huy động vốn và lộ trình niêm yết cổ phiếu theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với diễn biến của thị trường và lợi ích lâu dài của Tổng Công ty.

Trên cơ sở kết quả đạt được và những bài học kinh nghiệm trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng quản trị xác định những lĩnh vực cần tiếp tục hoàn thiện là các trọng tâm trong chương trình đổi mới quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 nhằm nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, hiệu quả điều hành, năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

5.3. Phân tích nguyên nhân và các yếu tố tác động

5.3.1. Nguyên nhân khách quan

Nguyên nhân khách quan chủ yếu đến từ đại dịch COVID-19, biến động giá vật liệu, lãi suất, tín dụng, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp và thay đổi chính sách, thủ tục pháp lý trong đầu tư, đất đai, xây dựng.

Các yếu tố khách quan nêu trên ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ triển khai một số nhiệm vụ và mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong từng năm của nhiệm kỳ.

5.3.2. Các yếu tố nội tại cần tiếp tục hoàn thiện

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, cùng với quá trình mở rộng quy mô hoạt động và yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị nhận thấy một số nội dung cần tiếp tục được chuẩn hóa và hoàn thiện đồng bộ hơn trong toàn hệ thống. Trọng tâm là tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dự báo và lập kế hoạch; hoàn thiện quản trị dòng tiền, công nợ và tiến độ dự án; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản trị, điều hành.

Trên cơ sở kết quả đạt được và những bài học kinh nghiệm trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng quản trị xác định các nội dung nêu trên là những trọng tâm trong chương trình đổi mới quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 nhằm tiếp tục nâng cao tính chủ động, chất lượng điều hành, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty.

5.4. Bài học quản trị

Từ thực tiễn hoạt động trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

5.4.1. Nâng cao chất lượng hoạch định và dự báo

Thực tiễn nhiệm kỳ 2021–2026 cho thấy công tác dự báo thị trường, xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các kịch bản điều hành có ý nghĩa quyết định đối với khả năng thích ứng của Tổng Công ty trước những biến động của môi trường kinh doanh. Vì vậy, trong nhiệm kỳ tới cần tiếp tục nâng cao năng lực phân tích, dự báo và xây dựng các phương án quản trị linh hoạt nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động.

5.4.2. Quản trị dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số và chuẩn hóa thông tin

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng biến động và yêu cầu quản trị doanh nghiệp ngày càng cao, việc xây dựng hệ thống quản trị dựa trên dữ liệu, chuẩn hóa quy trình và đẩy mạnh chuyển đổi số là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng quyết định quản trị. Thực tiễn nhiệm kỳ 2021–2026 cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa quy trình quản lý, chuẩn hóa hệ thống báo cáo và tăng cường khai thác dữ liệu phục vụ điều hành đã góp phần nâng cao tính minh bạch, rút ngắn thời gian xử lý thông tin và

hỗ trợ Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác. Trong nhiệm kỳ tới, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị số, phát triển cơ sở dữ liệu tập trung, tăng cường kết nối thông tin giữa Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các đơn vị thành viên, đồng thời nâng cao chất lượng phân tích dữ liệu nhằm phục vụ hiệu quả công tác hoạch định chiến lược, giám sát và quản trị rủi ro.

5.4.3. Nâng cao hiệu quả theo dõi và tổ chức thực hiện nghị quyết

Một trong những bài học quan trọng rút ra trong nhiệm kỳ 2021–2026 là hiệu quả của công tác quản trị không chỉ phụ thuộc vào chất lượng các nghị quyết được ban hành mà còn phụ thuộc vào việc tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết đó. Thực tiễn cho thấy, việc tăng cường cơ chế giám sát, thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện, kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc và gắn trách nhiệm của từng cấp quản lý với kết quả thực hiện đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và bảo đảm các quyết định của Hội đồng Quản trị được triển khai đồng bộ, đúng mục tiêu và đúng quy định. Trong nhiệm kỳ tới, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát, nâng cao hiệu quả theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị; đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình, đánh giá kết quả thực hiện trên cơ sở các chỉ tiêu định lượng, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng điều hành của Tổng Công ty.

5.4.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị tài chính, quản trị vốn và đầu tư

Thực tiễn nhiệm kỳ 2021–2026 cho thấy việc quản trị tài chính, quản trị vốn và đầu tư có ý nghĩa quyết định đối với năng lực cạnh tranh, khả năng thích ứng và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Vì vậy, mọi quyết định đầu tư, huy động vốn, sử dụng nguồn lực và phân bổ vốn cần được xem xét trên cơ sở đánh giá toàn diện về hiệu quả kinh tế, mức độ rủi ro, khả năng cân đối dòng tiền và định hướng phát triển dài hạn của Tổng Công ty. Trong nhiệm kỳ tới, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị tài chính theo hướng chủ động, thận trọng và minh bạch; tăng cường giám sát hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát rủi ro đầu tư và tối ưu hóa cơ cấu nguồn lực nhằm bảo đảm an toàn tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và gia tăng giá trị doanh nghiệp.

5.4.5. Cân bằng tăng trưởng với an toàn tài chính, quản trị rủi ro và phát triển bền vững.

Thực tiễn nhiệm kỳ 2021–2026 cho thấy mục tiêu tăng trưởng chỉ thực sự có ý nghĩa khi được xây dựng trên nền tảng quản trị thận trọng, an toàn tài chính, quản trị rủi ro hiệu quả và định hướng phát triển bền vững. Trong quá trình hoạch định chiến lược và ban hành các quyết sách quan trọng, Hội đồng Quản trị luôn cân nhắc hài hòa giữa yêu cầu mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh với khả năng huy động và sử dụng nguồn lực, kiểm soát rủi ro và bảo đảm an toàn tài chính của Tổng Công ty.

Bài học rút ra là mọi quyết định quản trị cần được xem xét trên cơ sở đánh giá toàn diện về hiệu quả, mức độ rủi ro và tác động dài hạn đối với Tổng Công ty; đồng thời kiên định nguyên tắc đặt lợi ích hợp pháp của cổ đông, sự phát triển bền vững của Tổng Công ty và trách nhiệm tuân thủ pháp luật làm nền tảng xuyên suốt trong quá trình hoạch định chiến lược, ra quyết định và tổ chức thực hiện.

Bảng 5-3. Tổng hợp mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021–2026

Nhóm nhiệm vụ	Mức độ hoàn thành	Ghi chú
Hoàn thiện quản trị doanh nghiệp	✓ Hoàn thành	Điều lệ và các quy chế đã được sửa đổi, ban hành
Triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ	✓ Cơ bản hoàn thành	Một số nội dung tiếp tục thực hiện theo lộ trình
Quản trị tài chính và tăng vốn	✓ Hoàn thành	Hoàn thành tăng vốn điều lệ, bán cổ phiếu quỹ; chào bán riêng lẻ đang hoàn tất thủ tục
Sản xuất kinh doanh	◐ Hoàn thành ở mức phù hợp với điều kiện thị trường trong từng giai đoạn	Duy trì tăng trưởng; một số chỉ tiêu cần tiếp tục cải thiện trong nhiệm kỳ tới
Niêm yết cổ phiếu HOSE	✗ Tiếp tục triển khai theo lộ trình	Tiếp tục triển khai khi điều kiện thị trường phù hợp

Những kết quả đạt được, cùng với các tồn tại, hạn chế và bài học kinh nghiệm được tổng kết trong nhiệm kỳ là cơ sở quan trọng để Hội đồng Quản trị tiếp tục đổi mới phương thức quản trị, nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, tăng cường giám sát, quản trị rủi ro và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; qua đó tạo nền tảng vững chắc để thực hiện các mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ 2026–2031, hướng tới gia tăng giá trị doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của cổ đông.

Nhìn lại toàn bộ nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị đánh giá đã cơ bản hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông giao; từng bước hoàn thiện nền tảng quản trị doanh nghiệp, củng cố năng lực tài chính và nâng cao hiệu quả giám sát. Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng Quản trị cũng thẳng thắn nhìn nhận các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Những kết quả, hạn chế và bài học kinh nghiệm nêu trên là cơ sở quan trọng để Hội đồng Quản trị xác định mục tiêu, định hướng và giải pháp quản trị cho nhiệm kỳ 2026–2031 theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả và phát triển bền vững, không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

B. ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ 2026–2031

Bước sang nhiệm kỳ 2026–2031, Hội đồng Quản trị xác định trọng tâm hoạt động là tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả và phát triển bền vững; lấy hiệu quả sử dụng vốn, năng lực quản trị rủi ro, năng lực cạnh tranh và lợi ích lâu dài của cổ đông làm định hướng xuyên suốt trong quá trình hoạch định chiến lược, ra quyết định và giám sát điều hành. Trên nền tảng kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2021–2026, Hội đồng Quản trị định hướng xây dựng CC1 trở thành doanh nghiệp xây dựng và đầu tư hạ tầng có năng lực cạnh tranh cao, tài chính lành mạnh, quản trị minh bạch và từng bước mở rộng vị thế trên thị trường trong nước và khu vực.

I. Mục tiêu chiến lược

Nhiệm kỳ 2026–2031 diễn ra trong bối cảnh ngành xây dựng và đầu tư hạ tầng tiếp tục có nhiều cơ hội phát triển, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực. Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu tiếp tục xây dựng CC1 phát triển theo hướng ổn định, bền vững và hiệu quả; giữ vững vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng và đầu tư hạ tầng tại Việt Nam, đồng thời từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực.

Trong nhiệm kỳ tới, CC1 tiếp tục lấy hoạt động xây lắp làm nền tảng, phát huy thế mạnh trong các lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông và năng lượng; đồng thời nghiên cứu mở rộng hoạt động đầu tư tại các lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển, năng lực tài chính và năng lực triển khai của Tổng Công ty nhằm tạo nguồn thu ổn định và gia tăng giá trị trong dài hạn.

Hội đồng quản trị định hướng tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển Tổng Công ty theo hướng bền vững. Trên cơ sở chiến lược phát triển dài hạn, Tổng Công ty từng bước củng cố năng lực tài chính, nâng cao năng lực triển khai, hiệu quả quản trị và hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng để hướng tới quy mô doanh thu tương đương trên 01 tỷ đô la Mỹ khi hội đủ các điều kiện về thị trường và năng lực phát triển. Đồng thời, Hội đồng quản trị tiếp tục tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, củng cố năng lực tài chính và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông. Đây là mục tiêu định hướng dài hạn, không phải chỉ tiêu doanh thu cam kết của từng năm.

Song song với mục tiêu phát triển, Hội đồng quản trị xác định tiếp tục đổi mới phương thức quản trị, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

II. Định hướng quản trị doanh nghiệp

Trong nhiệm kỳ 2026-2031, Hội đồng Quản trị tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác hoạch định chiến lược, quản trị tài chính, quản trị đầu tư và kiểm soát rủi ro.

Việc điều hành sẽ được hỗ trợ bởi hệ thống dữ liệu tập trung và các nền tảng quản trị hiện đại, giúp tăng cường khả năng giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nhận diện rủi ro và nâng cao chất lượng các quyết định quản trị.

Đối với hoạt động sản xuất, Hội đồng Quản trị định hướng triển khai mô hình công trường số tại các dự án trọng điểm, từng bước số hóa công tác quản lý tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, vật tư, thiết bị, hồ sơ nghiệm thu và hoàn công. Việc ứng dụng BIM, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số theo lộ trình phù hợp, trên cơ sở đánh giá hiệu quả thực tiễn của từng dự án.

Bên cạnh việc hiện đại hóa công tác quản trị và đẩy mạnh chuyển đổi số, Hội đồng Quản trị định hướng tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng chuyên môn hóa, nâng cao chất lượng tham mưu, thẩm định và giám sát đối với các lĩnh vực trọng yếu. Trọng tâm là nghiên cứu kiện toàn Ủy ban Chiến lược và Đầu tư, Ủy ban Nhân sự, Thù lao và Đãi ngộ, Ủy ban Quản trị Rủi ro và Ban Kiểm toán Nội bộ.

Định hướng nêu trên sẽ từng bước được cụ thể hóa thông qua việc hoàn thiện các thiết chế quản trị trực thuộc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quy mô phát triển trong từng giai đoạn. Chức năng định hướng của từng đơn vị được khái quát tại Bảng II-1 dưới đây

Bảng 2-1. Định hướng hoàn thiện mô hình quản trị Hội đồng Quản trị

Đơn vị tham mưu	Chức năng trọng tâm
Ủy ban Chiến lược và Đầu tư	Tham mưu chiến lược phát triển; thẩm định chủ trương đầu tư, dự án trọng điểm, hoạt động góp vốn, thoái vốn và các giao dịch đầu tư quan trọng trước khi trình Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định.
Ủy ban Nhân sự, Thù lao và Đãi ngộ	Tham mưu về cơ cấu tổ chức, nhân sự cấp cao, quy hoạch cán bộ; xây dựng chính sách tiền lương, thù lao và đãi ngộ đối với người quản lý phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty.
Ủy ban Quản trị Rủi ro	Tham mưu xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp; giám sát các rủi ro chiến lược, tài chính, đầu tư, pháp lý, tuân thủ và vận hành; kiến nghị các biện pháp kiểm soát phù hợp.

Ban Kiểm toán Nội bộ	Đánh giá hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp; thực hiện kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt; báo cáo và kiến nghị Hội đồng Quản trị các biện pháp khắc phục, cải tiến.

Các Ủy ban và Ban Kiểm toán Nội bộ hoạt động theo chức năng tham mưu, tư vấn và giám sát; không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị, không thay thế chức năng điều hành của Ban Tổng Giám đốc và được tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Tổng Công ty.

Bảng 2-2. Nhóm ưu tiên – Mục tiêu nhiệm kỳ – Kết quả kỳ vọng"

Nhóm ưu tiên	**Mục tiêu nhiệm kỳ**	**Kết quả kỳ vọng**
Quản trị doanh nghiệp	Hoàn thiện mô hình quản trị theo thông lệ tiên tiến	Nâng cao minh bạch và hiệu quả quản trị
Chuyển đổi số	Triển khai theo lộ trình ERP và chuẩn hóa dữ liệu quản trị và chuẩn hóa dữ liệu quản trị	Quản trị trên nền tảng số
Quản lý dự án	Áp dụng BIM và công trường số tại các dự án trọng điểm	Kiểm soát tiến độ, chất lượng, chi phí
Quản trị tài chính	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát dòng tiền	Tăng năng lực tài chính
Đầu tư	Phát triển danh mục hạ tầng, logistics và năng lượng	Góp phần đa dạng hóa nguồn thu dài hạn theo khả năng triển khai thực tế

Trên cơ sở các định hướng quản trị nêu trên, Hội đồng Quản trị xác định các chương trình phát triển trọng tâm trong nhiệm kỳ 2026–2031 nhằm cụ thể hóa mục tiêu chiến lược, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường hiệu quả quản trị và gia tăng giá trị doanh nghiệp cho cổ đông.

III. Các định hướng phát triển trọng tâm

3.1. Tạo bước phát triển mới về quy mô và hiệu quả hoạt động

Hội đồng Quản trị đặt mục tiêu tạo bước phát triển mới về quy mô và hiệu quả hoạt động, phấn đấu từng bước đưa Tổng Công ty từng bước tiệm cận quy mô doanh thu tương đương khoảng 01 tỷ đô la Mỹ khi điều kiện thị trường, năng lực tài chính và năng lực triển khai cho phép; đồng thời bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, an toàn tài chính và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông.

Tăng trưởng không chỉ được đánh giá bằng doanh thu mà còn bằng hiệu quả sử dụng vốn, khả năng tạo dòng tiền, năng suất lao động và lợi nhuận mang lại cho cổ đông. Đây sẽ là những chỉ tiêu xuyên suốt trong quá trình điều hành của nhiệm kỳ 2026-2031.

3.2. Phát huy thế mạnh truyền thống, phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

Hội đồng Quản trị xác định hoạt động xây lắp tiếp tục là lĩnh vực giữ vai trò nòng cốt trong chiến lược phát triển của CC1.

Trong nhiệm kỳ tới, Tổng Công ty tập trung duy trì và mở rộng thị phần trong các lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông và năng lượng; nâng cao năng lực thực hiện các công trình quy mô lớn, có yêu cầu kỹ thuật cao; tiếp tục khẳng định vị thế của CC1 trong vai trò tổng thầu và nhà thầu thi công các dự án trọng điểm quốc gia.

Bên cạnh việc mở rộng quy mô, Tổng Công ty chú trọng nâng cao chất lượng công trình, năng suất lao động, hiệu quả quản trị hợp đồng và kiểm soát chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động.

3.3. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, logistics và năng lượng

Cùng với hoạt động xây lắp, đầu tư sẽ là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của Tổng Công ty trong những năm tới.

Hội đồng Quản trị định hướng ưu tiên nghiên cứu và tham gia đầu tư các dự án hạ tầng giao thông, logistics, năng lượng, khu công nghiệp và các lĩnh vực phù hợp với năng lực của CC1, bảo đảm hiệu quả đầu tư, khả năng thu hồi vốn và kiểm soát tốt các rủi ro về tài chính cũng như vận hành.

3.4. Nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp và phát triển bền vững

Hội đồng Quản trị tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và minh bạch thông tin.

Song song với đó, Tổng Công ty sẽ triển khai hệ thống ERP, chuẩn hóa dữ liệu quản trị, từng bước tích hợp các tiêu chí về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào hoạt động sản

xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao giá trị thương hiệu CC1 trên thị trường.

3.5. Lấy khoa học công nghệ làm nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh

Trong bối cảnh ngành xây dựng đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng số hóa, Hội đồng Quản trị xác định việc ứng dụng khoa học công nghệ là yêu cầu tất yếu để nâng cao năng suất lao động và chất lượng quản trị.

CC1 sẽ tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển công trường số, ứng dụng BIM trong quản lý dự án, nghiên cứu, từng bước ứng dụng AI trong các khâu phù hợp với công tác điều hành, kiểm soát tiến độ, chất lượng, an toàn và quản trị rủi ro. Tổng Công ty cũng sẽ nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ thi công tiên tiến, tự động hóa, cấu kiện lắp ghép và giải pháp xây dựng hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.6. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới

Nguồn nhân lực tiếp tục là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

Trong nhiệm kỳ tới, CC1 tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư và chuyên gia có trình độ chuyên môn cao; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản trị, ngoại ngữ, công nghệ số và kỹ năng quản lý dự án; có cơ chế phù hợp để thu hút và giữ chân đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và gắn kết.

3.7. Mở rộng thị trường và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế

Trên cơ sở kinh nghiệm, năng lực và uy tín đã được khẳng định trong nước, Hội đồng quản trị định hướng nghiên cứu cơ hội mở rộng hoạt động đầu tư, xây lắp và kinh doanh tại một số thị trường nước ngoài sau khi đánh giá đầy đủ hiệu quả và phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty. Việc xem xét triển khai được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, trên cơ sở đánh giá toàn diện về hiệu quả đầu tư, mức độ rủi ro, năng lực triển khai và khả năng hợp tác với các đối tác có năng lực; ưu tiên các thị trường có môi trường đầu tư ổn định, phù hợp với lợi thế cạnh tranh và năng lực thực hiện của Tổng Công ty nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững.

Việc phát triển thị trường quốc tế phải gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro và giữ vững hiệu quả đầu tư.

3.8. Nâng cao trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền lợi cổ đông

Hội đồng Quản trị tiếp tục nâng cao trách nhiệm giải trình trong quá trình ra quyết định và giám sát hoạt động điều hành; tăng cường minh bạch thông tin, đối thoại với cổ đông và bảo đảm việc thực hiện đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc gia tăng giá

trị doanh nghiệp, bảo đảm an toàn tài chính và phát triển bền vững được xác định là nguyên tắc xuyên suốt trong nhiệm kỳ 2026–2031.

C. KẾT LUẬN

Nhiệm kỳ 2021–2026 là giai đoạn Hội đồng Quản trị tập trung củng cố nền tảng quản trị, duy trì hoạt động ổn định, nâng cao năng lực tài chính và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Tổng Công ty. Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, Hội đồng Quản trị đã nỗ lực thực hiện đầy đủ chức năng hoạch định, quyết định và giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Bước sang nhiệm kỳ 2026–2031, Hội đồng Quản trị nhận thức rõ yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức quản trị, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường kiểm soát rủi ro, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị tiếp tục thực hiện với tinh thần trách nhiệm, minh bạch, thận trọng và vì lợi ích lâu dài của cổ đông, hướng tới mục tiêu xây dựng Tổng Công ty phát triển ổn định, bền vững và có năng lực cạnh tranh ngày càng cao.

Hội đồng Quản trị trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021–2026 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026–2031.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NHIỆM KỲ 2022 - 2026 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2026 – 2031

Kính gửi: - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP ("CC1" hoặc "Tổng Công ty") trình Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị báo cáo tổng kết hoạt động trong nhiệm kỳ 2022 - 2026 và định hướng kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

I. CƠ CẤU, CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong nhiệm kỳ 2022 - 2026, Ủy ban Kiểm toán được tổ chức là Ủy ban chuyên trách thuộc Hội đồng Quản trị, thực hiện chức năng tham mưu, hỗ trợ và giám sát đối với Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực trọng yếu về báo cáo tài chính, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ, và các vấn đề quản trị khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quy chế nội bộ có liên quan.

Cơ cấu Ủy ban Kiểm toán được kiện toàn phù hợp với mô hình quản trị của công ty đại chúng, trong đó Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán là Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; thành viên Ủy ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành theo quyết định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ.

Ủy ban Kiểm toán hoạt động trên các nguyên tắc độc lập, khách quan, thận trọng, bảo mật thông tin, phối hợp nhưng không thay thế chức năng điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chuyên môn. Các ý kiến của Ủy ban Kiểm toán nhằm hỗ trợ Hội đồng Quản trị nâng cao chất lượng giám sát, tăng cường minh bạch và củng cố nền tảng quản trị bền vững của Tổng Công ty.

II. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NHIỆM KỲ 2022 - 2026

Trong nhiệm kỳ 2022 - 2026, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán diễn ra trong bối cảnh thị trường xây dựng, bất động sản, hạ tầng và đầu tư công có nhiều biến động; yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và đối tác đối với chất lượng quản trị công ty, minh bạch thông tin, kiểm soát rủi ro và phát triển bền vững ngày càng cao.

Trên cơ sở chức năng được giao, Ủy ban Kiểm toán đã từng bước chuyển trọng tâm từ hoạt động rà soát mang tính tuân thủ sang giám sát theo rủi ro, tập trung hơn vào chất lượng thông tin tài chính, hiệu quả kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro dự án, cũng như các vấn đề mới phát sinh từ ESG và chuyển đổi số.

Các hoạt động chính của Ủy ban Kiểm toán trong nhiệm kỳ bao gồm:

- Rà soát, trao đổi và kiến nghị đối với các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính, kiểm toán độc lập, công bố thông tin và chất lượng báo cáo quản trị.
- Giám sát việc duy trì và củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ, tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ.
- Theo dõi, nhận diện và khuyến nghị xử lý các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Tổng Công ty.
- Phối hợp với Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Phòng Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro, Khối Tài chính, Phòng Pháp chế và các bộ phận liên quan để thu thập thông tin, làm rõ vấn đề và theo dõi việc thực hiện khuyến nghị.
- Quan tâm đến xu hướng ESG, phát triển bền vững, chuyển đổi số, hệ thống ERP, dữ liệu quản trị và các kiểm soát liên quan đến môi trường công nghệ trong hoạt động của Tổng Công ty.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2022 - 2026

1. Đối với báo cáo tài chính, kiểm toán độc lập và công bố thông tin

Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện vai trò rà soát, trao đổi và đưa ra ý kiến đối với các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo tài chính được kiểm toán, các vấn đề kế toán - kiểm toán trọng yếu và chất lượng thông tin phục vụ Hội đồng Quản trị. Hoạt động này góp phần nâng cao tính đầy đủ, kịp thời, nhất quán và minh bạch

của thông tin tài chính trước khi cung cấp cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan.

Trong phạm vi giám sát, Ủy ban Kiểm toán quan tâm đến các khu vực có rủi ro cao trong doanh nghiệp xây dựng và hạ tầng như doanh thu, chi phí dự án, và các giao dịch có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Tổng Công ty. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu quản trị thận trọng trong bối cảnh hoạt động của CC1 ngày càng mở rộng và phức tạp.

2. Đối với hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ

Ủy ban Kiểm toán ghi nhận trong nhiệm kỳ vừa qua, CC1 đã từng bước củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc rà soát, cập nhật quy chế, quy trình, phân định trách nhiệm giữa các cấp quản lý và tăng cường cơ chế kiểm soát trong các hoạt động trọng yếu. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao tính kỷ luật trong vận hành, hạn chế sai sót, giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả quản trị.

3. Đối với quản trị rủi ro

Trong nhiệm kỳ 2022 - 2026, Ủy ban Kiểm toán đã thúc đẩy cách tiếp cận quản trị rủi ro theo hướng chủ động hơn, không chỉ xử lý sau khi vấn đề phát sinh mà từng bước hướng tới nhận diện sớm, thiết lập tín hiệu cảnh báo, xác định trách nhiệm xử lý và theo dõi kết quả khắc phục các rủi ro trọng yếu.

Việc lồng ghép quản trị rủi ro vào cơ chế giám sát của Hội đồng Quản trị là định hướng cần tiếp tục được đẩy mạnh trong nhiệm kỳ tới.

4. Đối với hoạt động kiểm toán nội bộ và theo dõi khuyến nghị

Ủy ban Kiểm toán đã phối hợp và giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ, định hướng hoạt động kiểm toán nội bộ gắn hơn với các khu vực rủi ro trọng yếu của Tổng Công ty. Hoạt động kiểm toán nội bộ từng bước chuyển từ kiểm tra tuân thủ đơn thuần sang đánh giá hiệu quả kiểm soát, tư vấn cải tiến quy trình và hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị rủi ro.

Trong thời gian tới, việc chuẩn hóa cơ chế theo dõi sau kiểm toán, xác định rõ đầu mối chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành, trạng thái thực hiện và báo cáo định kỳ cho Ủy ban Kiểm toán cần tiếp tục được tăng cường để nâng cao hiệu lực của các khuyến nghị.

5. Đối với ESG và phát triển bền vững

Ủy ban Kiểm toán ghi nhận yêu cầu về ESG và phát triển bền vững ngày càng trở thành một nội dung quan trọng trong quản trị công ty, đặc biệt đối với doanh nghiệp xây dựng - hạ tầng có liên quan đến an toàn lao động, môi trường, chuỗi cung ứng, cộng đồng, đạo đức kinh doanh, tuân thủ và minh bạch thông tin.

Trên phương diện giám sát, Ủy ban Kiểm toán không thay thế chức năng điều hành ESG của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chuyên môn, nhưng có vai trò hỗ trợ Hội đồng Quản trị theo dõi việc tích hợp ESG vào quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, báo cáo quản trị và các cam kết phát triển bền vững của Tổng Công ty. Đây là nội dung cần được đưa vào chương trình giám sát thường xuyên trong nhiệm kỳ 2026 - 2031.

6. Đối với chuyển đổi số, ERP và dữ liệu quản trị

Ủy ban Kiểm toán ghi nhận chuyển đổi số là một trong những động lực quan trọng để nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả vận hành và chất lượng thông tin phục vụ ra quyết định. Trong bối cảnh CC1 triển khai ERP, số hóa dữ liệu, ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý, yêu cầu đặt ra không chỉ là triển khai phần mềm mà còn là thiết kế kiểm soát phù hợp trong môi trường số.

Trọng tâm giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với chuyển đổi số cần tập trung vào chất lượng dữ liệu, phân quyền truy cập, dấu vết phê duyệt, kiểm soát tự động, báo cáo cảnh báo sớm, bảo mật thông tin và khả năng kết nối dữ liệu giữa tài chính, dự án, mua sắm, hợp đồng, công nợ, dòng tiền và hiệu quả vận hành.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NHIỆM KỲ 2022 - 2026

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ 2022 - 2026, Ủy ban Kiểm toán đã từng bước khẳng định vai trò là cơ chế giám sát chuyên trách thuộc Hội đồng Quản trị, góp phần tăng cường tính minh bạch, củng cố kiểm soát nội bộ, nâng cao nhận diện rủi ro và hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc theo dõi các vấn đề trọng yếu của Tổng Công ty.

Các kết quả nổi bật có thể khái quát như sau:

- Góp phần nâng cao chất lượng giám sát đối với báo cáo tài chính, và các vấn đề tài chính trọng yếu.

- Thúc đẩy việc củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ, tuân thủ pháp luật, quy chế nội bộ và kỷ luật vận hành.
- Tăng cường nhận diện các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Tổng Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực dự án, công nợ, dòng tiền, pháp lý, chi phí và an toàn lao động.
- Tăng cường phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ và các Phòng ban chức năng trong hoạt động giám sát.
- Bước đầu mở rộng phạm vi quan tâm của Ủy ban Kiểm toán sang các nội dung quản trị hiện đại như ESG, chuyển đổi số, dữ liệu quản trị và kiểm soát trong môi trường ERP.

Bên cạnh các kết quả đạt được, Ủy ban Kiểm toán cũng nhận thấy Tổng Công ty cần tiếp tục hoàn thiện mạnh hơn một số nền tảng quản trị trong nhiệm kỳ tới, bao gồm: cơ chế báo cáo quản trị theo rủi ro, hệ thống chỉ số cảnh báo sớm, quy trình theo dõi khuyến nghị, quản trị dữ liệu, kiểm soát tự động trên ERP, phân quyền - ủy quyền rõ ràng, và lộ trình ESG gắn với các chỉ tiêu có thể đo lường.

V. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2026 - 2031

1. Mục tiêu tổng quát

Trong nhiệm kỳ 2026 - 2031, Ủy ban Kiểm toán định hướng nâng cao tính thực chất của hoạt động giám sát, từng bước chuyển từ mô hình rà soát sau sự kiện sang mô hình giám sát theo rủi ro, dựa trên dữ liệu, có cảnh báo sớm và có cơ chế theo dõi khắc phục rõ ràng.

Mục tiêu tổng quát là hỗ trợ Hội đồng Quản trị xây dựng một nền tảng quản trị minh bạch, kiểm soát tốt, quản trị rủi ro chủ động, tích hợp ESG và chuyển đổi số, phù hợp với yêu cầu của công ty đại chúng, kỳ vọng của nhà đầu tư và định hướng phát triển dài hạn của CC1.

2. Trọng tâm hoạt động nhiệm kỳ 2026 - 2031

Hoàn thiện quy chế hoạt động, chương trình làm việc hằng năm và cơ chế báo cáo định kỳ của Ủy ban Kiểm toán, bảo đảm rõ đầu mối cung cấp thông tin, rõ trách nhiệm giải trình và rõ thời hạn phản hồi.

Tăng cường giám sát chất lượng báo cáo tài chính, công bố thông tin, kiểm toán độc lập, báo cáo quản trị và các vấn đề có ảnh hưởng trọng yếu đến an toàn tài chính của Tổng Công ty.

Thúc đẩy chuẩn hóa hệ thống kiểm soát nội bộ theo chuỗi giá trị, trong đó chú trọng phân quyền - ủy quyền, RACI, quy trình/SOP/WI, ma trận rủi ro - kiểm soát và cơ chế tự đánh giá kiểm soát tại các đơn vị.

Xây dựng và vận hành khung quản trị rủi ro doanh nghiệp theo hướng chủ động, bao gồm khẩu vị rủi ro, danh mục rủi ro trọng yếu, chỉ số cảnh báo sớm, bản đồ nhiệt rủi ro và báo cáo rủi ro định kỳ cho Hội đồng Quản trị.

Nâng cao vai trò của Kiểm toán nội bộ theo phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro, tập trung vào các lĩnh vực có tác động lớn như dự án, tài chính, mua sắm, hợp đồng, công nợ, dòng tiền, pháp lý, an toàn lao động và công nghệ thông tin.

Lồng ghép ESG vào hoạt động giám sát, trong đó ưu tiên các chủ đề trọng yếu của ngành xây dựng - hạ tầng như an toàn lao động, môi trường, phát thải, đạo đức kinh doanh, chuỗi cung ứng bền vững, quyền lợi người lao động và minh bạch thông tin.

Giám sát chuyển đổi số từ góc độ quản trị và kiểm soát, bảo đảm các hệ thống ERP, dữ liệu tập trung, AI, và báo cáo số được thiết kế kèm kiểm soát phù hợp, có phân quyền, dấu vết phê duyệt, bảo mật và khả năng truy xuất dữ liệu.

Tăng cường văn hóa tuân thủ, liêm chính, phòng chống gian lận và trách nhiệm giải trình trong toàn hệ thống, xem đây là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng quản trị và bảo vệ giá trị dài hạn của cổ đông.

VI. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện hiệu quả định hướng nhiệm kỳ 2026 - 2031, Ủy ban Kiểm toán kiến nghị:

- Hội đồng Quản trị tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán theo hướng rõ vai trò, rõ đầu việc, rõ đầu ra báo cáo và rõ trách nhiệm phối hợp giữa các bên liên quan.
- Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo chuẩn hóa hệ thống báo cáo gửi Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời, nhất quán, có khả năng đối chiếu và phục vụ hiệu quả cho công tác giám sát.
- Các bộ phận chức năng tăng cường phối hợp trong việc cung cấp hồ sơ, dữ liệu, giải trình, theo dõi và báo cáo tình trạng thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán nội bộ.

- Tổng Công ty ưu tiên nguồn lực cho việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, ESG, quản trị dữ liệu, ERP, AI automation và các công cụ báo cáo quản trị số.
- Việc triển khai các chương trình chuyển đổi số, ERP, ESG và quản trị rủi ro cần gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cấp quản lý, đồng thời có cơ chế báo cáo định kỳ để Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán theo dõi.

VII. KẾT LUẬN

Nhiệm kỳ 2022 - 2026 là giai đoạn Ủy ban Kiểm toán từng bước củng cố vai trò giám sát chuyên trách thuộc Hội đồng Quản trị, góp phần nâng cao chất lượng quản trị, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ và minh bạch thông tin của Tổng Công ty.

Bước sang nhiệm kỳ 2026 - 2031, Ủy ban Kiểm toán định hướng tiếp tục nâng cao tính thực chất, chuyên nghiệp và chủ động trong hoạt động giám sát; tập trung vào các lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến an toàn tài chính, hiệu quả dự án, chất lượng quản trị, ESG và chuyển đổi số; qua đó hỗ trợ Hội đồng Quản trị đưa CC1 phát triển minh bạch, bền vững và phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/BC-BTGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày … tháng … năm 2026

BÁO CÁO

V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1", "Tổng Công ty") kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") như sau:

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2025

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025[1] của Tổng cục Thống kê, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi mạnh mẽ và đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Quy mô nền kinh tế tiếp tục mở rộng, GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng (tương đương 514 tỷ USD), tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. Đặc biệt, Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá là quốc gia thuộc nhóm quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á. GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) duy trì xu hướng tăng trưởng qua các quý (quý I tăng 7,05%, quý II tăng 8,16%, quý III tăng 8,25%, quý IV/2025 ước tính tăng 8,46%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 4.150,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2024, cao hơn nhiều mức tăng 7,8% của năm trước, phản ánh sự phục hồi tích cực của hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, Vốn đầu tư

[1] Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025, ngày 05/01/2026

trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2025 ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước, cao nhất trong 5 năm qua.

Năm 2025, Ngân hàng nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động và linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lãi suất điều hành tiếp tục duy trì ở mức thấp, các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay. Điều này đã tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp về chi phí tài chính, chi phí lãi suất để duy trì và ổn định hoạt động.

Ngành xây dựng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng chung của nền kinh tế năm 2025. Giá trị tăng thêm ngành xây dựng năm 2025 tăng 9,62%, đóng góp 8,47% vào tổng mức tăng trưởng chung.

Vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025 tăng mạnh 26,6% so với năm trước, ước đạt 850,7 nghìn tỷ đồng. Đây là tín hiệu khả quan cho các doanh nghiệp xây lắp trong việc tiếp cận các dự án hạ tầng công cộng.

Trong năm 2025, các chính sách tài khóa, tiền tệ, đầu tư công và cải cách thể chế tiếp tục được triển khai, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xây dựng và đầu tư hạ tầng.

Những biện pháp trên đã góp phần quan trọng vào việc đạt được mức tăng trưởng GDP 8,02% trong năm 2025, vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra và đưa Việt Nam vào nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao trên thế giới.

2. TÀI SẢN - NGUỒN VỐN NĂM 2025

STT	Nội dung	Đvt	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
			31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch	31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch
1	Tổng tài sản (TTS)	tỷ đồng	17.208	15.842	1.366	17.126	16.728	398
2	Nợ phải trả	tỷ đồng	12.732	11.608	1.124	12.637	12.164	474
3	Nợ vay	tỷ đồng	6.442	5.104	1.338	6.665	6.020	645
4	Vốn chủ sở hữu (VCSH)	tỷ đồng	4.476	4.234	242	4.489	4.564	(75)
5	Vốn điều lệ (VĐL)	tỷ đồng	3.979	3.585	394	3.979	3.585	394
6	Tỷ lệ Nợ phải trả / VCSH	lần	2,84	2,74	0,10	2,82	2,66	0,16

STT	Nội dung	Đvt	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
			31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch	31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch
7	Tỷ lệ Nợ vay / VCSH	lần	1,44	1,21	0,23	1,48	1,32	0,16

Trong năm 2025, quy mô tài sản nguồn vốn của Tổng Công ty có sự thay đổi, cụ thể:

❖ **Đối với Báo cáo riêng:**

- Tổng tài sản tăng từ 15.842 tỷ đồng lên 17.208 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 9%.
- Vốn chủ sở hữu tăng từ 4.234 tỷ đồng lên 4.476 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 6%.
- Vốn điều lệ tăng từ 3.585 tỷ đồng lên 3.979 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 11%.

❖ **Đối với Báo cáo hợp nhất:**

Nền tảng tài chính của CC1 ổn định khi tiền và tương đương tiền tính đến cuối kỳ đạt 2.283 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 294 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 4.489 tỷ đồng. Tổng tài sản đạt 17.126 tỷ đồng.

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 – Công ty mẹ

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng bằng sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt và sự đúng đắn trong hoạch định chiến lược của HĐQT, cùng sự nỗ lực quyết tâm, đoàn kết của Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động, Công ty vẫn đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, được phản ánh theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2025	So với TH 2024
1	Doanh thu thuần (DTT)	11.617	12.367	9.594	94%	121%
2	Lợi nhuận gộp (LNG)	488	523	391	93%	125%

STT	Nội dung	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2025	So với TH 2024
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	322	309	277	104%	116%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	246	247	222	100%	111%
5	Tỷ suất LNG	4,20%	4,23%	4,07%	99%	103%
6	Tỷ suất LNST/DTT	2,12%	2,00%	2,31%	106%	92%

Năm 2025, Công ty mẹ đạt Doanh thu thuần 11.617 tỷ đồng, hoàn thành 94% kế hoạch năm và tăng trưởng 21% so với năm 2024. Lợi nhuận gộp ghi nhận 488 tỷ đồng, đạt 93% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 322 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 246 tỷ đồng hoàn thành 100% kế hoạch năm.

Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2025 được cải thiện so với năm 2024, chủ yếu nhờ kiểm soát hiệu quả giá vốn hàng bán. Đặc biệt, mảng xây lắp ghi nhận sự cải thiện về hiệu quả hoạt động với tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 3,8% lên 4,1%. Kết quả này đến từ việc tối ưu hóa chi phí nguyên vật liệu đầu vào, nâng cao hiệu quả quản lý thi công và kiểm soát chi phí dự án, qua đó cải thiện biên lợi nhuận gộp và hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Doanh thu mảng xây lắp đạt khoảng 9.214 tỷ đồng, trong mảng xây lắp, Công ty mẹ trong năm qua đã và đang tham gia thực hiện nhiều dự án trọng điểm có giá trị xây lắp lớn, Cụ thể đối với mảng xây lắp dân dụng, đang xây dựng một số dự án như Dự án Sân bay Long Thành, Nhà ga hành khách T3 sân bay Tân Sơn Nhất , Rạp xiếc Phú Thọ, Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông …; đối với mảng xây lắp công nghiệp, đang thi công các dự án trọng điểm Nhà máy Nhiệt Điện Na Dương 2, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 …; còn đối với xây lắp giao thông, hạ tầng, chủ yếu thi công các gói thầu lớn trên tuyến cao tốc Bắc - Nam, đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu, cao tốc Khánh Hòa – Buôn Mê Thuột…, và dự án trọng điểm nước ngoài như Gói thầu số 4 - Dự án Nâng cấp quốc lộ 5 tại Vương quốc Campuchia. Tổng giá trị ký mới trong năm đạt 18.186 tỷ đồng. Cộng với giá trị các dự án chuyển tiếp từ năm 2026 trở đi khoảng 42.500 tỷ đồng,

điều này sẽ giúp đảm bảo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh ngành nghề truyền thống là xây lắp, hoạt động kinh doanh vật tư xây dựng (doanh thu khoảng 2.204 tỷ đồng), dịch vụ cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản (doanh thu 199 tỷ đồng) cũng tạo ra nguồn thu ổn định, phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư của Tổng Công ty.

Một số khó khăn, vướng mắc tồn tại chưa thể khắc phục trong thời gian qua cũng tác động lớn đến tiến độ của các dự án, điển hình như các công tác liên quan tới bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Dự án Khu dân cư Hạnh Phúc, và sự thiếu hụt nguyên liệu đầu vào cho các dự án Cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau, Khánh Hòa - Buôn Mê Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu...

3.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2025 – Hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2025	So với TH 2024
1	Doanh thu thuần (DTT)	11.816	12.889	10.160	92%	116%
2	Lợi nhuận gộp (LNG)	532	651	484	82%	110%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	270	371	291	73%	93%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	190	297	229	64%	83%
5	Tỷ suất LNG	4,50%	5,05%	4,76%	89%	95%
6	Tỷ suất LNST/DTT	1,60%	2,31%	2,26%	70%	71%

Doanh thu thuần hợp nhất đạt kết quả 11.816 tỷ đồng, đạt 92% so với kế hoạch, tuy nhiên tăng trưởng 16% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 270 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch năm và bằng 93% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 190 tỷ đồng hoàn thành 64% kế hoạch năm và bằng 83% so với năm 2024. Tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần lần lượt đạt 4,5% và 1,6%.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động SXKD thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ và Hợp nhất.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Bảo Anh

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1", "Tổng Công ty") kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) như sau:

I. Đơn vị thực hiện kiểm toán:

Báo cáo tài chính được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện.

II. Các chỉ tiêu trọng yếu đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đến 31/12/2025	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1	Tổng tài sản	17.208	17.126
2	Tài sản ngắn hạn	13.110	13.516
3	Tài sản dài hạn	4.098	3.610
4	Nợ phải trả	12.732	12.637
5	Vốn chủ sở hữu	4.476	4.489
6	Doanh thu thuần	11.617	11.816
7	Lợi nhuận trước thuế	322	270
8	Lợi nhuận sau thuế	246	190

Chi tiết theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán được đính kèm cùng tờ trình.

III. Ý kiến của kiểm toán:

1. Đối với báo cáo tài chính riêng:

Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trên đây là báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") như sau:

STT	Phương án Phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025	Thực hiện năm 2025		
			Tỷ lệ	Giá trị	Đơn vị tính
1	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC riêng đã kiểm toán tại 31/12/2025**			**339.478.776.531**	**đồng**
2	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2025**			**294.123.085.215**	**đồng**
3	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15.000.000.000		15.000.000.000	đồng
4	Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	15.000.000.000		15.000.000.000	đồng
5	Thù lao HĐQT, UBKT năm 2025	Tối đa 7.000.000.000 đồng		5.640.000.000	đồng
6	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ & thù lao HĐQT, UBKT lũy kế trên BCTC riêng [(1) - (3) - (4) - (5)]			303.838.776.531	đồng
7	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ & thù lao HĐQT, UBKT lũy kế trên BCTC hợp nhất [(2) - (3) - (4) - (5)]			258.483.085.215	đồng
8	Tổng số lượng cổ phiếu (*)			474.656.100	cổ phiếu
a	*Cổ phiếu quỹ*			-	*cổ phiếu*
b	*Cổ phiếu lưu hành*			*474.656.100*	*cổ phiếu*
9	**Cổ tức** (**)	**9%**	**5,0% (***)**	**237.328.050.000**	**đồng**

STT	Phương án Phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025	Thực hiện năm 2025		
			Tỷ lệ	Giá trị	Đơn vị tính
a	*Bằng Tiền mặt*	*Bằng Tiền mặt và/hoặc bằng Cổ phiếu*	-	-	đồng
b	*Bằng Cổ phiếu*		5,0% (***)	237.328.050.000	đồng
10	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ, trả cổ tức & thù lao HĐQT, UBKT lũy kế trên BCTC riêng [(6) - (9)]			66.510.726.531	đồng
11	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối các quỹ, trả cổ tức & thù lao HĐQT, UBKT lũy kế trên BCTC hợp nhất [(7) - (9)]			21.155.035.215	đồng

(*) Tổng Số lượng cổ phiếu căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/07/2010 và Sở Tài chính TP.Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 18 ngày 07/07/2026.

(**) Chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại Tờ trình số ……/TTr-HĐQT ngày 30/07/2026.

***(***)** tỷ lệ tính trên vốn điều lệ hiện hành là 4.746.561.000.000 đồng.*

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày … tháng … năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025 và tình hình thực tế;

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2026 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch kinh doanh và Chi trả cổ tức năm 2026	Thực hiện (TH) năm 2025		Kế hoạch (KH) năm 2026		Tỷ lệ % KH 2026 so với TH 2025	
		BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	11.617	11.816	18.000	18.607	155%	157%
2	Lợi nhuận trước thuế	322	270	450	492	140%	182%
3	Cổ tức	5% (bằng cổ phiếu)	5% (bằng cổ phiếu)	7% (bằng tiền/cổ phiếu)	7% (bằng tiền/cổ phiếu)	-	-
4	Quỹ đầu tư phát triển	15	15	22	22	147%	147%
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	15	22	22	147%	147%

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động xem xét và quyết định điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2026 khi xét thấy cần thiết cho CC1 và phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, sẽ báo cáo kết quả cho ĐHĐCĐ vào kỳ họp thường niên tiếp theo.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …. tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;*

Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét, thông qua Kế hoạch thù lao của HĐQT và chi phí hoạt động của HĐQT, Ủy ban kiểm toán năm 2026 như sau:

1. Kế hoạch thù lao của HĐQT và Ủy ban kiểm toán năm 2026

ĐHĐCĐ phê duyệt tổng quỹ thù lao của HĐQT và Ủy ban kiểm toán năm 2026 tối đa là **10.500.000.000 đồng** (Bằng chữ: ***Mười tỷ năm trăm triệu đồng***).

Mức chi trả thù lao thực tế sẽ được xem xét trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và mức chi trả cổ tức năm 2026 của Công ty.

2. Kế hoạch chi phí hoạt động của HĐQT năm 2026

ĐHĐCĐ phê duyệt tổng chi phí hoạt động của HĐQT năm 2026 tối đa là **10.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: ***Mười tỷ đồng***).

Chi phí hoạt động của HĐQT được sử dụng cho các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế nội bộ có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT:

- Quyết định mức thù lao cụ thể của từng thành viên HĐQT và thành viên Ủy ban kiểm toán trong phạm vi tổng quỹ thù lao được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Quyết định việc quản lý, sử dụng chi phí hoạt động của HĐQT theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế nội bộ có liên quan.

HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm sau về tình hình thực hiện quỹ thù lao và chi phí hoạt động nêu trên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày ….. tháng ….. năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Chấp thuận Danh sách công ty kiểm toán
Báo cáo tài chính trụ sở chính, riêng và hợp nhất năm 2026.

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ vào danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước năm 2026;*
- *Nhu cầu thực tế về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.*

Hội đồng Quản trị Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (CC1) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua Danh sách các Công ty kiểm toán thuộc Danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận năm 2026 để làm cơ sở lựa chọn Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính trụ sở chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2026 của CC1 theo danh sách đính kèm.

Đồng thời, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị CC1 căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt để lựa chọn, quyết định Đơn vị kiểm toán phù hợp và tổ chức thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc ký kết, triển khai Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính trụ sở chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2026 của CC1 theo quy định hiện hành.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

Phan Hữu Duy Quốc

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

STT	TÊN CÔNG TY
1	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
16	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20	Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
21	Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
22	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV)
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

Vv Tăng vốn điều lệ năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và văn bản được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và văn bản được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.*

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 xem xét thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 trên cơ sở vốn điều lệ hiện hành là 4.746.561.000.000 đồng (474.656.100 cổ phiếu đang lưu hành), với những nội dung sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 474.656.100 cổ phiếu.
  Trong đó:
  Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 474.656.100 cổ phiếu
  Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 23.732.805 cổ phiếu.
- **Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:** 237.328.050.000 đồng
- **Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- **Tỷ lệ phát hành (***số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành***):** 5%.
- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 20:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu, cổ đông sở

hữu 20 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức).

- **Nguồn vốn phát hành:** Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xác định tại ngày 31/12/2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh:** Số lượng cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

  Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 615 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền 20:1, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là 30,75 cổ phiếu mới (= 615 x (1/20)). Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu cổ đông A được nhận thêm là 30 cổ phiếu. Phần lẻ 0,75 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Dự kiến từ Quý III/2026, sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và sau khi nhận được văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.
- **Đăng ký chứng khoán bổ sung và thay đổi đăng ký giao dịch đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm:** ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định và thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và thay đổi đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định pháp luật.
- **Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty tại mục Vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.

II. CÁC VẤN ĐỀ ỦY QUYỀN:

Để thuận tiện trong quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ trên, kính trình ĐHĐCĐ giao HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định thời gian cụ thể phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần).
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
- Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành theo phương án nêu trên;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về vốn điều lệ tại Điều lệ Công ty; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (iii) Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký của Công ty tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu được đăng ký giao dịch tương ứng với số lượng cổ phiếu được phát hành thêm theo Phương án nêu trên phù hợp quy định pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật để xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận cơ chế giao cho Hội đồng Quản trị quyết định hoạt động đầu tư, bán tài sản

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**Tổng Công ty**" hoặc "**CC1**");*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1.*

Hội đồng Quản trị ("***HĐQT***") CC1 kính trình Đại hội đồng Cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") xem xét thông qua việc giao cho HĐQT quyết định, chấp thuận các giá trị đầu tư, bán tài sản lớn với các nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do và sự cần thiết:

Theo quy định pháp luật và Điều lệ CC1 hiện hành, ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các dự án đầu tư mà CC1 có đủ năng lực tham gia thường có quy mô vốn rất lớn và yêu cầu tiến độ ra quyết định nhanh chóng để nắm bắt cơ hội đấu thầu, đàm phán. Do vậy, để tăng tính chủ động, HĐQT trình ĐHĐCĐ chấp thuận giao cho HĐQT được quyền phê duyệt các hoạt động đầu tư có giá trị vượt ngưỡng tài sản nêu trên.

2. Nội dung trình phê duyệt:

Để đảm bảo tính linh hoạt và tối ưu hóa cơ hội kinh doanh, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua nội dung giao cho HĐQT được quyền quyết định, phê

duyệt các gói đầu tư và bán số tài sản của Tổng Công ty có **giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, cụ thể:

2.1. Quyết định việc đầu tư theo các hình thức:

a. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.

b. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.

c. Thực hiện dự án đầu tư (bao gồm ***(i)*** các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông và hạ tầng năng lượng, và ***(ii)*** các hình thức thực hiện dự án đầu tư khác).

d. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

e. Các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới theo quy định của Chính phủ.

2.2. Quyết định việc bán số tài sản của Tổng Công ty, bao gồm chuyển nhượng dự án đầu tư; chuyển quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng dự án; bán các tài sản cố định; chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp tại các doanh nghiệp; chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản vô hình; các hoạt động bán, chuyển nhượng tài sản khác theo hình thức phù hợp quy định pháp luật.

Trong đó, đối tượng của các quyết định giao dịch đầu tư, bán tài sản nêu trên là các khách hàng, đối tác, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thời hạn thực hiện được xác định theo các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản có liên quan được ký kết giữa CC1 và các đối tượng này.

HĐQT có trách nhiệm đảm bảo các quyết định đầu tư, bán số tài sản phù hợp chiến lược phát triển của Tổng Công ty, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và Điều lệ và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên tiếp theo về các nội dung đã thực hiện.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1- CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**CC1**");*
- *Căn cứ vào thực tế hoạt động kinh doanh của CC1.*

Hội đồng Quản trị ("***HĐQT***") CC1 kính trình Đại hội đồng Cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Điều lệ của CC1** dựa trên quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản được sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết các điều khoản của Điều lệ được trình bày tại *(i)* **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP** và *(ii)* **Dự thảo toàn văn Điều lệ** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

DỰ THẢO

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số ...../TTr-HĐQT ngày tháng năm của Hội đồng Quản trị CC1)

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td colspan="4">Sửa đổi định dạng số thứ tự tại các điều khoản</td></tr>
<tr><td>1.</td><td>Định dạng số thứ tự tại các điều khoản chưa thống nhất tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty</td><td>Sửa đổi định dạng số thứ tự tại các điều khoản tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty</td><td>Đảm bảo sự thống nhất về định dạng số thứ tự tại các điều khoản tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty. Việc sửa định dạng không làm thay đổi nội dung và các tham chiếu Điều/Khoản/Điểm đã được rà soát đồng bộ.</td></tr>
<tr><td colspan="4">Sửa đổi thông tin chi tiết ngành, nghề kinh doanh tại Điều 4</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td></td><td><table><tr><td>Bán buôn tổng hợp
(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</td><td>4690</td></tr></table></td><td><table><tr><td>Bán buôn tổng hợp
Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).</td><td>4690</td></tr></table></td><td></td></tr>
<tr><td>3.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được</td><td>4649</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được</td><td>4649</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td></td><td><table><tr><td>thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</td><td></td></tr></table></td><td><table><tr><td>phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).</td><td></td></tr></table></td><td></td></tr>
<tr><td>4.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</td><td>4641</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).</td><td>4641</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td>5.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa
(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</td><td>4610</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621)</td><td>4610</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Sản xuất than cốc</td><td>1910</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Sản xuất than cốc (không hoạt động tại trụ sở)</td><td>1910</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>7.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu</td><td>2399</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)</td><td>2399</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td>8.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.</td><td>5022</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7222).</td><td>5022</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td>9.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td></td><td><table><tr><td>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác (trừ cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay).</td><td>5210</td></tr></table></td><td><table><tr><td>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (CPC 742)</td><td>5210</td></tr></table></td><td></td></tr>
<tr><td>10.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Bốc xếp hàng hóa
Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng sông, bốc xếp hàng hóa cảng biển, bốc xếp hàng hóa ga đường sắt.</td><td>5224</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Bốc xếp hàng hóa
Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ công- ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411).</td><td>5224</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td>11.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</td><td>5610</td></tr></table></td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</td><td>5610</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td></td><td><table><tr><td>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).</td><td></td></tr></table></td><td><table><tr><td>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643).</td><td></td></tr></table></td><td></td></tr>
<tr><td>12.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><td>Tên ngành, nghề kinh doanh</td><td>Mã ngành</td></tr><tr><td>Dịch vụ ăn uống khác
(Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).</td><td>5629</td></tr></table></td><td>Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><td>Tên ngành, nghề kinh doanh</td><td>Mã ngành</td></tr><tr><td>Dịch vụ ăn uống khác
Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643).</td><td>5629</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td>13.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><td>Tên ngành, nghề kinh doanh</td><td>Mã ngành</td></tr><tr><td>Dịch vụ phục vụ đồ uống
Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).</td><td>5630</td></tr></table></td><td>Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><td>Tên ngành, nghề kinh doanh</td><td>Mã ngành</td></tr><tr><td>Dịch vụ phục vụ đồ uống
Chi tiết: Dịch vụ cung cấp đồ uống (CPC 643).</td><td>5630</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều lệ hiện hành</th><th>Dự thảo sửa đổi bổ sung</th><th>Diễn giải việc sửa đổi bổ sung</th></tr>
<tr><td>14.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
(Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không)</td><td>5621</td></tr></table></td><td>Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643).</td><td>5621</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td>15.</td><td>[Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (CPC 892)</td><td>7740</td></tr></table></td><td>Điểm a, Khoản 1, Điều 4]<table><tr><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (CPC 892)</td><td>7740</td></tr></table></td><td>Cập nhật để đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</td></tr>
<tr><td colspan="4">Sửa đổi nội dung về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại Khoản 4, Điều 29</td></tr>
<tr><td>16.</td><td>[Khoản 4, Điều 29]
Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy Ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý</td><td>[Khoản 4, Điều 29
Hội đồng Quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát <s>của Ủy Ban kiểm toán hoặc</s> của cổ đông không nắm</td><td>Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</td></tr>
</table>

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây […]	giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây […]	
Sửa đổi, bổ sung nội dung về thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều 33			
17.	**[Khoản 4, Điều 33]** Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.	**[Khoản 4, Điều 33]** Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu **02 (hai)** thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Theo quy định pháp luật: "*Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*". Do Công ty hoạt động theo mô hình có Ủy ban kiểm toán nên cần có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
18.	**[Khoản 8, Điều 33]** Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại tối đa 05 (năm) Công ty khác.	**[Khoản 8, Điều 33]** Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị **hoặc Hội đồng thành viên** tại tối đa 05 (năm) Công ty khác.	Bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị tại Điều 34			
19.	**[Điểm h, Khoản 2, Điều 34]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm (d) khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	**[Điểm h, Khoản 2, Điều 34]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác **(trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp)** có giá trị từ **35% (ba mươi lăm phần trăm)** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm (d) khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ**; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc, được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
20.	**0**	**[Điểm i, Khoản 2, Điều 34]** **Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
	[Điểm i, Khoản 2, Điều 34] Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản	**[Điểm j, Khoản 2, Điều 34]** Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác **(trừ hoạt động xây lắp)** của Công ty có giá trị từ **35% (ba mươi lăm phần trăm)** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ;** trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình	Thay đổi thứ tự điều khoản Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	
21.	**0**	**[Điểm k, Khoản 2, Điều 34]** **Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
	[Điểm j, Khoản 2, Điều 34] Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ	**[Điểm l, Khoản 2, Điều 34]** Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công	Thay đổi thứ tự điều khoản Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ**; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.
22.	**0**	**[Điểm cc, Khoản 2, Điều 34]** **Thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị**.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong việc thành lập ủy ban, ban, tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị
23.	**[Điểm aa, Khoản 2, Điều 34]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.	**[Điểm dd, Khoản 2, Điều 34]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật **hiện hành có liên quan**, Điều lệ **và các quy chế nội bộ của** Công ty.	Thay đổi thứ tự điều khoản Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
24.	Quyền hạn và nghĩa vụ khác của Hội đồng Quản trị quy định tại các Điểm k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z của Khoản 2, Điều 34.	Sửa đổi thứ tự tương ứng thành m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z, aa, bb của Khoản 2, Điều 34.	Điều chỉnh kỹ thuật về thứ tự các điểm do bổ sung nội dung mới.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Khoản 2 Điều 36			
25.	**[Điểm g, Khoản 2, Điều 36]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	**[Điểm g, Khoản 2, Điều 36]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định **của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.**	Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng
Sửa đổi, bổ sung nội dung về quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc tại Điều 45			
26.	**[Điểm i, Khoản 4, Điều 45]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của	**[Điểm i, Khoản 4, Điều 45]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác **(trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật)** có giá trị dưới **35% (ba mươi lăm** phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với **những đối tượng là Người có liên quan mà**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	**thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	
27.	**[Điểm j, Khoản 3, Điều 45]** Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	**[Điểm j, Khoản 3, Điều 45]** Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác **(trừ các công việc trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật)** của Công ty có giá trị dưới **35% (ba mươi lăm** phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng **là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
28.	**[Điểm k, Khoản 3, Điều 45]**	**[Điểm k, khoản 3, Điều 45]**	Điều chỉnh để ghi nhận toàn diện, tổng quát các trường hợp theo quy định pháp luật Tổng Giám đốc

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng **là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	không được quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
29.	**[Điểm l, Khoản 3, Điều 45]** Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của	**[Điểm l, Khoản 3, Điều 45]** Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng **là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp**	Điều chỉnh để ghi nhận toàn diện, tổng quát các trường hợp theo quy định pháp luật Tổng Giám đốc không được quyền quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	**luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
30.	**[Điểm m, Khoản 3, Điều 45]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.	**[Điểm m, Khoản 3, Điều 45]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật **hiện hành có liên quan**, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị **và các quy chế nội bộ của Công ty**.	Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.
31.	**0**	**[Khoản 6, Điều 45]** **Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.**	Bổ sung để ghi nhận quy định về việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc
Bổ sung nội dung về bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật tại Điều 46			
32.	**0**	**[Điều 46]** **Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật**	Bổ sung để ghi nhận việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
33.	**0**	**[Khoản 1, Điều 46]** **Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 Điều lệ này**	Bổ sung để ghi nhận việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.
34.	**0**	**[Khoản 2, Điều 46]** **Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.
35.	**0**	**[Điểm a, Khoản 2, Điều 46]** **Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị mà có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật trong việc thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
36.	**0**	**[Điểm b, Khoản 2, Điều 46]** **Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị mà có giá trị dưới 15% (Mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật trong việc quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị.
37.	**0**	**[Điểm c, Khoản 2, Điều 46]** **Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.
38.	**0**	**[Điểm d, Khoản 2, Điều 46]**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.	Người đại diện theo pháp luật trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
39.	**0**	**[Khoản 3, Điều 46]** **Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.**	Bổ sung để ghi nhận trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động chuyên môn xây lắp của Công ty của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.
40.	**0**	**[Khoản 4, Điều 46]** **Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền**	Bổ sung để ghi nhận quy định về việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật mới thay thế.	
41.	**[Điều 46]** Thư ký Công ty […]	**[Điều 47]** **Thư ký Công ty** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
42.	**[Điều 47]** Người phụ trách quản trị Công ty […]	**[Điều 48]** **Người phụ trách quản trị Công ty** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
43.	**[Điều 48]** Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc […]	**[Điều 49]** **Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
44.	**[Điều 49]** Trách nhiệm cẩn trọng […]	**[Điều 50]** **Trách nhiệm cẩn trọng** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
45.	**[Điều 50]**	**[Điều 51]**	Thay đổi thứ tự điều khoản

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi […]	**Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** **[…]**	
46.	**[Điều 51]** Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường […]	**[Điều 52]** **Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
47.	**[Điều 52]** Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ […]	**[Điều 53]** **Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
48.	**[Điều 53]** Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ […]	**[Điều 54]** **Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
49.	**[Điều 54]** Trả Cổ tức […]	**[Điều 55]** **Trả Cổ tức** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
50.	**[Điều 55]** Tài khoản ngân hàng	**[Điều 56]** **Tài khoản ngân hàng**	Thay đổi thứ tự điều khoản

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	[…]	**[…]**	
51.	**[Điều 56]** Năm tài chính […]	**[Điều 57]** **Năm tài chính** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
52.	**[Điều 57]** Chế độ kế toán […]	**[Điều 58]** **Chế độ kế toán** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
53.	**[Điều 58]** Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý […]	**[Điều 59]** **Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
54.	**[Điều 59]** Báo cáo thường niên […]	**[Điều 60]** **Báo cáo thường niên** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
55.	**[Điều 60]** Kiểm toán […]	**[Điều 61]** **Kiểm toán** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
56.	**[Điều 61]**	**[Điều 62]**	Thay đổi thứ tự điều khoản

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Con dấu […]	**Con dấu** **[…]**	
57.	**[Điều 62]** Giải thể Công ty […]	**[Điều 63]** **Giải thể Công ty** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
58.	**[Điều 63]** Giải quyết tranh chấp nội bộ […]	**[Điều 64]** **Giải quyết tranh chấp nội bộ** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
59.	**[Điều 64]** Bổ sung và sửa đổi Điều lệ […]	**[Điều 65]** **Bổ sung và sửa đổi Điều lệ** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
60.	**[Điều 65]** Ngày hiệu lực […]	**[Điều 66]** **Ngày hiệu lực** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4
Chương I 4
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 4
Chương II 5
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 6
Chương III 7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 17
Chương IV 17
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 17
Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần 17
Điều 7. Cổ phiếu 18
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông 18
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác 19
Điều 10. Chào bán cổ phần 19
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần 19
Điều 12. Thu hồi cổ phần 20
Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu; mua cổ phần, trái phiếu 20
Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 20
Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 21
Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 21
Điều 17. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại 22
Chương V 22
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 22
Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát 22
Chương VI 22
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 22
Điều 19. Quyền của cổ đông 22
Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông 24
Điều 21. Đại hội đồng Cổ đông ..... **Error! Bookmark not defined.**
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông 26
Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông 27
Điều 24. Thay đổi các quyền 28
Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông 29
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 30
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông 30
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua 33
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 34
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông 37
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 38
Chương VII 38

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... **Error! Bookmark not defined.**
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị 38
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị 39
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 40
Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 42
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 43
Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị 44
Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 45
Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán 46
Điều 40. Thành phần Ủy ban Kiểm toán 46
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán 47
Điều 42. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán 47
Chương VIII 48
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 48
Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý 48
Điều 44. Mức lương, tiền thù lao của Người quản lý Công ty 48
Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 48
Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc .. 50
Điều 47. Thư ký Công ty 51
Điều 48. Người phụ trách quản trị Công ty 51
Điều 49. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ... 52
Chương IX 52
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CÔNG TY 52
Điều 50. Trách nhiệm cẩn trọng 52
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 52
Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 53
Chương X 53
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 53
Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 53
Chương XI 54
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 54
Điều 54. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ 54
Điều 55. Trả Cổ tức 54
Chương XII 55
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 55
Điều 56. Tài khoản ngân hàng 55
Điều 57. Năm tài chính 55
Điều 58. Chế độ kế toán 56
Chương XIII 56
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 56
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 56
Điều 60. Báo cáo thường niên 56
Chương XIV 56
KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY 56
Điều 61. Kiểm toán 56
Chương XV 57
CON DẤU 57
Điều 62. Con dấu 57
Chương XVI 57

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG 57
Điều 63. Giải thể Công ty 57
Chương XVII 58
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 58
Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ 58
Chương XVIII 58
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 58
Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 58
Chương XIX 59
NGÀY HIỆU LỰC 59
Điều 66. Ngày hiệu lực 59

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**Công ty**"), một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP số ...../NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày .... tháng ..... năm .....

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. "**Công ty**" là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.
   b. "**Người quản lý**" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
   c. "**Người điều hành**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành khác do Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
   d. "**Công ty con**" là doanh nghiệp mà trong đó Công ty:
      (i). Sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó; hoặc
      (ii). Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc
      (iii). Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.
   e. "**Cổ phần**" là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
   f. "**Vốn điều lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
   g. "**Cổ đông**" là các cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
   h. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
   i. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
   j. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

k. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

l. "**Người đại diện phần vốn**" là người được Hội đồng Quản trị ủy quyền đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, thay mặt Công ty thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tại doanh nghiệp khác theo Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.

m. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và/hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

n. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.

o. "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

p. "**Sở giao dịch chứng khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

q. "**Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**" là quy chế được Công ty công bố công khai áp dụng cho chung cho quản trị nội bộ của Công ty và được Hội đồng Quản trị xây dựng, ban hành trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty là tên được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty và có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tên Công ty hiện tại như sau:

   a. Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

   b. Tên tiếng Anh: Construction Corporation No 1 Joint Stock Company

   c. Tên viết tắt: CC1

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
   a. Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
   b. Điện thoại: (84.28) 38.222.059
   c. Fax: (84.28) 38.290.500
   d. E-mail: info@cc1.vn
   e. Website: www.cc1.vn

   Thông tin liên hệ của Công ty như: số điện thoại, số fax, email, website như thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty và những thông tin này có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập trừ trường hợp giải thể theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có tối đa năm (05) Người đại diện theo pháp luật gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Số lượng Người đại diện theo pháp luật sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm và được thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật
   a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các giao dịch, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị của Công ty và các giao dịch, vấn đề khác theo phân công của Hội đồng Quản trị (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc).
   b. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ của người đại diện pháp luật của Công ty trong các hoạt động của Công ty, các giao dịch, vấn đề của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các Phó tổng giám đốc).
   c. Các Phó Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ của Người đại diện pháp luật của Công ty trong các công việc, hoạt động của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc).

Chương III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
   a. Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và có thể thay đổi, bổ sung theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Hiện nay, ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Kinh doanh bất động sản (Trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
4	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2392
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định	4679

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP. HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP. HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
7	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
9	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo.	7310
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
11	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
12	Phá dỡ (Trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4390
14	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6829
15	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường bộ	
17	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình thủy điện, trạm biến áp, đường dây, mạng lưới truyền tải điện, phân phối điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây lắp, xây dựng đường ống và hệ thống thủy lợi, hồ chứa; Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải	4222
19	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình	4223
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình thủy (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4291
22	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp (loại trừ công trình nhà)	4293
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp	4299 (Chính)
25	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	3511
26	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
27	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
28	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng các loại nhà không để ở như: bưu điện, trường học, bệnh viện, nhà làm việc, Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại, Khu thể thao trong nhà, Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm; Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng	4102
29	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở; Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại	4101
30	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không hoạt động tại trụ sở)	2391
31	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2394
32	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
34	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37	Dịch vụ vệ sinh khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hỏa lỏng khí để vận chuyển đường)	5225
39	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dụng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).	
40	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41	Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến, thu nhặt lâm sản trừ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bẫy động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0230
42	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản sản phẩm khác từ gỗ (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải, chế biến gỗ tại trụ sở).	1629
43	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
44	Sản xuất đồ gỗ xây dựng. (Không hoạt động tại trụ sở).	1622
45	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1610

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
46	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	1079
47	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
48	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản, lâm sản, cây dược liệu (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4620
49	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy, hải sản các loại; thực phẩm đông lạnh. Bán buôn rau, củ, quả các loại; bán buôn thực phẩm các loại; Bán buôn hàng công nghệ phẩm, chè, cà phê, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4632
50	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Đóng gói bảo quản dược liệu. Đóng gói và bảo quản thủy hải sản. Đóng gói và bảo quản rau, hoa, quả tươi, khô, đóng gói và bảo quản thực phẩm chức năng (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
51	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4671
52	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672
53	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không	4690

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	
54	Bán lẻ tổng hợp khác	4719
55	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
56	Sản xuất sắt, thép, gang (Không sản xuất tại trụ sở).	2410
57	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0810
58	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4649
59	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4641
60	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621)	4610
61	Khai thác và thu gom than cứng	0510

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	
62	Khai thác và thu gom than non Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0520
63	Khai thác và thu gom than bùn Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0892
64	Sản xuất than cốc (không hoạt động tại trụ sở)	1910
65	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)	4773
66	Bán lẻ lương thực	4721
67	Bán lẻ thực phẩm	4722
68	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	2399
69	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7222).	5022
70	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (CPC 742)	5210
71	Bốc xếp hàng hóa	5224

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ công- ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411).	
72	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643).	5610
73	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643).	5629
74	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ cung cấp đồ uống (CPC 643).	5630
75	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643).	5621
76	Bán lẻ đồ uống	4723
77	Bán lẻ nhiên liệu động cơ	4730
78	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
79	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
80	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662
81	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782
82	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
83	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663
84	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4783

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
85	Lập trình máy tính khác	6219
86	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
87	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác.	6290
88	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
89	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
90	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7822
91	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
92	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (CPC 892)	7740
93	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, vật tư, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác	4659
94	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
95	Khai thác gỗ	0220

b. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm, được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu tối đa lợi nhuận, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, tạo ra việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, cộng đồng và phát triển doanh nghiệp.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp, Công ty kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện hay hạn chế kinh doanh, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh hoặc các điều kiện hạn chế theo quy định của pháp luật về Đầu tư và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Chương IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **4.746.561.000.000 đồng** (*Bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu tỷ, năm trăm sáu mươi mốt triệu đồng)*.

   Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành **474.656.100 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Việc thay đổi vốn Điều lệ phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi (bao gồm: cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền và các loại chứng khoán khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn Điều lệ thì cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp theo quy định của pháp luật để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% (bốn mươi chín phần trăm) vốn Điều lệ. Căn cứ vào thời điểm sở hữu nước ngoài tại Công ty, Công ty điều chỉnh ngành nghề phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, cổ đông có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
   a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
   b. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán.
   c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp.
   d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
   e. Số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Công ty tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:
   a. Cổ phần bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
   b. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (nếu có). Cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, Công ty sẽ công nhận người thuộc trường hợp sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
   a. Người có giấy tờ xác nhận quyền thừa kế theo quy định của pháp luật và đang nắm giữ số cổ phiếu của người đã mất.
   b. Người thừa kế hợp pháp phải đăng ký chủ sở hữu đối với cổ phần được thừa kế tại Công ty và trở thành cổ đông mới của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế, trừ quyền thừa kế làm Người quản

lý, Người điều hành của Công ty.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
2. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh kể từ ngày đăng ký mua cho đến ngày bị thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
4. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại khoản 1 Điều này không được thực hiện.
5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu; mua cổ phần, trái phiếu

Các quy định về phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu; mua cổ phần, trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại tối đa 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.
3. Công ty có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần hiện có của từng cổ đông. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.
4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn được nêu ra trong quyết định mua lại cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 17. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương V
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.
4. Tổng Giám đốc.

Công ty đảm bảo số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị tối thiểu đáp ứng quy định của pháp luật.

Chương VI
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty *(giá trị tính trên mệnh giá thị trường của các cổ phần mà từng cổ đông nắm giữ)*.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
   c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều

lệ này và pháp luật hiện hành.

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, huỷ bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 115 Luật Doanh nghiệp; đề nghị Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra sẽ do Ủy ban Kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo Hội đồng Quản trị.

d. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị.

Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
   b. Uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (email).
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật thay đổi trong quá trình nắm giữ cổ phần. Trường hợp cổ đông cung cấp sai địa chỉ thì sẽ phải chịu mọi thiệt hại có từ hoặc liên quan đến việc cung cấp sai địa chỉ.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
10. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông ngoài nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại điều này và theo quy định của pháp luật, còn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
    a. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
    b. Có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường.

2. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

   Tùy vào tình hình thực tế, Đại hội đồng Cổ đông có thể được tổ chức họp hoặc lấy ý kiến để thông qua nghị quyết theo các hình thức: họp trực tiếp, bỏ phiếu trực tiếp; họp trực tuyến, bỏ phiếu trực tuyến; họp bán trực tiếp, bán trực tuyến; lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông họp và bỏ phiếu trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy định của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

   a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

   b. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định luật pháp.

   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông liên quan.

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường:

   a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 360 (ba trăm sáu mươi) ngày theo quy định tại điểm b khoản 4, Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.

   b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm (a) khoản 5 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp

theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền, nghĩa vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.
   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
   f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
   g. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
   h. Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.
   k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
   l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thầy cần thiết.
   m. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán.
   n. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
   o. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.
   p. Quyết định số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.
   q. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

s. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

t. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.

u. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định.

v. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.

w. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông

x. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.

y. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.

z. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

aa. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình *(i)* có Ban kiểm soát hoặc *(ii)* có Ủy ban Kiểm toán hoặc *(iii)* mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

bb. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

cc. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.

dd. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự *(tham khảo mẫu giấy ủy quyền của Công ty)*, phải nêu rõ cổ đông uỷ quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền,

số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung uỷ quyền, phạm vi uỷ quyền, thời hạn uỷ quyền và phải có chữ ký của bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền.

3. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
4. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
   a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
   b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền.
   c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết, quyết định Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
   a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội và danh sách được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
   b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
   c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
   d. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.
   e. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội.
   f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
   g. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
   c. Phiếu biểu quyết;
   d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
   e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ

đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:
   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này.
   b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.
   c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình và nội dung cuộc họp, bao gồm các kiến nghị được nêu tại khoản 4 Điều này; trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận tại cuộc họp.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Số cổ đông dự họp được xác định trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu quá 60 (sáu mươi) phút mà không đủ số lượng cổ đông tham dự theo Khoản 1, 2 điều này thì cuộc họp bị hủy. Cuộc họp có thể bắt đầu ngay khi có đủ số lượng cổ đông tham dự theo quy định tại Khoản 1, 2 điều này mà không phải trì hoãn để đợi thêm các cổ đông khác chưa có mặt.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị thuộc Ủy ban Kiểm toán hoặc một trong các Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d. Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông.

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên

và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền sau đây:
   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
11. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền không tuân thủ những quy định nêu trên thì Chủ tọa sau khi xem xét cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông, người đại diện nêu trên không được tiếp tục tham gia cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua

Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình *(i)* có Ban kiểm soát hoặc *(ii)* có Ủy ban Kiểm toán hoặc *(iii)* mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
   f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu cử tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên cùng có số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số những ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí được quy định tại quy chế bầu cử.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị

quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Công ty.

8. Các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau:
   a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.
   b. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
   c. Định hướng phát triển Công ty.
   d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
   e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
   f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
   g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh
   h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban Kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
   i. Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty.
   j. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
   k. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
   l. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
   m. Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
   n. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
   o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.

p. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

q. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

r. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.

s. Quyết định số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.

t. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

u. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

u. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán.

v. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định.

w. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.

x. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.

y. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.

z. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.

aa. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

bb. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

cc. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.

dd. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
   b. Mục đích lấy ý kiến.
   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
   f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
   e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
8. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông.

   c. Chương trình và nội dung cuộc họp.

   d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký.

   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

   i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

   Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 28 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
   b. Trình độ chuyên môn.
   c. Quá trình công tác.
   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác).
   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
   f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
   g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tỷ lệ cụ thể và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được đề cử tương ứng được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong Hội đồng Quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
7. Trong trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị khác tạm thời phụ trách công việc của thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách trong thời gian đợi Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới phải được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) Công ty khác.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp và Điều lệ này quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.
   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
   d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
   e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
   f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
   g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
   h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp) có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm (d) khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc, được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
   i. Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

j. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác (trừ hoạt động xây lắp) của Công ty có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

k. Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

n. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

q. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng Cổ đông.

r. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.

s. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Quyết định ban

hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

t. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; vv...) theo phương án được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết.

v. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.

w. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.

x. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

y. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.

z. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này.

aa. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

bb. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng Quản trị thông qua.

cc. Thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị.

dd. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.

Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị .
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị.
   f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị.
   g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang

chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác của Công ty.
   b. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị.
   c. Có đề nghị của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
8. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
12. Hội đồng Quản trị có thể lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và qua thư điện tử email theo các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
   b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
   c. Thời gian, địa điểm họp.
   d. Họ, tên từng thành viên tham dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi Biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là Người điều hành của Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị

Điều 40. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 42. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày.
2. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Mức lương, tiền thù lao của Người quản lý Công ty

1. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định; hợp đồng lao động với những Người quản lý khác của Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Những người quản lý khác của Công ty do Tổng Giám đốc quyết định.
3. Tiền lương của Người quản lý Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
   b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
   c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
   d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
   e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
   f. Tuyển dụng lao động.

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

h. Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.

i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật) có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

j. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác (trừ các công việc trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật) của Công ty có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

l. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

n. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
6. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 Điều lệ này.
2. Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a. Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị mà có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
   b. Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị mà có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
   c. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.
   d. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
3. Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
4. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật mới thay thế.

Điều 47. Thư ký Công ty

Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
2. Tham dự các cuộc họp.
3. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
4. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
5. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 48. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
   g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
   h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
   j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
   a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.
   b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao.
   c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh tài sản khác của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

Chương IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 50. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này phải tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác của Công ty, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Chương X
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
   a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ

sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên Website của Công ty.
5. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

Chương XI
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ

1. Hết năm tài chính và khi sản xuất kinh doanh có lãi, trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông, Công ty trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ như sau:
   a. Quỹ đầu tư phát triển.
   b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

   Tỷ lệ phần trăm trích lập các loại quỹ trên theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hàng năm.
2. Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông:
   a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo.
   b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Trả Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
   a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
   b. Đã trích lập các quỹ khác và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
   c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, thanh toán qua tài khoản của cổ đông tại Ngân hàng hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện theo phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông phải chịu các chi phí có nếu có rủi ro phát sinh.
3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
4. Theo chấp thuận của các Cổ Đông tại Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.
5. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật

Chương XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 57. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo 06 (sáu) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XIV

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên chỉ định 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XV
CON DẤU

Điều 62. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Công ty.
3. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Chương XVI
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 63. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a. Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông
   b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
   c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Chương XVII
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
   a. Cổ đông với Công ty.
   b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác của Công ty.

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền.

Chương XVIII
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XIX
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 19 Chương, 65 Điều đã được Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Đại diện theo pháp luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**CC1**");*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1*

Hội đồng Quản trị ("***HĐQT***") CC1 kính trình Đại hội đồng Cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** dựa trên quy định của Điều lệ CC1 và quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được trình bày tại *(i)* **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** và *(ii)* **Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

DỰ THẢO

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số ……/TTr-HĐQT ngày tháng năm … của Hội đồng Quản trị CC1)

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi định dạng số thứ tự tại các điều khoản			
1.	Định dạng số thứ tự tại các điều khoản chưa thống nhất tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty	Sửa đổi định dạng số thứ tự tại các điều khoản tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty	Đảm bảo sự thống nhất về định dạng số thứ tự tại các điều khoản tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty. Việc sửa định dạng không làm thay đổi nội dung và các tham chiếu Điều/Khoản/Điểm đã được rà soát đồng bộ.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi một số nội dung về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại Khoản 6 Điều 7			
2.	**[Khoản 6, Điều 7]** Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy Ban kiểm toán hoặc cổ đông không giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: […]	**[Khoản 6, Điều 7]** Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát ~~**của Ủy ban Kiểm toán hoặc**~~ của cổ đông không giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: […]	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị tại Điều 11			
3.	**[Điểm h, Khoản 1, Điều 11]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	**[Điểm h, Khoản 1, Điều 11]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác **(trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp)** có giá trị từ **35% (ba mươi lăm phần trăm)** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ**; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc, được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	
4.	**0**	**[Điểm i, Khoản 1, Điều 11]** **Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
5.	**[Điểm i, Khoản 1, Điều 11]** Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản	**[Điểm j, Khoản 1, Điều 11]** Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác **(trừ hoạt động xây lắp)** của Công ty có giá trị từ **35% (ba mươi lăm phần trăm)** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều**	Thay đổi thứ tự điều khoản Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	**lệ;** trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	
6.	**0**	**[Điểm k, Khoản 1, Điều 11]** **Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
7.	**[Điểm j, Khoản 1, Điều 11]** Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Cộng ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh	**[Điểm l, Khoản 1, Điều 11]** Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ**; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình	Thay đổi thứ tự điều khoản Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	
8.	**0**	**[Điểm cc, Khoản 1, Điều 11]** **Thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị.**	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong việc thành lập ủy ban, ban, tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị.
9.	**[Điểm bb, Khoản 1, Điều 11]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ.	**[Điểm dd, Khoản 1, Điều 11]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật **hiện hành có liên quan**, Điều lệ **và các quy chế nội bộ của** Công ty.	Thay đổi thứ tự điều khoản Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.
10.	Quyền hạn và nghĩa vụ khác của Hội đồng Quản trị quy định tại các Điểm k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z của Khoản 1, Điều 11.	Sửa đổi thứ tự tương ứng thành m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z, aa, bb của Khoản 1, Điều 11.	Điều chỉnh kỹ thuật về thứ tự các điểm do bổ sung nội dung mới.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị tại Điểm b, Khoản 2, Điều 12			
11.	**[Điểm b, Khoản 2, Điều 12]** Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh	**[Điểm b, Khoản 2, Điều 12]** Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải **tối thiểu là 02 (hai)** thành viên Hội đồng Quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Theo quy định pháp luật: "*Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội*

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị		*đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*". Do Công ty hoạt động theo mô hình có Ủy ban Kiểm toán nên cần có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Khoản 2 Điều 13			
12.	**[Khoản 2, Điều 13]** Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	**[Khoản 2, Điều 13]** Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác **theo** quy định **của pháp luật hiện hành có liên quan,** Điều lệ **và các quy chế nội bộ của** Công ty.	Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về cơ quan thuộc Hội đồng Quản trị tại Điều 15			
13.	**[Điều 15]** Các Ban/tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	**[Điều 15]** Các **Ủy ban**/Ban/tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	Bổ sung để ghi nhận đầy đủ các cơ quan trực thuộc Hội đồng Quản trị
14.	**[Khoản 1, Điều 15]** Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.	**[Khoản 1, Điều 15]** Hội đồng Quản trị có thể thành lập các **ủy ban**, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản	Bổ sung để ghi nhận đầy đủ các cơ quan trực thuộc Hội đồng Quản trị và các chức năng tương ứng

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		lý rủi ro **và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị**.	
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc tại Điều 17			
15.	**[Điểm j, Khoản 4, Điều 17]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	**[Điểm j, Khoản 4, Điều 17]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác **(trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật)** có giá trị dưới **35% (ba mươi lăm** phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với **những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
16.	**[Điểm k, Khoản 4, Điều 17]** Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều	**[Điểm k, Khoản 4, Điều 17]** Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác **(trừ các công việc trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật)** của Công ty có giá trị dưới **35% (ba mươi lăm** phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng **là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	
17.	**[Điểm l, Khoản 4, Điều 17]** Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm	**[Điểm l, Khoản 4, Điều 17]** Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng **là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm	Điều chỉnh để ghi nhận toàn diện, tổng quát các trường hợp theo quy định pháp luật Tổng Giám đốc không được quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
18.	**[Điểm m, Khoản 5, Điều 17]** Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty	**[Điểm m, Khoản 5, Điều 17]** Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty	Điều chỉnh để ghi nhận toàn diện, tổng quát các trường hợp theo quy định pháp luật Tổng Giám đốc không được quyền quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	với những đối tượng **là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành** và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
19.	**0**	**[Điểm n, Khoản 4, Điều 17]** **Báo cáo định kỳ lên Hội đồng Quản trị về kết quả, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề xuất các giải pháp phù hợp.**	Bổ sung để ghi nhận nghĩa vụ Báo cáo định kỳ lên Hội đồng Quản trị về kết quả, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề xuất các giải pháp phù hợp của Tổng Giám Đốc.
20.	**0**	**[Điểm o, Khoản 4, Điều 17]** **Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Tổng Giám Đốc.**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc trong việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Tổng Giám Đốc.
21.	**[Điểm o, Khoản 4, Điều 17]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.	**[Điểm p, Khoản 4, Điều 17]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật **hiện hành có liên quan**, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị **và các quy chế nội bộ của Công ty.**	Thay đổi thứ tự điều khoản Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.
Bổ sung một số nội dung về bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám Đốc là Người đại diện theo pháp luật tại Điều 18			
22.	**0**	**[Điều 18]**	Bổ sung để ghi nhận việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật	của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.
23.	**0**	**[Khoản 1, Điều 18]** **Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.**	Bổ sung để ghi nhận việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật
24.	**0**	**[Khoản 2, Điều 18]** **Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật có những quyền hạn và nghĩa vụ sau**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật
25.	**0**	**[Điểm a, Khoản 2, Điều 18]** **Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị mà có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật trong việc thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị.
26.	**0**	**[Điểm b, Khoản 2, Điều 18]** **Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật trong việc quyết định các công việc

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		trị mà có giá trị dưới 15% (Mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị
27.	**0**	**[Điểm c, Khoản 2, Điều 18]** **Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.
28.	**0**	**[Điểm d, Khoản 2, Điều 18]** **Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.**	Bổ sung để ghi nhận quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
29.	**0**	**[Khoản 3, Điều 18]** **Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.**	Bổ sung để ghi nhận trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động chuyên môn xây lắp của Công ty của Phó Tổng Giám đốc.
30.	**0**	**[Khoản 4, Điều 18]** **Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật mới thay thế**	Bổ sung để ghi nhận quy định về việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật
31.	**[Điều 18]** Người điều hành doanh nghiệp […]	**[Điều 19]** **Người điều hành doanh nghiệp** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
32.	**[Điều 19]** Ủy ban Kiểm toán	**[Điều 20]** **Ủy ban Kiểm toán**	Thay đổi thứ tự điều khoản

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	[…]	**[…]**	
33.	**[Điều 20]** Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán […]	**[Điều 21]** **Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
34.	**[Điều 21]** Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc […]	**[Điều 22]** **Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
35.	**[Điều 22]** Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế […]	**[Điều 23]** **Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
36.	**[Điều 23]** Sửa đổi, bổ sung Quy chế […]	**[Điều 24]** **Sửa đổi, bổ sung Quy chế** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản
37.	**[Điều 24]** Hiệu lực thi hành Quy chế […]	**[Điều 25]** **Hiệu lực thi hành Quy chế** **[…]**	Thay đổi thứ tự điều khoản

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

DỰ THẢO

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày …. tháng …. năm ……

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ – HĐQT ngày .... tháng .... năm ..... của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng....3
Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông....3
Điều 3. Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng Cổ đông....4
Điều 4. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông....7
Điều 5. Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông....8
Điều 6. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông....9
Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông....9
Điều 8. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông....11
Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông....12
Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị....12
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị....13
Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị....16
Điều 13. Chủ tịch Hội đồng Quản trị....16
Điều 14. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị....17
Điều 15. Các Ủy ban/Ban/tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị....19
Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty....19
Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc....20
Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc....21
Điều 19. Người điều hành doanh nghiệp....22
Điều 20. Ủy ban Kiểm toán....**Error! Bookmark not defined.**
Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán....24
Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc....24
Điều 23. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế....25
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế....25
Điều 25. Hiệu lực thi hành Quy chế....25

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP ("**Công ty**") quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền, nghĩa vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
   f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
   g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
   h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.
   k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị.
   l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
   m. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
   n. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.
   o. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán.
   p. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

q. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

s. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

t. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.

u. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định.

v. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.

w. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.

x. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.

y. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.

z. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

aa. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình *(i)* có Ban kiểm soát hoặc *(ii)* có Ủy ban Kiểm toán hoặc *(iii)* mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

bb. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

cc. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.

dd. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 3. Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, bất thường và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

Đại hội đồng Cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Khi số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội.

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.

c. Phiếu biểu quyết.

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này.

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

a. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp phải được gửi trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

d. Số cổ đông dự họp được xác định trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu quá 60 (sáu mươi) phút mà không đủ số lượng cổ đông tham dự theo điểm b, c Khoản này thì cuộc họp bị hủy. Cuộc họp có thể bắt đầu ngay khi có đủ số lượng cổ đông tham dự theo quy định tại Điểm a, b Khoản này mà không phải trì hoãn để đợi thêm các cổ đông khác chưa có mặt.

Điều 4. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị thuộc Ủy ban Kiểm toán hoặc một trong các Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

   Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh

nêu trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

9. Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông.
   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
   c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Chủ tọacó toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
    a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại hội").
    b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

    Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 5. Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Căn cứ vào nội dung, quy mô, thành phần tham dự, điều kiện phương tiện kỹ thuật, công nghệ, người chủ trì cuộc họp quyết định hình thức tổ chức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến nhằm bảo đảm hiệu quả, thuận lợi, tiết kiệm và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến ngoài xã hội.
2. Hình thức họp trực tuyến sẽ được triển khai đối với các cuộc họp có nhiều thành phần tham dự khi có các sự cố về thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hay các sự kiện bất khả kháng khác mà không thể tổ chức họp trực tiếp được hoặc theo quyết định của Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết tổ chức cuộc họp bằng phương thức trực tuyến.
3. Việc họp trực tuyến phải được sắp xếp, tổ chức hiệu quả, đồng bộ giữa các điểm cầu kết nối với nhau nhằm đạt mục đích, yêu cầu của cuộc họp.
4. Phòng họp trực tuyến cần đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của từng cuộc họp cụ thể. Phòng họp tại các điểm cầu tham gia họp trực tuyến phải thống nhất về kích cỡ hình ảnh, màu nền, màu chữ của phông nền.

5. Thiết bị họp trực tuyến gồm các thiết bị giải mã, màn hình hiển thị, camera và micro được tích hợp sẵn để đảm bảo tương thích, ổn định, bảo đảm mọi vị trí trong phòng họp đều có thể phát biểu và nghe rõ âm thanh phát ra từ hệ thống trực truyến.
6. Các phòng ban, bộ phận được giao trách nhiệm lắp đặt, vận hành và quản lý hệ thống họp trực tuyến phải luôn sẵn sàng tổ chức họp theo yêu cầu của người chủ trì cuộc họp.
7. Trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được quy định tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 6. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
   f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
   b. Mục đích lấy ý kiến.
   c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
   f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
   a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
   b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

   Các phiếu lấy ý kiến Công ty gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 8. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông.

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

i. Họ và tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội

dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 28 Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp năm và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm

thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

b. Trình độ chuyên môn.

c. Quá trình công tác.

d. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có).

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% trở lên được để cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp) có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc, được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

i. Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

j. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác (trừ hoạt động xây lắp) của Công ty có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

k. Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Cộng ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động,

quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty khác mà Công ty góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

n. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

o. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.

p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết.

q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng Cổ đông.

r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

s. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

t. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

u. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

v. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.

w. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.

x. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

y. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.

z. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty.

aa. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

bb. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng Quản trị thông qua.

cc. Thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị.

dd. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:
   a. Thành phần Hội đồng Quản trị bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị.
   b. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải tối thiểu là 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.
   c. Trong Hội đồng Quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 13. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 14. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
   b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị.

   Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị
5. Trước đề nghị tổ chức họp Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chù tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

   Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Các Ủy ban/Ban/tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
   d. Tham dự các cuộc họp.

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị.

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
   b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
   c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
   d. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
   e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
   f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
   g. Tuyển dụng lao động.
   h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
   i. Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.
   j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật) có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền

của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

k. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác (trừ các công việc trong hoạt động xây lắp thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật) của Công ty có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

m. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

n. Báo cáo định kỳ lên Hội đồng Quản trị về kết quả, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề xuất các giải pháp phù hợp.

o. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Tổng Giám Đốc.

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

b. Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty theo phân công của Hội đồng Quản trị mà có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng là Người có liên quan mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

c. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

d. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.

3. Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong hoạt động xây lắp của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

4. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật mới thay thế.

Điều 19. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty (nếu có).

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 20. Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán:
   a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
   b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
   c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông;
   d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
   e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt;
   f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
   g. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
   h. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
   i. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
   j. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
   k. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
   l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
   m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
3. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt

động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

4. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Nội dung báo cáo phải có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
4. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty; đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị và không thuộc các trường hợp sau:
   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc. Hội đồng Quản trị có thể tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, hợp tác, liên danh, liên kết, vv… do Tổng Giám đốc chủ trì trước khi trình Hội đồng Quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, Hội đồng Quản trị có kế hoạch làm việc với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, nhằm kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan và thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể sử dụng nguồn lực (các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và/hoặc các chuyên viên) của Công ty để giúp Hội đồng Quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn, tham mưu các vấn đề có liên quan. Việc sử dụng nguồn lực phải thông báo cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ.
3. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 (bốn mươi lăm) ngày.

4. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Ban điều hành cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý trước của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 (hai mươi bốn) giờ.

Điều 23. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định trong Quy chế này.
2. Đơn vị hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Công ty hoặc quy định của pháp luật.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung Quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị xem xét quyết định trong cuộc họp gần nhất.
2. Khi có những thay đổi của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định việc sửa đổi cho phù hợp.

Điều 25. Hiệu lực thi hành Quy chế

1. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.
4. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Hữu Duy Quốc

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Đính kèm Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Phụ lục này quy định về việc tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên/bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (sau đây gọi là "**Công t**y").

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "***Đại biểu***" là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
2. ***"Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến"*** là các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng Cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia thông qua mạng internet để các Đại biểu thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
3. ***"Bỏ phiếu điện tử"*** là việc Đại biểu kết nối Internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
4. "***Hệ thống bỏ phiếu điện tử"*** là hệ thống cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.
5. ***"Yếu tố định danh"*** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
6. ***"Sự kiện bất khả kháng***" là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập Đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.
7. ***"Bầu dồn đều"*** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
8. ***"Bầu ghi số"*** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông

Công ty thực hiện các quy định theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia:
   a. Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
   b. Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Yêu cầu kỹ thuật:

   Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối Internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối Internet, …).
3. Cách thức thực hiện:

   Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 5 Phụ lục này để tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 5. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp cho Đại biểu trong thông báo mời họp (hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng Quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.

Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 5 Phụ lục này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.

Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến

1. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Các cổ đông cần tuân thủ việc cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
3. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
   a. Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
   b. Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
   c. Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.
4. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc Đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
5. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.

Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc tại Đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần, trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
   a. Đại biểu lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không ý kiến" với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

   Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều phiếu hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

   a. Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

   b. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

   c. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.

   d. Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.

2. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công typhải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 10 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

1. Việc ghi biên bản Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
2. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

1. Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
2. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

Điều 15. Thảo luận tại Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:
   a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng Cổ đông.
   b. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
   c. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội.
   d. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
   a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.

b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau bằng văn bản.

Điều 16. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số Đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền Internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan chức năng, người có thẩm quyền khác, ….
2. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

Điều 17. Điều khoản khác

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Phụ lục này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**CC1**");*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của CC1;*
- *Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của CC1.*

Hội đồng Quản trị ("***HĐQT***") CC1 kính trình Đại hội đồng Cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị** CC1 dựa trên quy định của Điều lệ CC1 và quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được trình bày tại *(i)* **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị** và *(ii)* **Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Hữu Duy Quốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

DỰ THẢO

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số ……/TTr-HĐQT ngày tháng năm của Hội đồng Quản trị CC1)

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi định dạng số thứ tự tại các điều khoản			
1.	Định dạng số thứ tự tại các điều khoản chưa thống nhất tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty	Sửa đổi định dạng số thứ tự tại các điều khoản tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty	Đảm bảo sự thống nhất về định dạng số thứ tự tại các điều khoản tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty. Việc sửa định dạng không làm thay đổi nội dung và các tham chiếu Điều/Khoản/Điểm đã được rà soát đồng bộ.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị tại Khoản 1, Điều 4			
2.	**[Điểm h, Khoản 1, Điều 4]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (Mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo	**[Điểm h, Khoản 1, Điều 4]** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác **(trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp)** có giá trị từ **35% (ba**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	**mươi lăm phần trăm)** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh Nghiệp **trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật**. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ**; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc, được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
3.	0	**[Điểm i, Khoản 1, Điều 4]** **Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
4.	**[Điểm i, Khoản 1, Điều 4]**	**[Điểm j, Khoản 1, Điều 4]**	Thay đổi thứ tự điều khoản

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, **thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác (trừ hoạt động xây lắp)** của Công ty có giá trị từ **35% (ba mươi lăm phần trăm)** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ;** trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
5.	0	**[Điểm k, Khoản 1, Điều 4]** **Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.**	Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
6.	**[Điểm j, Khoản 1, Điều 4]**	**[Điểm l, Khoản 1, Điều 4]**	Thay đổi thứ tự điều khoản

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc **theo quy định tại Điều lệ**; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.	Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.
7.	0	**[Điểm cc, Khoản 1, Điều 4]** **Thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị**.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong việc thành lập ủy ban, ban, tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị
8.	**[Điểm aa, Khoản 1, Điều 4]** Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.	**[Điểm dd, Khoản 1, Điều 4]** Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật **hiện hành có liên quan**, Điều lệ **và các quy chế nội bộ của** Công ty.	Thay đổi thứ tự điều khoản Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng.
9.	Quyền hạn và nghĩa vụ khác của Hội đồng Quản trị quy định tại các Điểm k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z của Khoản 1, Điều 4.	Sửa đổi thứ tự tương ứng thành m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z, aa, bb của Khoản 1, Điều 4.	Điều chỉnh kỹ thuật về thứ tự các điểm do bổ sung nội dung mới.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều 8			

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
10.	**[Khoản 1, Điều 8]** Số thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Cơ cấu Hội đồng Quản trị đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành và có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	**[Khoản 1, Điều 8]** Số thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Cơ cấu Hội đồng Quản trị đảm bảo tối thiểu **02 (hai)** thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành và có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành Theo quy định pháp luật: "*Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*". Do Công ty hoạt động theo mô hình có Ủy ban Kiểm toán nên cần có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
11.	**[Điểm c, Khoản 3.1, Điều 8]** Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tối đa 05 Công ty khác.	**[Điểm a.(iii), Khoản 3, Điều 8]** Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị **hoặc Hội đồng thành viên** tối đa 05 Công ty khác.	Thay đổi định dạng số thứ tự như đề cập tại mục 1 Bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành
Sửa đổi, bổ sung nội dung về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Điều 9			
12.	0	**[Điểm g, Khoản 2, Điều 9]** Thay mặt Đại hội đồng Cổ đông ký ban hành các nghị quyết, quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền	Bổ sung để ghi nhận quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc thay mặt Đại hội đồng Cổ đông ký ban hành các nghị quyết, quyết định và văn bản thuộc thẩm

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		Đại hội đồng Cổ đông khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.	quyền Đại hội đồng Cổ đông khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
13.	0	**[Điểm h, Khoản 2, Điều 9]** Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị khi đã được Hội đồng Quản trị thông qua.	Bổ sung để ghi nhận quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị khi đã được Hội đồng Quản trị thông qua.
14.	0	**[Điểm i, Khoản 2, Điều 9]** Tham gia trình, báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định.	Bổ sung để ghi nhận quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc tham gia trình, báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định.
15.	**[Điểm g, Khoản 2, Điều 9]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp	**[Điểm j, Khoản 2, Điều 9]** Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định **<u>của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.</u>**	Thay đổi thứ tự điều khoản Bổ sung để đảm bảo tính liên kết trong hệ thống văn bản của CC1 và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng
Sửa đổi, bổ sung nội dung về cơ quan trực thuộc Hội đồng Quản trị tại Điều 10			
16.	**[Điều 10]** Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị	**[Điều 10]** Các **<u>ủy ban</u>**, ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị	Bổ sung để ghi nhận đầy đủ các cơ quan trực thuộc Hội đồng Quản trị

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
17.	**[Khoản 1, Điều 10]** Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.	**[Khoản 1, Điều 10]** Hội đồng Quản trị có thể thành lập các **ủy ban**, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro **và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị**.	Bổ sung để ghi nhận đầy đủ các cơ quan trực thuộc Hội đồng Quản trị và các chức năng tương ứng

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày tháng năm của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I **3**

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG 3

Điều 1. Những căn cứ pháp lý 3

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3

CHƯƠNG II 3

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 3

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng Quản trị 3

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 3

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 6

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường 7

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị 8

CHƯƠNG III 8

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8

Điều 8. Thành viên Hội đồng Quản trị 8

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 11

Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị 13

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 13

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị 14

Điều 13. Trình báo cáo hàng năm 15

Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng Quản trị.....16

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan 16

CHƯƠNG IV 17

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 17

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị 17

Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc 17

Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán 17

CHƯƠNG V 18

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 18

Điều 19. Hiệu lực thi hành 18

Điều 20. Bổ sung, sửa đổi 18

CHƯƠNG I
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP ("**Công ty**") được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau đây:

1. Các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (*sau đây gọi là "Điều lệ Công ty"*).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Công ty.

CHƯƠNG II
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng Quản trị

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được quy định như sau:

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
2. Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc ban hành "Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị".

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
    a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác (trừ hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp) có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc, được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

i. Thông qua hợp đồng, giao dịch trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

j. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác (trừ hoạt động xây lắp) của Công ty có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

k. Quyết định các công việc trong hoạt động xây lắp của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh

doanh của Công ty, Phó Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ; trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

n. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng Cổ đông.

r. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.

s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

t. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết.

v. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.

w. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.

x. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

y. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.

z. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

aa. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

bb. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng Quản trị thông qua.

cc. Thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị.

dd. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

   a. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.

   b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.

c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
   b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường

   Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 360 (ba trăm sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
   c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
   d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.
   e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
   f. Xác định thời gian và địa điểm họp.
   g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
   h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị

Để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị hoạt động theo những nguyên tắc sau:

1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

   Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Cơ cấu Hội đồng Quản trị đảm bảo tối thiểu 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành và có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị
   a. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.
   b. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị
      (i). Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
      (ii). Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.
   c. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
      (i). Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.

(ii). Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

(iii). Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các công ty khác.

(iv). Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

(v). Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị

a. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i). Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

(ii). Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

(iii). Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên tối đa 05 Công ty khác.

b. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i). Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

(ii). Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;

(iii). Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

(iv). Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

(v). Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

a. Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

(i). Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

(ii). Có đơn từ chức và được chấp thuận.

(iii). Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

(i). Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

(ii). Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

d. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:

(i). Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

(ii). Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

(iii). Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và b Khoản này, Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

(i). Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.

(ii). Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định để làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.

b. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng

số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

d. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

a. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

(i). Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

(ii). Trình độ chuyên môn.

(iii). Quá trình công tác.

(iv). Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác).

(v). Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.

(vi). Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

(vii). Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

b. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng Quản trị; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng Quản trị.

c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

d. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị.

g. Thay mặt Đại hội đồng Cổ đông ký ban hành các nghị quyết, quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

h. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị khi đã được Hội đồng Quản trị thông qua;

i. Tham gia trình, báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định;

j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp.

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị của Công ty.

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

e. Tham dự các cuộc họp.

f. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp.

g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho các thành viên của Hội đồng Quản trị.

h. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các ủy ban, ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban, ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các công việc hỗ trợ khác cho Hội đồng Quản trị.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng Quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị để hỗ trợ cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
   b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng Quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư thì phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian, địa điểm họp.

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi Biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hôi đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với công ty do từ chối ký biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 13. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông các báo cáo sau đây:

   a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

   b. Báo cáo tài chính.

   c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên nếu Điều lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được

thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG IV
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ủy ban Kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra của Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế.
3. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
4. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 20. Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị xem xét trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ...../TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;*
- *Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031 hợp lệ theo quy định.*
- *Căn cứ hồ sơ đề nghị thay đổi ứng viên được đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 của nhóm cổ đông.*

Nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1") sẽ kết thúc theo quy định. Nhằm bảo đảm hoạt động quản trị của CC1 được liên tục, ổn định và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 – 2031 với các nội dung sau:

I. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU HĐQT NHIỆM KỲ 2026 – 2031

1. Số lượng thành viên HĐQT: 05 (năm) thành viên.
2. Cơ cấu HĐQT:

- Bao gồm thành viên HĐQT điều hành và/hoặc thành viên HĐQT không điều hành: 04 thành viên;
- Thành viên HĐQT độc lập: tối thiểu 01 thành viên.

II. DANH SÁCH ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2026 – 2031

Căn cứ kết quả đề cử, ứng cử hợp lệ và hồ sơ ứng viên đã được rà soát theo quy định, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ danh sách ứng viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 – 2031 như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	HÌNH THỨC
1	LÊ BẢO ANH	Tái cử
2	NGUYỄN THÁI PHIÊN	Ứng cử/đề cử
3	NGUYỄN VĂN NGỌC	Tái cử
4	PHAN HỮU DUY QUỐC	Tái cử
5	VÕ QUỐC KHÁNH	Ứng cử/đề cử

(Danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tên họ của ứng viên nhằm bảo đảm tính khách quan, công bằng và minh bạch).

Thông tin chi tiết về các ứng viên, bao gồm sơ yếu lý lịch, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đã được gửi kèm tài liệu Đại hội để cổ đông nghiên cứu trước khi thực hiện quyền biểu quyết.

III. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN

HĐQT đã rà soát hồ sơ và xác định các ứng viên nêu trên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ CC1 và các quy định pháp luật có liên quan; không thuộc các trường hợp bị cấm hoặc không đủ điều kiện đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Đối với ứng viên thành viên HĐQT độc lập, ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031 được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua số lượng và cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2026 – 2031;
2. Thông qua danh sách ứng viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 – 2031;

3. Thực hiện bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 – 2031 theo quy định và Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **LÊ BẢO ANH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 28/03/1981
4. Nơi sinh: Tp. HCM
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/HC:
7. Hộ khẩu thường trú:
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2004 – 08/2005	Công ty 59 – Bộ Quốc phòng	Cán bộ kỹ thuật
08/2005 – 11/2005	Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Cán bộ kỹ thuật Phòng Quản lý Dự án
11/2005 – 03/2007	Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Trợ lý Tổng Giám đốc
03/2007 – 02/2009	Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Phó Trưởng phòng – Phòng Kế hoạch và Đầu tư
03/2009 – 03/2010	Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Trưởng phòng – Phòng Nghiên cứu Chiến lược và Phát triển Dự án
04/2010 – 06/2019	Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Trưởng phòng – Phòng Nghiên cứu Phát triển và Đầu tư
09/2012 – Nay	Công ty TNHH BT Cam Lộ Túy Loan	Thành viên HĐTV
06/2020 – Nay	Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	Tổng Giám đốc
06/2019 – 11/2020	Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP	Giám đốc Đầu tư
12/2020 – 12/2022	Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP	Phó Tổng Giám đốc
12/2022 – Nay	Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP	Tổng Giám đốc

10. Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1"): 15.227.764 cổ phần, chiếm 3,83 % vốn điều lệ.
11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Tuý Loan
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cầu Đồng Nai
- Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức

12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có):

13. Cam kết:

Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

- Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI KHAI

LÊ BẢO ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Thái Phiên
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 01/11/1981
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CCCD:
7. Hộ khẩu thường trú:
8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ - Tài chính Ngân hàng
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2005 – 07/2006	UNDP Việt Nam	Chuyên viên
08/2006 – 07/2010	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Chuyên viên
07/2010 – 07/2013	CTCP Tập đoàn Vingroup	Phó giám đốc Đầu tư
08/2013 – 06/2015	CTCP Đầu tư Việt Nam - Oman	Giám đốc Đầu tư
07/2015 – 08/2021	CTCP Tập đoàn đầu tư địa ốc No Va	Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp
08/2021 – 12/2022	CTCP NovaGroup	Phó Tổng giám đốc
12/2023 - nay	Công ty TNHH K.A.S Capital	Tổng giám đốc
06/2026 - nay	Viện Thành viên Hội đồng quản trị Australia (AICD)	Thành viên

10. Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1"): 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
    - Tổng giám đốc, Công ty TNHH K.A.S Capital
12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có): Không
13. Cam kết:

    Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

    - Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

Thành phố Hồ Chí Minh., ngày 09. tháng 01.. năm 2026

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Thái Phiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGỌC
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 18/02/1982
4. Nơi sinh: Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/HC:
7. Hộ khẩu thường trú:
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư M&E
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 - 2015	Công ty TNHH TM KT Sen Hồng	Phó Giám đốc
2016 - 2020	Công ty CP Keytech	Phó Tổng Giám đốc
2021 - 11/2021	Công ty CP Keytech	Tổng Giám đốc
08/2021 – 06/2022	Tổng công ty Xây dựng số 1 – CTCP	Giám Đốc khối Cung ứng kiêm Trưởng ban Trợ lý CT HĐQT
07/2022 - 03/2023	Tổng công ty Xây dựng số 1 – CTCP	Phó Tổng Giám đốc khối Cung ứng và Kinh doanh Vật tư
04/2023 - 04/2025	Tổng công ty Xây dựng số 1 – CTCP	Phó Tổng Giám đốc
05/2025 - nay	Tổng công ty Xây dựng số 1 – CTCP	Phó Chủ tịch HĐQT

10. Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1"): 0, chiếm 0 % vốn điều lệ
11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
    - Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA – PSMC.
    - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Quang.
    - Thành viên HĐTV Công ty TNHH Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng.
    - Thành viên HĐQT không điều hành Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Việt Nguyên.
12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có):
13. Cam kết:

    Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

- Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

TP.HCM., ngày 9. tháng 7. năm 2026

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Văn Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : Phan Hữu Duy Quốc
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 04/07/1973
4. Nơi sinh : Huế
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. CCCD/ Hộ chiếu :
7. Hộ khẩu thường trú :

8. Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ chuyên ngành Xây dựng (2002, Đại Học Tokyo – Nhật Bản)

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/ Tổ chức	Chức vụ/ Công việc
5/2024 ~ nay	Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (CC1)	Thành viên Hội đồng Quản trị Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ 3/2/2025)
1/2023 ~ 1/2025	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
4/2022 ~ 8/2024	Công ty Cổ phần Greenpan Vietnam	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
3/2021 ~ 1/2022	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Phó Tổng Giám đốc, phụ trách về: - Quản lý bộ phận Thiết kế, trung tâm BIM - Quản lý và phát triển mới các dự án dân dụng. - Xây dựng mới Ban Hạ tầng & Năng lượng, ban R&D
2017 ~ 2021	Shimizu Corporation Bộ phận Quốc Tế Văn phòng đại diện tại VN	Phó Trưởng đại diện, phụ trách về: - Phát triển Kinh doanh & Quản lý Truyền thông, đối ngoại. - Hỗ trợ các dự án ODA: Dự án đường sắt đô thị số 1 TP.HCM và cầu Bình Khánh (cao tốc Bắc Nam)
2014 ~ 2017	Shimizu Corporation (Hội Sở) Bộ phận Quốc Tế Phòng Phát triển Kinh doanh	- Quản lý Phát triển Kinh doanh các Dự án hạ tầng tại Việt Nam - Điều phối Dự án Đường sắt Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh - Tuyến số 1 (Gói thầu Cp1b - Phần ngầm).

Thời gian	Công ty/ Tổ chức	Chức vụ/ Công việc
2006 ~ 2014	Shimizu Corporation (Hội Sở) Phòng Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	Tư vấn nội bộ, với các nhiệm vụ sau: - Thiết kế kết cấu và lập biện pháp xây dựng các công trình ngầm đô thị - Thiết kế vật liệu, kiểm soát chất lượng, kiểm tra và bảo trì các công trình, nghiên cứu & phát triển công nghệ.
2003 ~ 2006	Đại học Tokyo Viện Khoa học Công nghiệp	Nghiên cứu sinh sau tiến sĩ (Postdoctor) Giảng viên chương trình sau đại học
2002 ~ 2003	Tokyo Electric Power Service Co. Ltd.	Điều phối viên cho các dự án năng lượng và môi trường tại Việt Nam
1996 ~ 2002	Đại học Bách Khoa HCM	Giảng viên Khoa Kỹ thuật Xây dựng (Theo học tại ĐH Tokyo từ T9.1997 đến T9.2002)

10. Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1"): không có

11. Các vai trò ở các tổ chức khác:

- Thành viên tổ chuyên gia tư vấn triển khai hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo Kết luận số 49-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội.
- Thành viên Hội đồng cố vấn dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Tp.HCM.
- Thành viên Hội đồng cố vấn dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Tp.HCM.
- Chuyên gia Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu.
- Thành viên tổ chuyên gia công tác nghiệm thu một số công trình giao thông trọng điểm Tp.HCM.
- Ủy viên Hội đồng khoa học của Tạp chí Xây dựng – Bộ Xây dựng.
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Tp.HCM (SACA).
- Phó Tổng Thư ký hội bê tông Việt Nam.
- Giảng viên thỉnh giảng, Trường đại học Bách Khoa – Đại học quốc gia Tp.HCM.

12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có): không có

13. Cam kết:

Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

13. Cam kết:

Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

- Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

Tp.HCM., ngày 8 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI KHAI

Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: VÕ QUỐC KHÁNH
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 02/09/1979
4. Nơi sinh: Phan Rang, Khánh Hòa
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. CMND/CCCD/HC:
7. Hộ khẩu thường trú:
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T02/2025 - đến Nay	Công ty CP CC1 - Holdings	Tổng Giám đốc
Từ T04/2025 - đến Nay	Công ty TNHH Hai thành viên Quang Minh Sài Gòn	Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc
Từ T06/2025 - đến Nay	Công ty CP Đầu tư CC1	Chủ tịch HĐQT
Từ T10/2024 – đến T01/2025	Công ty CP Đầu tư IMG	Tổng Giám đốc
Từ 2023 – đến 2024	Tập đoàn TTC	Phó Tổng Giám đốc
Từ 2023 – đến 2024	Trường Yersin Đà Lạt	Chủ tịch Hội đồng Trường
Từ 2020 – đến 2022	Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 2022 – đến 2024	Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 2010 – đến 2024	Công ty CP Toàn Hải Vân	Tổng Giám đốc
Từ 2021 – đến 2023	Công ty CP TM Nguyễn Kim Đà Nẵng	Chủ tịch HĐQT
Từ 2020 – đến 2022	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Kho Vịnh Đầm	Chủ tịch Hội đồng thành viên

Từ 2020 – đến 2022	Công ty TNHH MTV KDDV Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Chủ tịch
Từ 2020 – đến 2022	Công ty CP Đầu tư phát triển Tân Sơn Nhất	Chủ tịch HĐQT
Từ 2020 – đến 2022	Công ty TNHH MTV Đầu tư BĐS TTC Land Phú Quốc	Chủ tịch

10. Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1"): 0, chiếm 0% vốn điều lệ
11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
    - Tổng Giám đốc - Công ty CP CC1 - Holdings
    - Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Hai thành viên Quang Minh Sài Gòn
    - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư CC1
12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có):
13. Cam kết:

    Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

    - Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
    - Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
    - Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

    Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

Tp. HCM, ngày 21 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI KHAI

VÕ QUỐC KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Số: ……/NQ-ĐHĐCĐ.TN *TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP;
- Căn cứ các Biên bản kiểm phiếu ngày 30/7/2026;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP số ……./BB-ĐHĐCĐ ngày 30/7/2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("Đại hội" hoặc "ĐHĐCĐ") của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("CC1") đã thảo luận, biểu quyết và đi đến quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2026 (đã bao gồm Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập năm 2025, Báo cáo của Ủy ban kiểm toán (UBKT) năm 2025 và kế hoạch năm 2026).

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt …… % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ (NK) 2021-2026 và định hướng kế hoạch hoạt động NK 2026-2031 (đã bao gồm Báo cáo hoạt động của UBKT NK 2022-2026 và định hướng kế hoạch NK 2026-2031).

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt …… % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 5. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về kế hoạch kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, UBKT năm 2026

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính trụ sở chính, riêng và hợp nhất năm 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 9. Thông qua Tờ trình về tăng vốn điều lệ năm 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 10. Thông qua Tờ trình về việc chấp thuận cơ chế giao cho Hội đồng quản trị quyết định hoạt động đầu tư, bán tài sản.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ..... % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 11. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng Số 1-CTCP.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt …… % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 12. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt …… % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 13. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt …… % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 14. Thông qua Tờ trình về bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt …… % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 15. Thông qua kết quả trúng cử Thành viên HĐQT NK 2026-2031 như sau:

Căn cứ kết quả kiểm phiếu; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên HĐQT; Quy chế làm việc tại Đại hội đã được thông qua và Điều lệ của CC1:

- Thành viên HĐQT NK 2026-2031 có 05 thành viên
- Kết quả trúng cử thành viên HĐQT NK 2026-2031 như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % đạt
1	….		
2	….		
3	….		
4	…….		
5	….		

Điều 16. Điều khoản thi hành:

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của CC1 giao cho Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết này trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho CC1, cho các cổ đông và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ của CC1.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP

Nơi nhận:
- *Cổ đông CC1 (qua Website CC1);*
- *UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;*
- *HĐQT, Ban TGĐ CC1;*
- *Lưu TK HĐQT, P.HC-CC1.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Hữu Duy Quốc